

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG
THỨ BA, NGÀY 29/04/2025



| TT | Thời gian | Nội dung chương trình làm việc | Thực hiện |
|-----|----------------------|---|---------------|
| I | Chuẩn bị và Khai mạc | | |
| 1 | 7h40-8h00 | Tiếp đón Cổ đông và khách mời | Ban tổ chức |
| 2 | 8h00-8h30 | - Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu | Ban tổ chức |
| | | - Báo cáo cơ cấu cổ đông tham dự, tuyên bố Đại hội đủ điều kiện tiến hành | Ban tổ chức |
| | | - Giới thiệu Chủ tịch đoàn | Ban tổ chức |
| | | - Chủ tọa chọn Ban thư ký và Ban kiểm phiếu. | Chủ tịch Đoàn |
| | | - Thông qua Chương trình làm việc của Đại hội. | Chủ tịch Đoàn |
| | | - Thông qua Quy chế làm việc, thể lệ biểu quyết tại Đại hội. | Chủ tịch Đoàn |
| II | 8h30-10h00 | Các nội dung báo cáo Đại hội | |
| 1 | | - Báo cáo của HĐQT | Chủ tịch Đoàn |
| 2 | | - Báo cáo kết quả SXKD, Báo cáo tài chính năm 2024 | Chủ tịch Đoàn |
| 3 | | - Báo cáo phân phối kết quả SXKD năm 2024, thù lao của HĐQT, BKS năm 2024, kế hoạch chi thù lao HĐQT, BKS năm 2025. | Chủ tịch Đoàn |
| 4 | | - Báo cáo nội dung chi trả cổ tức năm 2019. | Chủ tịch Đoàn |
| 5 | | - Báo cáo Kế hoạch SXKD và kế hoạch đầu tư năm 2025. | Chủ tịch Đoàn |
| 6 | | - Báo cáo Kế hoạch SXKD giai đoạn 2025-2030 | Chủ tịch Đoàn |
| 7 | | - Báo cáo của Ban kiểm soát. | Trưởng BKS |
| 8 | | - Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC giai đoạn 2025-2026. | Trưởng BKS |
| III | 10h00-10h30 | Đại hội thảo luận và biểu quyết | |
| 1 | | - Báo cáo của HĐQT | Chủ tịch đoàn |
| 2 | | - Báo cáo kết quả SXKD, Báo cáo tài chính năm 2024 | Chủ tịch đoàn |
| 3 | | - Báo cáo phân phối kết quả SXKD năm 2024, thù lao của HĐQT, BKS năm 2024, kế hoạch chi thù lao HĐQT, BKS năm 2025. | Chủ tịch đoàn |
| 4 | | - Báo cáo nội dung chi trả cổ tức năm 2019. | Chủ tịch đoàn |
| 5 | | - Báo cáo Kế hoạch SXKD và kế hoạch đầu tư năm 2025. | Chủ tịch đoàn |
| 6 | | - Báo cáo Kế hoạch SXKD giai đoạn 2025-2030 | Chủ tịch Đoàn |
| 7 | | - Báo cáo của Ban kiểm soát. | Chủ tịch đoàn |
| 8 | | - Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC giai đoạn 2025-2026. | Chủ tịch đoàn |
| IV | 10h30-11h00 | Bế mạc Đại hội | |
| 1 | | - Trình bày Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025 | Thư ký ĐH |
| 2 | | - Bế mạc ĐH | Chủ tịch Đoàn |
| | GHI CHÚ | Ban Điều hành Đại hội | |
| | | - Chủ tọa ĐH 02 Đc: Đào Mạnh Kiên & Trần Thanh Nghĩa. | |
| | | - Thư ký ĐH 02 Đc: Ng Hoàng Anh Tuấn & Ng Thị Minh Huyền | |
| | | - Ban Kiểm tra tư cách cổ đông: 03 Đc Tuấn, Nam, Dũng. | |
| | | - Ban Tổ chức Đại hội: Đc Tuấn – Nam – Dũng | |
| | | - Ban kiểm phiếu: Đc Nam - Thoa – Dũng | |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Số: **01** /TTr-HĐQT-DVDN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày **08** tháng **04** năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Quy chế tổ chức và thể lệ biểu quyết tại
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Dịch vụ hàng không sân bay Đà Nẵng đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty thông qua ngày 27 tháng 04 năm 2023.

Để cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty CP Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng được bắt đầu, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Quy chế tổ chức và Thể lệ biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Tài liệu kèm theo:

- Quy chế tổ chức và Thể lệ biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

Nơi nhận:

- Như K. gửi;
- Lưu: VT.



QUY CHẾ TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CP DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Điều 1. Mục tiêu

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng, dân chủ và tuân thủ pháp luật;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức, an toàn, trật tự trong quá trình diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 2. Ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

- Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức/cá nhân sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty được quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ);

- Người được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba. Việc cử đại diện và ủy quyền, thay đổi đại diện và người được ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản theo đúng những quy định sau:

- Trường hợp cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải là văn bản gốc có đầy đủ chữ ký của người ủy quyền và người nhận ủy quyền;

- Trường hợp cổ đông là pháp nhân/tổ chức thì văn bản ủy quyền phải là văn bản gốc có đầy đủ chữ ký của bên ủy quyền, bên nhận ủy quyền và phải được đóng dấu và được ký bởi người đại diện theo pháp luật của pháp nhân/tổ chức đó.

Điều 3. Trật tự của cuộc họp ĐHCĐ thường niên năm 2025

- Tất cả các cổ đông đến tham dự cuộc họp ĐHCĐ ăn mặc chỉnh tề;
- Không hút thuốc lá trong Hội trường tổ chức cuộc họp ĐHCĐ;
- Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra cuộc họp ĐHCĐ.
- Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc không được để chuông.

Điều 4. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại cuộc họp ĐHCĐ thường niên năm 2025.

- **Nguyên tắc:** Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của cuộc họp ĐHCĐ thường niên năm 2025 đều được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả cổ đông bằng Phiếu biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện. Mỗi cổ đông được cấp một Phiếu biểu quyết trong đó ghi mã số biểu quyết, họ và tên cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền), số cổ phần được quyền biểu quyết (sở hữu và ủy quyền) của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty CP Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng.

- **Cách biểu quyết:** Cổ đông thực hiện việc biểu quyết để *tán thành*, hoặc *không tán thành*, hoặc *không có ý kiến* một vấn đề được trình bày tại cuộc họp ĐHCĐ bằng cách GIƠ CAO và ĐÁNH DẤU vào Phiếu biểu quyết. Khi biểu quyết, mặt trước của Phiếu biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Ban chủ tọa.



- Thông qua quyết định của cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025:

4.1. Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ tán thành:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- e) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Công ty.

4.2. Các nội dung khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 4.1 điều này của Đại hội được thông qua khi đạt được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ tán thành:

4.3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu.

Điều 5. Trách nhiệm của Chủ tọa:

- Chủ tọa Đại hội được quy định tại khoản 4,7,8, điều 20 điều lệ Công ty.
- Chủ tọa Đại hội có các quyền và trách nhiệm sau:
 - + Chủ trì, điều khiển Đại hội; Chủ tọa tiến hành các công việc cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ, có trật tự, và đảm bảo Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự;
 - + Quyết định của Chủ tọa Đại hội về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất;
 - + Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình của Đại hội;
 - + Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - + Trả lời hoặc chỉ định thành viên Hội đồng quản trị trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu
 - + Giải quyết các vấn đề nảy sinh tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.

Điều 6. Trách nhiệm của Ban kiểm phiếu

- Xác định kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên;
- Nhanh chóng thông báo cho Chủ tọa và Đại hội kết quả biểu quyết.

Điều 7. Trách nhiệm của Tổ thư ký

- Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý của cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên;
- Soạn thảo Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.



DỰ THẢO

Đà Nẵng, ngày 08 tháng 04 năm 2025

**THẺ LỆ BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty CP Dịch vụ Hàng không sân bay Đà Nẵng.

Thẻ lệ biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty CP Dịch vụ Hàng không sân bay Đà Nẵng (sau đây gọi là “Đại hội”) được tiến hành như sau:

1. Tất cả các nội dung Tờ trình, Báo cáo tại Đại hội, Biên bản và Nghị quyết của Đại hội đều phải biểu quyết công khai, trực tiếp tại Đại hội hoặc biểu quyết thông qua bỏ phiếu trực tiếp.

2. Việc bầu Ban Chủ tọa, Thư ký, Ban Kiểm phiếu, Quy chế tổ chức Đại hội, Chương trình Đại hội, Biên Bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua và có hiệu lực khi được trên 50% số cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền dự họp Đại hội thống nhất biểu quyết.

3. Các nội dung Tờ trình, Báo cáo tại Đại hội được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền dự họp Đại hội và cổ đông có quyền biểu quyết thực hiện bỏ phiếu trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền thực hiện bỏ phiếu trực tiếp, ngoại trừ việc thông qua các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 21 Điều lệ Công ty.

4. Mỗi cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có số biểu quyết được tính bằng tổng số cổ phần mà người đó sở hữu và/hoặc đại diện sở hữu.

5. Thẻ lệ biểu quyết

- Đối với cổ đông/đại diện theo ủy quyền tham dự trực tiếp tại Đại hội:

Mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tham dự Đại hội được cấp một Phiếu biểu quyết/Thẻ biểu quyết. Trên Phiếu biểu quyết/Thẻ biểu quyết ghi rõ: Tên cổ đông, Mã đăng ký cổ đông, Số cổ phần bao gồm cổ phần sở hữu và cổ phần được ủy quyền.

5.1 Biểu quyết các nội dung tổ chức Đại hội

a) Cổ đông/đại diện theo ủy quyền tham dự trực tiếp tại Đại hội thực hiện quyền biểu quyết bằng cách GIỎ Thẻ biểu quyết khi thông qua các nội dung sau:

- Danh sách Ban Chủ tọa; Thư ký
- Danh sách Ban Kiểm phiếu;



- Quy chế tổ chức Đại hội;
- Chương trình Đại hội;
- Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ.

b) Việc biểu quyết các vấn đề nói trên tại Đại hội được tiến hành bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết. Đối với mỗi nội dung, Chủ tọa hoặc đại diện Ban Chủ tọa sẽ hỏi ý kiến cổ đông/đại diện theo ủy quyền về từng nội dung đó. Mỗi vấn đề sẽ biểu quyết gồm 3 lượt theo thứ tự: Tán thành; Không tán thành; Không có ý kiến. Kết quả biểu quyết sẽ được công bố ngay sau khi biểu quyết từng nội dung.

5.2 Biểu quyết các nội dung cần thông qua tại Đại hội

a) Cổ đông/đại diện theo ủy quyền tham dự trực tiếp tại Đại hội thực hiện quyền biểu quyết bằng cách GIƠ và ĐÁNH DẤU trên Phiếu biểu quyết để biểu quyết nội dung cần thông qua tại Đại hội. Trên Phiếu biểu quyết, Ban Tổ chức Đại hội đã in đầy đủ những nội dung cần biểu quyết nêu trên. Tương ứng với mỗi nội dung cần biểu quyết có 3 phương án là “Tán thành”, “Không tán thành”, hoặc “Không có ý kiến”. Khi Ban Chủ tọa yêu cầu Quý cổ đông biểu quyết, Quý cổ đông lựa chọn phương án nào thì GIƠ Phiếu biểu quyết tương ứng và đánh dấu “X” hoặc “√” vào phương án đó để làm căn cứ lưu trữ hồ sơ.

Các nội dung biểu quyết bao gồm: Các nội dung cụ thể được trình bày tại Đại hội.

b) Kết quả biểu quyết được Trưởng Ban Kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc Đại hội và bàn giao lại Biên bản kiểm phiếu cho Ban Chủ tọa, Ban Thư ký làm cơ sở hoàn thiện Biên bản và Nghị quyết.

6. Trong trường hợp cổ đông hoặc đại diện cổ đông có ý kiến thắc mắc về kết quả biểu quyết, Chủ tọa sẽ xem xét và quyết định ngay tại Đại hội.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Số: 04 /BC-HĐQT-DVĐN

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025

Kính thưa: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Năm 2024 là một năm quan trọng đối với ngành Hàng không, khi chúng ta tiếp tục chứng kiến sự phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch Covid-19. Nhiều chuyến bay đã được khôi phục và các hãng Hàng không quốc tế đã mở rộng các đường bay thương mại đến các sân bay mà Công ty phục vụ. Những hoạt động kinh tế đang dần trở lại bình thường, tạo điều kiện thuận lợi cho MASCO trong việc phát triển, kinh doanh các dịch vụ.

Tuy nhiên, bên cạnh những cơ hội này, chúng ta cũng phải đối mặt với nhiều thách thức do những biến động địa chính trị toàn cầu, ảnh hưởng đến tăng trưởng doanh thu và làm tăng chi phí nguyên vật liệu đầu vào, môi trường cạnh tranh khốc liệt. Điều này đã tạo ra áp lực không nhỏ đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Đối mặt với những thuận lợi và khó khăn của năm 2024, với sự hỗ trợ của cổ đông lớn Vietnam Airlines, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc điều hành cùng toàn thể CB-CNV đã tập trung đẩy mạnh, nâng cao chất lượng dịch vụ ở các lĩnh vực hoạt động có hiệu quả, tăng cường kiểm soát chặt chẽ những đơn vị kinh doanh có hiệu quả thấp đồng thời tiếp tục chính sách cắt giảm, tiết kiệm tối đa chi phí gián tiếp. Qua đó góp phần mang lại mức Doanh thu, Lợi nhuận khả quan hơn so với Kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Hội đồng quản trị Công ty CP Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng xin Báo cáo Đại hội cổ đông (ĐHĐCĐ) về kết quả hoạt động năm 2024 và định hướng hoạt động năm 2025 như sau:

I. VIỆC THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2024.

1. Các chỉ tiêu thực hiện SXKD:

Các chỉ số về quy mô, tăng trưởng và kết quả kinh doanh 2024 của MASCO được thể hiện chi tiết trong Báo cáo tài chính kiểm toán đính kèm và được công bố trên website của Công ty (www.masco@masco.com.vn), trong đó, một số chỉ tiêu chính đạt được như sau:

| | |
|------------------------------|---|
| + Tổng doanh thu | : 178,79 tỷ đồng, đạt 112,1% KH năm |
| + Tổng lợi nhuận trước thuế: | : 7,306 tỷ đồng, đạt 153,9% KH năm |
| + Tổng lợi nhuận sau thuế: | : 7,306 tỷ đồng, đạt 153,9% KH năm |
| + Vốn chủ sở hữu | : 34.406.273.460 đồng |
| + Thu nhập bình quân/người | : 9,78 triệu đồng/người/tháng, đạt: 113% KH năm |
| + Lợi nhuận sau thuế/vốn CSH | : 21,23 %. |
| + Lãi cơ bản/Cổ phiếu | : 904 đồng/CP |

2. Về công tác quản trị Công ty:

2.1. Thành phần của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị hiện nay có 05 thành viên gồm các ông bà sau:

| Stt | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|-----|-------------------------|-------------------------------|---------------|
| 1 | Ông Đào Mạnh Kiên | Chủ tịch HĐQT không điều hành | 25/06/2021 |
| 2 | Ông Trần Thanh Nghĩa | Ủy viên HĐQT | 28/06/2024 |
| 3 | Ông Trần Thanh Hải | Ủy viên HĐQT | 25/06/2021 |
| 4 | Ông Nguyễn Thanh Đông | Ủy viên HĐQT không điều hành | 28/06/2024 |
| 5 | Bà Nguyễn Thị Thùy Linh | Ủy viên HĐQT không điều hành | 25/06/2021 |

2.2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Với vai trò, nghĩa vụ đại diện quyền lợi cho các cổ đông Công ty, HĐQT luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, đã cùng Ban Tổng Giám đốc thực hiện công tác chỉ đạo điều hành, thực hiện các công tác, chỉ tiêu SXKD theo Nghị quyết ĐHCĐ năm 2024 đề ra. Thực hiện tốt chức năng giám sát mọi mặt hoạt động của Công ty theo điều lệ qui định thông qua hình thức trực tiếp và gián tiếp online qua email, điện thoại.

Hội đồng quản trị hoạt động theo nguyên tắc tập thể, tuân thủ đầy đủ các qui định của pháp luật và điều lệ. Hội đồng quản trị họp thường kỳ 01 quý họp 01 lần, trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã họp để chỉ đạo và ban hành nhiều Nghị quyết, Quyết định với nhiều nội dung quan trọng:

- Thông qua Báo cáo tài chính, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư... để trình ĐHCĐ quyết định;
- Thông qua và triển khai tổ chức ĐHCĐ thường niên;
- Thông qua Quy chế công bố thông tin, Quy chế đấu thầu và đầu tư, Quy chế quản lý và sử dụng quỹ tiền lương, quỹ khen thưởng phúc lợi, bổ nhiệm Tổng giám đốc;
- Phê duyệt và triển khai nhiều dự án lớn của Công ty theo thẩm quyền: đầu tư phương tiện vận chuyển suất ăn máy bay, cải tạo Nhà chế biến suất ăn tại chi nhánh Cam Ranh.
- Và nhiều quyết định quan trọng khác.

| Stt | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|--------------------------|------------|--|-----------------|
| 01 | 02/NQ-HĐQT-DVĐN | 08/03/2024 | Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023, lãnh đạo SXKD quý I năm 2024. | 100% |
| 02 | 03/NQ-HĐQT-DVĐN | 08/03/2024 | Thông qua chốt danh sách tham dự và các nội dung dự kiến trình ĐHCĐ 2024. | 100% |
| 03 | 04/NQ-HĐQT-DVĐN | 05/04/2024 | Triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. | 100% |
| 04 | 05/NQ-HĐQT-DVĐN | 22/04/2024 | Thay đổi thời gian tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024. | 100% |
| 05 | 06/NQ-HĐQT-DVĐN | 13/05/2024 | Triển khai Kế hoạch đầu tư năm 2024. | 100% |
| 06 | 07/NQ-HĐQT-DVĐN | 07/06/2024 | Triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. | 100% |
| 07 | 08/NQ-HĐQT-DVĐN | 07/06/2024 | Thông qua Quy chế CBTT, Quy chế đấu thầu và đầu tư của Công ty. | 100% |
| 08 | 01/QĐ-HĐQT-DVĐN | 07/06/2024 | Quyết định ban hành Quy chế CBTT Công ty | 100% |

| | | | | |
|----|------------------|------------|---|------|
| 09 | 02A/QĐ-HĐQT-DVĐN | 07/06/2024 | Quyết định ban hành Quy chế đầu thầu và đầu tư của Công ty. | 100% |
| 10 | 10/NQ-HĐQT-DVĐN | 28/06/2024 | Thay đổi nhân sự Tổng giám đốc và người đại diện Pháp luật của Công ty. | 100% |
| 11 | 02/QĐ-HĐQT-DVĐN | 28/06/2024 | Quyết định bổ nhiệm Tổng giám đốc Công ty. | 100% |
| 12 | 11/NQ-HĐQT-DVĐN | 04/07/2024 | Triển khai Kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2024 | 100% |
| 13 | 12/NQ-HĐQT-DVĐN | 04/07/2024 | Lựa chọn Công ty kiểm toán soát xét BCTC 6 tháng và năm 2024. | 100% |
| 14 | 13/NQ-HĐQT-DVĐN | 01/08/2024 | Chuyển xếp lương đối với Tổng giám đốc Công ty. | 100% |
| 15 | 14/NQ-HĐQT-DVĐN | 24/09/2024 | Thông qua BCTC soát xét 6 tháng năm 2024, Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ tiền lương, các khoản bổ sung khác và Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ khen thưởng phúc lợi Công ty | 100% |
| 16 | 15/NQ-HĐQT-DVĐN | 24/09/2024 | Thông qua Phụ lục Hợp đồng HTKD giữa Công ty với các cá nhân góp vốn tại 02 GDNN và Người nội bộ Công ty. | 100% |
| 17 | 16/NQ-HĐQT-DVĐN | 15/10/2024 | Thông qua việc triển khai thanh lý phương tiện dạy lái đã hết giá trị sử dụng tại Trung tâm GDNN đào tạo lái xe ô tô, mô tô Đà Nẵng. | 100% |
| 18 | 17/NQ-HĐQT-DVĐN | 25/12/2024 | Thông qua việc triển khai Dự án cải tạo chống thấm, dột nhà chế biến suất ăn tại Chi nhánh Cam Ranh | 100% |
| 19 | 07/QĐ-HĐQT-DVĐN | 25/12/2024 | Phê duyệt Dự án cải tạo chống thấm, dột nhà chế biến suất ăn tại Chi nhánh Cam Ranh. | 100% |
| 20 | 18/NQ-HĐQT-DVĐN | 25/12/2024 | Thông qua việc triển khai Dự án đầu tư phương tiện vận chuyển suất ăn máy bay | 100% |
| 21 | 08/QĐ-HĐQT-DVĐN | 25/12/2024 | Quyết định phê duyệt Dự án đầu tư phương tiện vận chuyển suất ăn máy bay. | 100% |
| 22 | 19/NQ-HĐQT-DVĐN | 25/12/2024 | Thông qua kết quả UTH 2024, triển khai xây dựng Kế hoạch SXKD 2025, Phụ lục hợp đồng HTKD giữa Công ty với cá nhân góp vốn tại Trung tâm GDNN đào tạo lái xe ô tô, mô tô Masco Đà Nẵng và Báo cáo, Kế hoạch 2025 của Bộ phận kiểm toán nội bộ Công ty | 100% |

3. Về công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc:

- Trong năm, Hội đồng Quản trị đã tích cực triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

- HĐQT thường xuyên tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường với Ban Tổng giám đốc theo quy định của Điều lệ công ty để quyết định kịp thời những vấn đề liên quan đến hoạt động SXKD nhằm đảm bảo lợi ích của Công ty phù hợp với định hướng do Đại hội đề ra.

- HĐQT đã xem xét và thống nhất ban hành Quy chế công bố thông tin, Quy chế đầu thầu và đầu tư, Quy chế quản lý và sử dụng quỹ tiền lương, quỹ khen thưởng phúc lợi. Ngày 28/06/2024, HĐQT họp và thống nhất bổ nhiệm Tổng giám đốc để quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Trong năm Ban Tổng giám đốc đã chỉ đạo sâu sát các hoạt động của Công ty, lập cụ thể kế hoạch hành động từng tháng, rà soát lao động, phương án điều chỉnh mức lương cho NLĐ, danh mục sản phẩm, dịch vụ tập trung ưu tiên vào sản phẩm dịch vụ chủ chốt mang lại hiệu quả cao, mở rộng sản phẩm ra ngoài lĩnh vực hàng không, đề ra các giải pháp khắc phục các hạn chế, bảo đảm tiến độ thực hiện kế hoạch, hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu SXKD do Đại hội đồng cổ đông giao. Việc kiểm soát chất lượng và công tác xử lý nợ thực hiện tốt.

- HĐQT đã thực hiện giám sát việc thực hiện công tác đầu tư năm 2024 như:

- + Đầu tư 02 xe ô tô dạy lái cho các trung tâm Đà Nẵng và Thừa Thiên Huế.
- + 01 xe 16 chỗ phục vụ chở tổ lái, tiếp viên tại Cam Ranh.
- + Cải tạo nhà để xe cho CBNV tại Chi nhánh Cam Ranh.
- + Đầu tư bổ sung 01 kho lạnh tại XN suất ăn Đà Nẵng.
- + Thay thế hệ thống điều hòa trong khu vực sản xuất tại các Nhà máy chế biến suất ăn.

4. Về các giao dịch với người có liên quan trong năm 2024.

- Trong năm 2024, các giao dịch giữa MASCO với người có liên quan đã được trình phê duyệt và thực hiện bảo đảm tuân thủ các yêu cầu theo quy định của pháp luật.

5. Các công tác khác:

- Lựa chọn và ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm 2024 theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ.

II. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2025.

1. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2025.

1.1. Nhận định chung:

- Tình hình trong nước và thế giới: Ảnh hưởng do khủng hoảng xung đột Nga-Ucraina và khu vực Trung Đông vẫn chưa có hồi kết làm cho giá nguyên, nhiên vật liệu có nhiều diễn biến khó lường, tình trạng suy thoái kinh tế ở nhiều quốc gia trên thế giới... càng làm cho tình hình vận tải Hàng không, du lịch đối diện với nhiều thách thức to lớn.

- Bên cạnh đó, chính sách thuế quan của Mỹ khi được áp dụng sẽ trực tiếp làm tăng chi phí sản xuất của doanh nghiệp, gây suy giảm tiêu dùng, nhu cầu đi lại của người dân đồng thời có thể gián tiếp làm tăng chi phí hoạt động của các hãng hàng không, khách sạn và đơn vị lữ hành.

- Giá các loại Nguyên vật liệu sản xuất suất ăn đều tăng do đơn giá vận chuyển tăng, trong bối cảnh các Hãng hàng không vẫn còn đối mặt với nhiều khó khăn nên Công ty chưa thể điều chỉnh được giá bán.

- Do vậy, hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2025 phụ thuộc rất lớn vào tình hình kinh tế thế giới, cuộc xung đột Nga-Ucraina... sự phục hồi của ngành du lịch nói chung và ngành Hàng không nói riêng của Việt Nam và thế giới.

1.2. Chỉ tiêu cụ thể:

| Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch 2025 trình ĐHĐCĐ | Ghi chú |
|----------------------------------|---------|------------------------------|---------|
| 1. Tổng vốn chủ sở hữu bình quân | Tr đồng | 43,480 | |

| Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch 2025 trình ĐHCĐ | Ghi chú |
|--|---------|-----------------------------|----------------------|
| Trong đó: | | | |
| - Vốn đầu tư của chủ sở hữu đến 31/12/2025 | Tr đồng | 42,677 | |
| 2. Sản lượng suất ăn | Suất | 1,562,057 | |
| 3. Doanh thu thực hiện | Tr đồng | 207,101 | |
| 4. Tổng chi phí | Tr đồng | 198,772 | |
| Trong đó: Tổng quỹ lương | Tr đồng | 58,997 | |
| 5. Lợi nhuận trước thuế | Tr đồng | 8,329 | |
| 6. Lợi nhuận sau thuế | Tr đồng | 6,669 | |
| 7. Lao động bình quân | Người | 465 | |
| 8. Tổng vốn đầu tư trong năm | Tr đồng | 31,902 | Đã bao gồm thuế GTGT |

2. Tình hình thực hiện SXKD Quý I năm 2025.

| TT | Các chỉ tiêu | ĐVT | KH 2025 | TH Quý I/2025 | TH Quý I/2024 | TH Quý I 2025/cùng kỳ 2024 (%) | TH Quý I 2025/KH (%) |
|----|----------------|-------|-----------|---------------|---------------|--------------------------------|----------------------|
| 1 | Sản lượng | Suất | 1,562,057 | 267,764 | 352,229 | 76.02% | 17.14% |
| 2 | Tổng doanh thu | Tr. đ | 207,101 | 42,718 | 43,552 | 98.09% | 20.63% |
| 3 | Tổng chi phí | Tr. đ | 199,583 | 41,376 | 41,624 | 99.40% | 20.73% |
| 4 | Tổng LNTT | Tr. đ | 7,518 | 1,342 | 1,928 | 69.61% | 17.85% |
| 5 | Tổng LNST | Tr. đ | 6,669 | 1,342 | 1,928 | 69.61% | 20.12% |

- Quý I là giai đoạn cao điểm phục vụ Tết nguyên đán nhưng các chỉ tiêu Sản lượng, Doanh thu và Lợi nhuận của Công ty đều không đạt kế hoạch đề ra. Tổng doanh thu TH Quý I/2025 là 42,7 tỷ đồng, chỉ đạt 20,63% so với kế hoạch năm. Lợi nhuận trước thuế 1,342 tỷ đồng đạt 17,85% so KH năm.

- Nguyên nhân là do căng thẳng về chính trị tại một số quốc gia và vùng lãnh thổ ngày càng gia tăng khiến giá nguyên nhiên liệu tăng mạnh đã làm hoạt động SXKD gặp nhiều khó khăn. Công ty cũng chưa thể tăng giá bán dịch vụ do các hãng bay vẫn còn đối mặt với các vấn đề về tài chính sau đại dịch. Mặt khác, việc chuyển giao công tác sát hạch từ Sở GTVT sang cơ quan Công an làm cho lĩnh vực đào tạo dạy nghề gặp nhiều bất lợi do học viên chưa được thi sát hạch trong Quý I dẫn đến công tác tuyển sinh khóa mới cũng bị chậm trễ.

- Để ứng phó với các ảnh hưởng do lạm phát, giá thành đầu vào..., đảm bảo Kế hoạch 2025 đề ra, Công ty tiếp tục thực hành tối đa chính sách tiết kiệm, quản lý các chi phí nhân công, đầu tư cũng như đàm phán với các nhà cung cấp, các đối tác để giảm giá NVL đầu vào, tăng hiệu quả hoạt động SXKD.

3. Công tác quản trị để đạt mục tiêu KH năm 2025.

- HĐQT chỉ đạo Ban Tổng giám đốc điều hành có các biện pháp tích cực, hiệu quả, bám sát yêu cầu của thị trường, chuẩn bị tốt các nguồn lực và các điều kiện sản xuất kinh doanh đảm bảo hoàn thành kế hoạch đã xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua.

- Tăng cường tiếp xúc với khách hàng mới nhằm mở rộng thị trường cũng như tạo ấn tượng, uy tín với khách hàng.

- Thường xuyên nghiên cứu thị trường, tìm kiếm đối tác cung cấp bổ sung nguồn hàng kinh doanh, đồng thời tổ chức chào hàng cạnh tranh cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho toàn công ty nhằm giảm giá đầu vào, tăng hiệu quả kinh doanh; Mở rộng các dịch vụ kinh doanh phụ trợ, tận dụng thêm năng lực cơ sở hạ tầng hiện có để tăng doanh thu, khai thác mọi nguồn thu, thực hiện triệt để tiết kiệm chi phí, đặc biệt là chi phí quản lý nhằm giảm chi phí để tăng lợi nhuận.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện, duy trì và không ngừng cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 22000:2018 để nâng cao chất lượng dịch vụ theo yêu cầu của các Hãng hàng không.

- Thường xuyên kiểm tra, thực hiện công tác bảo trì, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị và phương tiện vận chuyển theo kế hoạch nhằm đảm bảo hoạt động tốt nhất trong quá trình SXKD.

- Chú trọng công tác chăm lo đời sống, nâng cao thu nhập đồng thời tổ chức huấn luyện, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho NLĐ.

- Tiếp tục thực hiện đầu tư và nâng cấp chất lượng về cơ sở vật chất, trang thiết bị tại Xi nghiệp Suất ăn Đà Nẵng, Phú Bài và Cam Ranh nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, đáp ứng nhu cầu sản xuất tại các đơn vị.

- Tăng cường công tác chuyển đổi số, số hóa các tài liệu, quy trình quy định của Công ty, đảm bảo toàn bộ Cán bộ CNV được tiếp cận các văn bản hồ sơ và triển khai mới một cách nhanh nhất, linh hoạt nhất.

- Tiếp tục xúc tiến tìm kiếm mặt bằng để xây dựng Nhà chế biến suất ăn mới, đảm bảo đáp ứng nhu cầu của các Hãng hàng không.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động SXKD, công tác quản lý điều hành năm 2024, phương hướng nhiệm vụ năm 2025. HĐQT trân trọng báo cáo và mong nhận được ý kiến đóng góp của các cổ đông để hoạt động SXKD và công tác quản lý điều hành của HĐQT năm 2025 đạt kết quả cao nhất.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**


ĐÀO MẠNH KIÊN

Số: 05/TTr-HĐQT-DVĐN

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH

Các nội dung đề nghị Đại hội thảo luận và biểu quyết

Kính thưa: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

- Căn cứ Báo cáo của HĐQT về việc thực hiện các Chỉ tiêu SXKD, công tác quản lý điều hành năm 2024, những nhận định về tình hình kinh tế, chính trị trong nước và quốc tế gây ảnh hưởng đến thị trường hàng không, du lịch... Hội đồng quản trị Công ty CP Dịch vụ Hàng không sân bay Đà Nẵng kính trình Đại hội cổ đông (ĐHĐCĐ) các nội dung như sau:

1. Báo cáo kết quả SXKD và Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán.

| Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch | Thực hiện | % so với KH |
|----------------------|----------|-----------|-----------|-------------|
| Sản lượng (suất ăn) | Suất | 1,099,169 | 1,300,986 | 118.4% |
| Tổng doanh thu | Tr. đồng | 159,526 | 178,79 | 112.1% |
| Lợi nhuận trước thuế | Tr. đồng | 4,747 | 7,306 | 153.9% |
| Lợi nhuận sau thuế | Tr. đồng | 4,747 | 7,306 | 153.9% |
| Vốn đầu tư của CSH | Tr. đồng | 42,677 | 42,677 | 100.0% |
| Kế hoạch đầu tư | Tr. đồng | 26,348 | 4,157 | 15.8% |
| Tỷ lệ cổ tức dự kiến | - | | | |

2. Phương án phân phối Lợi nhuận năm 2024:

ĐVT: đồng

| TT | CHỈ TIÊU | THỰC HIỆN |
|-----|---|-----------------|
| 1 | Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế | 7,305,557,459 |
| 2 | Thuế TNDN phải nộp | 0 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế TNDN, bao gồm: | 7,305,557,459 |
| 3.1 | Lợi nhuận các đơn vị cung ứng suất ăn, Thương mại | (2,134,761,226) |
| 3.2 | Lợi nhuận tại Trung tâm đào tạo lái xe Thừa Thiên Huế | 6,165,278,482 |
| | Phân bổ PQL Cty từ năm 2019 – 2023 theo BB kết luận thanh tra thuế ngày 22 tháng 01 năm 2025 | 1,897,225,121 |
| | Phân phối LN tại Trung tâm đào tạo lái xe Thừa Thiên Huế: | |
| a | - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi tại TT Thừa Thiên Huế | 192,062,401 |
| b | - Chia cho các thành viên góp vốn khác (ngoài Công ty) | 1,673,054,194 |
| c | - LN Công ty được chia từ Trung tâm dạy nghề Thừa Thiên Huế | 2,402,936,766 |
| 3.3 | Lợi nhuận tại Trung tâm đào tạo lái xe Đà Nẵng | 3,275,040,202 |
| | Phân bổ PQL Cty từ năm 2019 – 2023 theo BB kết luận thanh tra thuế ngày 22 tháng 01 năm 2025 | 43,283,107 |
| | Phân phối LN tại Trung tâm đào tạo lái xe Đà Nẵng: | |
| a | - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi tại TT dạy nghề Đà Nẵng | 0 |
| b | - Chia cho các thành viên góp vốn khác (ngoài Công ty) | 1,583,560,977 |
| c | - Phân chia LN theo tỷ lệ vốn góp của Công ty | 1,648,196,118 |
| 4 | Lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi chia cho các bên góp vốn theo Hợp đồng HTKD tại 2 Trung tâm đào tạo lái xe: (4=3.1+3.2-3.2a-3.2b+3.3-3.3b) (Mã 421b-BCĐKT) | 3,856,879,886 |

2.1. Phân phối lợi nhuận tại 2 Trung tâm đào tạo lái xe (hợp tác kinh doanh với các thể nhân bên ngoài):

a. Tại Trung tâm dạy nghề Đà Nẵng:

- Giai đoạn 2020 – 2021, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, Trung tâm có kết quả kinh doanh thua lỗ tổng cộng: 4.159.410.208 đồng (Năm 2020 là: 1.001.907.651 đồng và Năm 2021 là: 3.157.502.557 đồng).

- Trong các năm 2022 và 2023, TTDN Đà Nẵng có tổng Lợi nhuận là: 1.614.927.864 đồng (Năm 2022: 1.054.061.208 và năm 2023: 560.866.656 đồng). Với mức Lợi nhuận này, chưa đủ bù đắp lỗ lũy kế của các năm trước nên không chia Lợi nhuận cho các bên góp vốn. Đến 31/12/2023 Trung tâm còn lỗ lũy kế: 2.544.482.344 đồng.

- Năm 2024: Trung tâm Đà Nẵng đạt Lợi nhuận: 3.275.040.202 đồng, sau khi trích phí quản lý Công ty (theo Văn bản kết luận Thanh tra Thuế Công ty số 503/CTDAN-CLTTKT1 ngày 20/01/2025) và bù số lỗ lũy kế, Trung tâm còn lại Lợi nhuận 2024: 687.274.751 đồng chia cho các cổ đông góp vốn, theo đó Công ty được chia Lợi nhuận: 350.510.124 đồng (tỷ lệ vốn góp 51%) và các cá nhân góp vốn bên ngoài được chia: 336.764.626 đồng.

b. Tại Trung tâm dạy nghề Huế:

- TTDN Huế năm 2024 có Lợi nhuận sau thuế: 6.165.278.482 đồng, Trung tâm không có lỗ lũy kế nên sau khi Phân bổ phí quản lý Công ty các năm 2019-2023 theo kết luận của Thanh tra Thuế và trích Quỹ Khen thưởng – phúc lợi năm 2024, Lợi nhuận còn lại: 4.075.990.960 đồng để phân phối cho các cổ đông theo tỷ lệ vốn góp. Theo đó, Công ty được chia Lợi nhuận: 2.402.936.766 đồng (tỷ lệ vốn góp 58,95%) và các cá nhân bên ngoài được chia: 1.673.054.194 đồng.

2.2. Phương án phân phối Lợi nhuận năm 2024 của Công ty:

- Hoạt động kinh doanh của Công ty bị lỗ liên tiếp hai năm 2020, 2021 với tổng Lỗ lũy kế là 27,03 tỷ đồng. Trong các năm sau dịch từ 2022 đến 2024 Công ty đã có Lợi nhuận tuy nhiên mức lợi nhuận vẫn còn thấp, chưa đủ bù đắp lỗ lũy kế. Cụ thể Lợi nhuận giai đoạn 2022 - 2024 sau khi chia cho các cá nhân góp vốn theo Hợp đồng HTKD tại hai Trung tâm dạy nghề như sau:

| Chỉ tiêu | ĐVT | Lợi nhuận sau thuế |
|---------------------------------|------|--------------------|
| Năm 2020 | Đồng | (12,153,078,594) |
| Năm 2021 | Đồng | (14,873,986,621) |
| Năm 2022 | Đồng | 54,127,931 |
| Năm 2023 | Đồng | 2,844,306,165 |
| Năm 2024 | Đồng | 3,856,879,886 |
| Tổng lỗ lũy kế (đến 31/12/2024) | Đồng | (20,271,751,233) |

- Lợi nhuận của Công ty năm 2024 (sau khi chia cho các bên góp vốn theo HĐ HTKD và trích quỹ KTPL) chỉ đạt 3,85 tỷ đồng. Theo quy định của Pháp luật (điểm a, khoản 2 điều 135 Luật DN 2020), Công ty sẽ giữ lại toàn bộ lợi nhuận năm 2024, không thực hiện trích Quỹ khen thưởng phúc lợi và không chia cổ tức cho các cổ đông để bù đắp lỗ lũy kế, cải thiện tình hình tài chính của Công ty.

2.3. Đối với cổ tức năm 2019:

- Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 đã thông qua tỷ lệ cổ tức chia cho các cổ đông 25%/VĐL số tiền là 10,67 tỷ đồng. Do hoạt động SXKD của Công ty trong hai năm 2020-2021 liên tiếp thua lỗ do ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19, đồng thời phần Lợi nhuận của các năm 2022 và 2023 còn thấp, lỗ lũy kế còn lớn, nhằm giảm bớt khó khăn về vốn và dòng tiền cho MASCO, ĐHĐCĐ các năm 2021, 2022, 2023 đã chấp thuận cho Công ty tạm thời chưa chi trả cổ tức từ Lợi nhuận năm 2019 cho các cổ đông.

- Tại ĐHĐCĐ năm 2024, các cổ đông đã biểu quyết thông qua việc Công ty sẽ chi trả cổ tức từ Lợi nhuận năm 2019 trong năm 2025 nên đề nghị cổ đông giao cho HĐQT cân đối khả năng tài chính và triển khai thực hiện nội dung này trước 31/12/2025.

3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025:

Trên cơ sở thực hiện năm 2024 và những khó khăn, thuận lợi trong hoạt động sản xuất kinh doanh đã được dự báo trong năm 2025, Hội đồng quản trị trình Đại hội những chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 như sau:

DVT: triệu đồng

| Chỉ tiêu | DVT | Kế hoạch 2025 trình ĐHĐCĐ | Ghi chú |
|--|---------|------------------------------|----------------------|
| 1. Tổng vốn chủ sở hữu bình quân | Tr đồng | 43,480 | |
| Trong đó: | | | |
| - Vốn đầu tư của chủ sở hữu đến 31/12/2025 | Tr đồng | 42,677 | |
| 2. Sản lượng suất ăn | Suất | 1,562,057 | |
| 3. Doanh thu thực hiện | Tr đồng | 207,101 | |
| 4. Tổng chi phí | Tr đồng | 198,772 | |
| Trong đó: Tổng quỹ lương | Tr đồng | 58,997 | |
| 5. Lợi nhuận trước thuế | Tr đồng | 8,329 | |
| 6. Lợi nhuận sau thuế | Tr đồng | 6,669 | |
| 7. Lao động bình quân | Người | 465 | |
| 8. Tổng vốn đầu tư trong năm | Tr đồng | 31,902 | Đã bao gồm thuế GTGT |

- Trong bối cảnh kinh tế thế giới năm 2025 dự báo tiếp tục biến động, xung đột địa chính trị vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro ảnh hưởng đến môi trường kinh doanh. Để chủ động trong điều hành SXKD, HĐQT kiến nghị ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT Công ty chủ động rà soát, điều chỉnh Kế hoạch SXKD khi thị trường có những biến động bất thường, ảnh hưởng tới kết quả SXKD, đảm bảo việc điều hành các nguồn lực và tổ chức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp phù hợp với tình hình thực tế. Công ty sẽ thông báo cho các cổ đông kết quả điều chỉnh kế hoạch (nếu có).

4. Kế hoạch đầu tư 2025: (Chi tiết theo Phụ lục số 01 đính kèm)

- Dự án chuyển tiếp từ năm 2024 : 18,878 tỷ đồng
- Dự án đầu tư mới trong năm 2025 : 13,024 tỷ đồng
- Tổng cộng mức đầu tư Kế hoạch 2024 : 31,902 tỷ đồng (đã bao gồm VAT)

5. Thông qua định hướng hoạt động SXKD giai đoạn 2025-2030.

- Chiến lược trong giai đoạn từ 2025 – 2030 của MASCO khẳng định việc sẽ tiếp tục giữ vị thế hàng đầu và xây dựng Công ty thành một đơn vị chuyên phục vụ các lĩnh vực kinh doanh liên quan đến dây chuyền vận tải hàng không tại Khu vực Miền Trung, đặc biệt ưu tiên hàng đầu về lĩnh vực dịch vụ chế biến, cung ứng suất ăn hàng không.

CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH GIAI ĐOẠN 2025-2030

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2025 | Năm 2026 | Năm 2027 | Năm 2028 | Năm 2029 | Năm 2030 |
|----|-------------|------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| 1 | Sản lượng | Suất | 1,562,057 | 1,671,401 | 1,788,399 | 1,913,587 | 2,296,304 | 2,411,120 |
| 2 | Doanh thu | Tr đ | 207,101 | 221,589 | 237,037 | 253,566 | 283,886 | 298,036 |
| 3 | Chi phí | Tr đ | 198,772 | 211,782 | 226,973 | 243,242 | 270,625 | 283,857 |
| 4 | LNTT | Tr đ | 8,329 | 9,807 | 10,063 | 10,324 | 13,261 | 14,179 |
| 5 | Vốn điều lệ | Tr đ | 42,677 | 42,677 | 62,677 | 92,677 | 92,677 | 92,677 |
| 6 | KH đầu tư | Tr đ | 31,902 | 16,050 | 32,000 | 108,000 | 24,500 | 13,500 |

6. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị (báo cáo đính kèm)

- Trong năm 2024, Hội đồng Quản trị đã tích cực triển khai các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

7. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát (báo cáo đính kèm)

- Báo cáo của Ban kiểm soát đã trình bày được các hoạt động mà BKS thực hiện trong năm 2024, cơ bản đã đánh giá đầy đủ về hoạt động SXKD của Công ty, hoạt động quản lý điều hành của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, công tác đầu tư và quyết toán dự án trong năm 2024 cũng như đánh giá việc tuân thủ pháp luật của Nhà nước và Điều lệ Công ty. Bên cạnh đó báo cáo cũng tổng kết tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ năm 2024 của Công ty.

8. Thông qua báo cáo tình hình thực hiện chi trả thù lao, tiền lương HĐQT, BKS năm 2024 và phương án trả thù lao, tiền lương HĐQT, BKS năm 2025:

- Thù lao, tiền lương của HĐQT, BKS được thực hiện đầy đủ 100% theo kế hoạch năm 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, cụ thể:

8.1. Tình hình thực hiện chi trả thù lao và tiền lương năm 2024:

a. Thù lao: 78.780.000đ

- Chủ tịch HĐQT : 1.625.000đ/người/tháng tương ứng 19.500.000 đồng/năm.
- UV HĐQT : 910.000đ/người/tháng tương ứng 43.680.000 đồng/năm.
- UV BKS : 650.000đ/người/tháng tương ứng 15.600.000 đồng/năm.

b. Tiền lương: 93.600.000 đ

- Trưởng ban BKS : 7.800.000 đ/người/tháng tương ứng 93.600.000 đồng/năm

8.2. Kế hoạch chi trả tiền lương và thù lao năm 2025:

- Công ty xây dựng Kế hoạch thù lao, tiền lương HĐQT, BKS năm 2025 tăng 10% so với thực hiện 2024, tổng cộng: **190.080.000 đồng**, trong đó:

a. Thù lao: 86.880.000 đ

- Chủ tịch HĐQT : 1.800.000đ/người/tháng tương ứng 21.600.000 đồng/năm.
- UV HĐQT : 1.000.000đ/người/tháng tương ứng 48.000.000 đồng/năm.
- UV BKS : 720.000đ/người/tháng tương ứng 17.280.000 đồng/năm.

b. Tiền lương: 103.200.000 đ

- Trưởng ban BKS : 8.600.000 đ/người/tháng tương ứng 103.200.000 đồng/năm

Trên đây là báo cáo các nội dung chỉ tiêu SXKD, phương hướng nhiệm vụ năm 2025. HĐQT trân trọng báo cáo và mong nhận được ý kiến đóng góp của các cổ đông để hoạt động SXKD năm 2025 đạt kết quả cao nhất.

Với sự đoàn kết thống nhất cao trong HĐQT và Ban Tổng Giám đốc, sự sáng tạo, linh hoạt và quyết đoán trong quản trị và điều hành, cùng với sự đồng lòng ủng hộ của các cổ đông, nhất định HĐQT, Ban TGD điều hành sẽ vượt qua khó khăn thách thức của năm 2025, thực hiện tốt các mục tiêu đại hội đề ra.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



ĐÀO MẠNH KIÊN



PHỤ LỤC 1: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2025

DVT: Triệu đồng

| STT | Danh mục đầu tư | | | |
|-----------|---|-----------------|----------------------|-------------------|
| | | Tổng mức đầu tư | Trong đó: Nguồn VCSH | Tiến độ thực hiện |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| A | Dự án chuyển tiếp kỳ trước (I+II) | 18,878 | 5,664 | |
| I | Đầu tư trang thiết bị (1+2+3) | 14,853 | 4,456 | |
| | Xe vận chuyển suất ăn (3 xe) | 14,853 | 4,456 | Quý 2 |
| II | Đầu tư xây dựng cơ bản (1+2) | 4,025 | 1,208 | |
| 1 | Các dự án chuẩn bị đầu tư | | | |
| 2 | Các dự án thực hiện đầu tư | 4,025 | 1,208 | |
| 2.1 | Chống thấm sàn nhà xưởng CXR bằng lợp tôn | 2,400 | 720 | 12.2024 |
| 2.2 | Bổ sung thiết bị và nâng cấp hệ thống PCCC tại CXR | 1,625 | 488 | 12.2024 |
| B | Dự án đầu tư mới (I+II) | 13,024 | 5,057 | |
| I | Đầu tư trang thiết bị lẻ | 11,381 | 3,414 | |
| 1 | Các dự án chuẩn bị đầu tư | | | |
| 2 | Các dự án thực hiện đầu tư | 11,381 | 3,414 | |
| 2.1 | Xe tải tập lái 4 xe (Đà Nẵng 2 xe, Huế 2 xe) | 2,000 | 600 | Quý 2 |
| 2.2 | Xe tập lái tự động 5 chỗ (TT Huế 2 xe) | 1,200 | 360 | Quý 2 |
| 2.3 | Xe tập lái số sàn 5 chỗ (TT Huế 5 xe) | 2,750 | 825 | Quý 2 |
| 2.4 | Xe chở tổ lái tiếp viên 16 chỗ CXR | 905 | 272 | Quý 2 |
| 2.5 | Thiết bị dò kim loại (An ninh suất ăn CXR) | 350 | 105 | Quý 4 |
| 2.6 | Nâng cấp phần mềm Công ty | 250 | 75 | Quý 3 |
| 2.7 | Trang thiết bị lẻ khác | 500 | 150 | Cả năm |
| 2.8 | Trang thiết bị tại DAD và CXR | 3,426 | 1,028 | |
| 2.8.1 | Tại Đà Nẵng | 3,125 | 938 | |
| | Lốc dàn nóng kho lạnh/ đông/ máy làm đá (7 lốc) DAD | 280 | 84 | Cả năm |
| | Điều hòa thay thế 1,5HP (10 bộ) | 200 | 60 | Cả năm |
| | Máy giặt công nghiệp | 450 | 135 | Quý 2 |
| | Máy rửa dụng cụ | 580 | 174 | Quý 3 |
| | Tủ mát (2 cái thay thế 3 tủ pepsi) | 140 | 42 | Quý 3 |
| | Hệ thống dàn lạnh, máy nén dàn ngưng | 300 | 90 | Quý 3 |
| | Hệ thống liên lạc nội bộ | 150 | 45 | Quý 2 |
| | Thay thế cửa kho lạnh (3 cửa) | 120 | 36 | Quý 3 |
| | Máy cắt củ đa năng (cắt hạt lựu, cắt lát và thái sợi) | 35 | 11 | Quý 3 |
| | Máy sàng rây bột làm bánh mì | 70 | 21 | Quý 3 |
| | Chảo nghiêng đôi tự động (2 cái) | 800 | 240 | Quý 2 |



| | | | | |
|------------|--|---------------|---------------|--------|
| 2.8.2 | Tại Cam Ranh | 301 | 90 | |
| | Camera giám sát phương tiện (9 bộ) | 36 | 11 | Quý 2 |
| | Điều hòa thay thế 1,5HP (5 bộ) | 100 | 30 | Cả năm |
| | Máy lau sàn công nghiệp | 30 | 9 | Quý 2 |
| | Máy bơm chữa cháy | 30 | 9 | Quý 2 |
| | Cải tạo cửa cuốn mô tơ điện có remote (7 cửa) | 105 | 32 | Quý 2 |
| II | Đầu tư xây dựng cơ bản (1+2) | 1,643 | 1,643 | |
| 1 | Các dự án chuẩn bị đầu tư | | | |
| 2 | Các dự án thực hiện đầu tư | 1,643 | 1,643 | |
| 2.1 | Cải tạo cơ sở hạ tầng DAD | 1,015 | 1,015 | |
| a | Thay gạch men, đá granite khu vực bong tróc | 120 | 120 | Quý 3 |
| b | Ốp nhựa PVC thay cho tường gạch bị bong tróc | 225 | 225 | Quý 3 |
| c | Gia cố đánh cổng thoát nước và đổ bê tông trước XN | 170 | 170 | Quý 3 |
| d | Cải tạo hệ thống xử lý nước thải | 500 | 500 | Quý 4 |
| 2.2 | Cải tạo cơ sở hạ tầng CXR | 200 | 200 | |
| a | Cải tạo sửa chữa hệ thống xử lý nước thải | 100 | 100 | Quý 3 |
| b | Cải tạo bảo dưỡng hệ thống nhà xưởng | 100 | 100 | Quý 2 |
| 2.3 | Cải tạo cơ sở hạ tầng Phú Bài | 428 | 428 | |
| a | Xây dựng tường rào khu đất 318m ² | 158 | 158 | Quý 4 |
| b | Thay gạch men khu vực bong tróc | 120 | 120 | Quý 3 |
| c | Cải tạo hệ thống xử lý nước thải | 150 | 150 | Quý 3 |
| | Tổng cộng (A+B) | 31,902 | 10,720 | |



Số: **06** /BC-HĐQT-DVĐN

Đà Nẵng, ngày **17** tháng **4** năm 2025

BÁO CÁO

Về việc: Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch 2020 - 2024
và chiến lược giai đoạn 2025 - 2030

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

PHẦN I: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 2020-2024.

I. Môi trường tác động, ảnh hưởng đến hoạt động công ty.

1. Mặt bằng kinh doanh thương mại tại cảng HK miền Trung không thuận lợi. Cụ thể:

- Tại sân bay Đà Nẵng diện tích bố trí cho công ty thuê rất ít và các vị trí không thuận lợi cho kinh doanh.

- Tại sân bay Huế: Công ty phải đấu thầu thuê mặt bằng kinh doanh thương mại với giá thuê cao.

- Tại sân bay Cam Ranh: Công ty không được thuê mặt bằng kinh doanh TM.

2. Giá nguyên nhiên vật liệu luôn biến động theo chiều hướng tăng, làm tăng chi phí đầu vào trong khi giá bán sản phẩm không thay đổi trong thời gian dài.

3. Mặt bằng bố trí để xây dựng nhà xưởng chế biến suất ăn tại DAD vẫn chưa thuê được để xây dựng nhà chế biến suất ăn mới nên ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng và tiêu chuẩn sản phẩm cung ứng suất ăn cho các hãng quốc tế.

II. Kết quả sản xuất kinh doanh giai đoạn 2020-2024.

1. Về quy mô, sản lượng:

- Tốc độ tăng trưởng bình quân tăng : 53%/năm, trong đó:

+ Hãng VNA : 45%/năm

+ Hãng khác (VJ, Bamboo, PA...) : 150% năm

- Thực hiện sản lượng cung ứng suất ăn chi tiết như sau:

| Chỉ tiêu | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 | 2024 |
|---|----------------|----------------|----------------|------------------|------------------|
| 1. Tổng sản lượng (suất) | 682,485 | 208,066 | 829,733 | 1,052,958 | 1,300,986 |
| - Nội địa | 373,999 | 201,303 | 726,448 | 578,885 | 500,935 |
| - Quốc tế | 308,486 | 6,763 | 103,285 | 474,073 | 800,051 |
| 2. Sản lượng cung ứng cho VNA | 508,945 | 184,088 | 772,694 | 740,890 | 887,100 |
| - Nội địa | 361,918 | 184,088 | 669,409 | 505,748 | 488,560 |
| - Quốc tế | 147,027 | | 103,285 | 235,142 | 398,540 |
| 3. Sản lượng cung ứng cho khách hàng khác | 173,540 | 23,978 | 57,039 | 312,068 | 413,886 |
| - Nội địa: VJ, Bamboo, PA, VU | 12,081 | 17,215 | 57,039 | 73,137 | 12,375 |
| - Quốc tế | 161,459 | 6,763 | | 238,931 | 401,511 |

2. Thị phần:

- Tại sân bay quốc tế Đà Nẵng và Phú Bài: sản lượng suất ăn cung ứng chiếm 100%.

- Tại sân bay quốc tế Cam Ranh: sản lượng suất ăn cung ứng chiếm 60%.

3. Hiệu quả tài chính:

- Tình hình hoạt động SXKD của Công ty trong giai đoạn 2020-2024 gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Kết quả SXKD về các chỉ tiêu chính như doanh thu đều giảm mạnh và lợi nhuận lỗ 13,7 tỷ đồng, cụ thể như sau:

DVT: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 | 2024 |
|-----|--|----------|----------|---------|---------|---------|
| 1 | Tổng doanh thu | 102,258 | 51,896 | 105,950 | 146,542 | 178,792 |
| | - Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 97,294 | 45,086 | 104,880 | 145,321 | 177,231 |
| | <i>Trong đó: Doanh thu HHDV cung ứng cho VNA</i> | 34,155 | 10,524 | 38,591 | 54,306 | 70,831 |
| | - Doanh thu hoạt động tài chính | 41 | 49 | 15 | 64 | 312 |
| | - Thu nhập khác | 4,923 | 6,761 | 1,055 | 1,157 | 1,249 |
| 2 | Tổng chi phí | 113,347 | 66,733 | 104,664 | 142,890 | 171,487 |
| 3 | LNTT | (11,089) | (14,837) | 1,286 | 3,652 | 7,305 |
| 4 | LNST | (11,089) | (14,837) | 1,286 | 3,652 | 7,305 |

- Lợi nhuận năm 2020-2021 lỗ 25,9 tỷ đồng, lợi nhuận năm 2022-2024 là 12,2 tỷ đồng.

- Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 nên không phản ánh được chính xác tốc độ tăng trưởng các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận của giai đoạn 2020-2024.

3.1. Lĩnh vực cung ứng suất ăn: Tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân hàng năm 68%/năm. Các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận cung ứng suất ăn có tỷ trọng tương đối cao hơn so với các lĩnh vực khác. Tỷ trọng bình quân doanh thu suất ăn/ tổng doanh thu đạt 60%.

3.2. Lĩnh vực hàng bách hóa và chế biến: Tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân tăng 110%/năm. Tỷ trọng doanh thu bình quân/tổng doanh thu là 11%.

3.3. Lĩnh vực đào tạo lái xe ô tô mô tô: Tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân tăng 13%/năm. Tỷ trọng doanh thu bình quân/tổng doanh thu là 26%.

3.4. Đánh giá tình hình tài chính:

- Định kỳ hằng tháng, Công ty luôn lập kế hoạch cân đối dòng tiền, trong đó cụ thể cho từng khoản mục thu và chi bao gồm cả cho hoạt động đầu tư và hoạt động sản xuất kinh nên luôn chủ động được các khoản thanh toán khi đến hạn.

- Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh cũng như kế hoạch đầu tư hằng năm, Công ty cũng lập kế hoạch tài chính và dự báo dòng tiền cho năm kế hoạch để chủ động cân đối dòng tiền.

- Tình hình công nợ trong đó nợ phải thu khó đòi: 1.481.124.999 đồng của Hãng hàng không Indochina đã được Công ty trích dự phòng 100%, số công nợ hàng tháng phải thu còn lại chủ yếu của các hãng hàng không và của VNA.

- Tình hình sử dụng vốn và hiệu quả mang lại: tất cả các khoản vay trên đều được sử dụng cho việc bổ sung vốn lưu động và đầu tư hình thành tài sản cố định, cụ thể là đầu tư cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị suất ăn Đà Nẵng, Cam Ranh nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

4. Tình hình đầu tư.

- Hàng năm, Công ty thực hiện đầu tư xây dựng các dự án theo Kế hoạch được ĐHCĐ và HĐQT thông qua để cải tạo cơ sở hạ tầng, đầu tư máy móc thiết bị hiện đại nhằm tăng năng suất lao động và chất lượng sản phẩm. Công ty chỉ triển khai đầu tư các hạng mục thực sự cần thiết, phù hợp với tình hình tài chính, cụ thể:

- Đầu tư xe dạy lái tại TTDN Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế

- Đầu tư xe phục vụ vận chuyển TLTV tại Cam Ranh.

- Đầu tư cải tạo nhà chế biến suất ăn Phú Bài, Đà Nẵng và Cam Ranh

- Riêng dự án xây dựng Nhà chế biến suất ăn Đà Nẵng mới theo quy hoạch của sân bay Đà Nẵng, từ năm 2017 đến nay Công ty đã gửi hồ sơ thuê đất cho Cục hàng không Việt Nam nhưng vẫn chưa có kết quả nên dự án vẫn chưa thực hiện được trong giai đoạn 2020-2024.

5. Phát triển nguồn nhân lực:

- Cơ cấu lao động theo trình độ tính đến 31/12/2024:

| Stt | Cơ cấu lao động theo trình độ | Số lao động | Tỷ lệ % |
|-----|-------------------------------|-------------|-------------|
| 1 | Đại học và trên Đại học | 139 | 32% |
| 2 | Cao đẳng, Trung cấp | 129 | 29% |
| 3 | Sơ cấp, công nhân kỹ thuật | 173 | 39% |
| | Tổng | 441 | 100% |

- Cơ cấu lao động phân theo chức danh tính đến 31/12/2024:

| Stt | Cơ cấu lao động phân theo chức danh | Số lao động | Tỷ lệ % |
|-----|--|-------------|-------------|
| 1 | Lao động quản lý | 22 | 5% |
| 2 | Lao động chuyên môn nghiệp vụ | 18 | 4% |
| 3 | Lao động trực tiếp sản xuất kinh doanh | 401 | 91% |
| | Tổng | 441 | 100% |

5.1. Đào tạo phát triển nguồn nhân lực:

- Người lao động khi vào làm việc tại công ty được đào tạo ban đầu và huấn luyện định kỳ theo đúng quy định. Công ty luôn chú trọng đến công tác đào tạo, huấn luyện nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng cho người lao động.

- Các nội dung đào tạo theo quy định gồm:

+ Đào tạo theo quy định của pháp luật về lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.

+ Đào tạo theo yêu cầu đặc thù của ngành hàng không: Công ty tuân thủ thực hiện theo quy định của nhà chức trách, các tổ chức hàng không quốc tế, hãng vận chuyển... Những nội dung này thực hiện bởi các đơn vị được Cục hàng không Việt Nam phê duyệt và cấp giấy phép hoạt động đào tạo.

5.2. Năng suất lao động và tiền lương BQ:

| Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2020 | Năm 2021 | Năm 2022 | Năm 2023 | Năm 2024 |
|-----------------------|-------------------|----------|----------|----------|----------|----------|
| Số lượng lao động BQ | Người | 418 | 295 | 420 | 420 | 441 |
| Năng suất lao động BQ | tr đ/người/ tháng | 20.4 | 14.7 | 29.4 | 29.4 | 33.0 |
| Tiền lương BQ | tr đ/người/ tháng | 5.37 | 4.40 | 6.48 | 8.67 | 10.00 |

6. Phát triển năng lực kỹ thuật, chất lượng dịch vụ, thương hiệu:

- Tăng cường quảng bá, hình ảnh thương hiệu Masco thông qua việc tham gia sự kiện FESTA tại Đà Nẵng cùng VNA group. Qua đó, giới thiệu rộng rãi đến khách du lịch và người dân TP Đà Nẵng về suất ăn Hàng không nói chung và của MASCO nói riêng.

- Rà soát, kiểm tra đánh giá và triển khai áp dụng chiến lược cạnh tranh về dịch vụ cung ứng suất ăn theo các tiêu chuẩn yêu cầu của các hãng hàng không. Tập trung xây dựng các thực đơn mới và đẩy mạnh công tác Marketing: chủ động chào hàng cho các hãng là đối tác của Công ty và các hãng Hàng không mới, đặc biệt quan tâm tới chính sách hậu mãi sau bán hàng đối với khách hàng nhằm giữ vững ổn định các loại hình kinh doanh Dịch vụ cung ứng suất ăn hàng không đã xác định là chiến lược của Công ty.

- Thường xuyên chú trọng công tác đầu tư nâng cao công suất về máy móc, thiết bị và phương tiện vận chuyển suất ăn hàng không nhằm tăng cường chất lượng dịch vụ trong dây chuyền vận tải hàng không.

7. Hợp tác:

- Công ty luôn chủ động liên hệ hợp tác chặt chẽ với các đối tác là đơn vị trong ngành hàng không cùng nhau phát triển dịch vụ phòng chờ hạng C tại các sân bay Miền Trung.

- Tìm kiếm các đối tác để liên doanh liên kết phát triển lĩnh vực kinh doanh thương mại, ăn uống tại các sân bay Miền Trung.

III. Đánh giá tổng quát:

1. Những kết quả đạt được:

- Hoàn thành kiện toàn công tác cán bộ công ty nhiệm kỳ 2021-2025.

- Hoàn thành công tác xây dựng chính sách giá bán suất ăn và dịch vụ handling với mục tiêu giảm giá bán, tăng chất lượng sản phẩm để chuẩn bị đối phó với đối thủ cạnh tranh trong giai đoạn đến.

- Duy trì và không ngừng cải tiến hệ thống quản lý an toàn thực phẩm 22000:2018; Hoàn thành đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn ISO 22000 tại cả 3 đơn vị suất ăn trong toàn Công ty. Duy trì hiệu quả Quy trình quản lý suất ăn theo tiêu chuẩn Halal tại XNSA ĐN và chi nhánh Nha Trang.

- Hoàn thành tham gia mua chung bảo hiểm với Tổng Công ty HKVN từ năm 2020 đến nay như Bảo hiểm tài sản, cơ sở vật chất và phương tiện vận chuyển;

- Công tác kiểm tra, giám sát tiêu chuẩn chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm được duy trì thường xuyên; Thực hiện tốt chính sách tiết kiệm, chấp hành quy định và kỷ luật lao động trong toàn Công ty.

2. Mối quan hệ, vai trò những đóng góp của Công ty đối với hoạt động SXKD của TCT Hàng không Việt Nam.

+ Công ty là đơn vị cổ phần có vốn đóng góp của Tổng công ty là 36,11%. Hoạt động ngành nghề kinh doanh chính của công ty là kinh doanh các lĩnh vực phục vụ trong dây chuyền hàng không như cung ứng suất ăn, vận chuyển suất ăn và chở tổ lái tiếp viên.

+ Tổng công ty là khách hàng lớn của Công ty trong thời gian qua, công ty là đơn vị duy nhất tại sân bay Đà Nẵng, Phú Bài, Cam Ranh cung ứng suất ăn cho VNA bao gồm các chuyến bay nội địa và quốc tế. Ngoài các dịch vụ cung ứng trong dây chuyền hàng không, Công ty còn sản xuất cung ứng các sản phẩm nội bộ cho TCT.

3. Những tồn tại hạn chế và nguyên nhân:

- Hạ tầng cơ sở của hoạt động cung ứng dịch vụ hàng không tại Đà Nẵng đã quá tải nhưng vẫn chưa được cấp đất xây dựng mới để kịp thời với tốc độ phát triển và tiêu chuẩn dịch vụ của các hãng hàng không quốc tế.

- Công tác chất lượng dịch vụ vẫn tồn tại các sai sót do khâu quản trị sản xuất đã ảnh hưởng đến uy tín và thương hiệu của Masco.

- Vốn điều lệ ở mức còn thấp so với năng lực hiện tại ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và công tác đầu tư của Công ty.

PHẦN 2: CHIẾN LƯỢC CÔNG TY GIAI ĐOẠN 2025-2030

I. Sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi:

1. Sứ mệnh, tầm nhìn:

- Chiến lược giai đoạn từ 2025 – 2030 của MASCO khẳng định việc sẽ tiếp tục giữ vị thế hàng đầu và xây dựng Công ty thành một đơn vị chuyên phục vụ các lĩnh vực kinh doanh liên quan đến dây chuyền vận tải hàng không tại Khu vực Miền Trung, đặc biệt ưu tiên hàng đầu về lĩnh vực dịch vụ cung ứng chế biến suất ăn hàng không.

2. Giá trị cốt lõi:

- An toàn chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế, hạ tầng sản xuất với trang thiết bị, kỹ thuật hiện đại và vị trí thuận lợi là tiền đề và nền tảng cho mọi hoạt động.

- Luôn đáp ứng, quan tâm và cung cấp dịch vụ đáp ứng mọi nhu cầu của Khách hàng.

- Đội ngũ lao động lành nghề, tâm huyết với nghề nghiệp và chính sách đãi ngộ của Công ty luôn được xây dựng hài hòa, phù hợp theo từng giai đoạn trên cơ sở công bằng và lợi ích xứng đáng trong từng đơn vị kinh doanh, người lao động.

- Luôn không ngừng cập nhật và đổi mới sản phẩm, năng lực sản xuất đáp ứng kịp thời nhu cầu và lợi ích của khách hàng.

II. Môi trường kinh doanh:

1. Môi trường vĩ mô:

- Ngành Hàng không Việt Nam và Thế giới đang trên đà phát triển mạnh mẽ sau đại dịch nhưng vẫn còn gặp phải không ít khó khăn. Lượng hành khách trong năm 2024 đã tăng 4,3% so với cùng kỳ cao điểm năm 2019 (thời điểm trước dịch Covid), các hãng bay nhanh chóng khôi phục và mở rộng mạng lưới bay của mình. Tuy nhiên, xung đột trên thế giới dẫn đến giá nguyên, nhiên liệu có nhiều diễn biến khó lường, tỉ giá USD ngày càng cao khiến ngành hàng không Việt Nam phải đối mặt với nhiều khó khăn hơn.

- Chính sách thuế quan của Mỹ gây áp lực lớn lên mục tiêu tăng trưởng GDP 8% vào năm 2025 của Việt Nam và các năm tiếp theo. Điều này dẫn đến Nhà nước phải có nhiều giải pháp để tái cấu trúc nền kinh tế, tăng năng lực cạnh tranh... Chi phí sản xuất tăng ảnh hưởng tiêu cực đến sức mua, tiêu dùng của người dân, dẫn đến nhu cầu đi lại bằng đường hàng không cũng bị sụt giảm.

2. Môi trường ngành:

- Là đơn vị chuyên cung cấp các dịch vụ suất ăn, nước uống và các dịch vụ vận chuyển cho VNA tại khu vực miền Trung, với doanh thu bình quân các dịch vụ hàng không là 66 tỷ/1 năm, MASCO tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực:

+ Cung cấp dịch vụ suất ăn, nước uống và vận chuyển suất ăn ra tàu bay tại sân bay DAD, CXR và HUI

+ Cung cấp dịch vụ chờ Tổ lái tiếp viên trong sân đỗ và ngoài sân đỗ cho VNA tại sân bay Cam Ranh.

+ Cung cấp dịch vụ giặt chăn tại CXR

+ Cung cấp suất ăn tại phòng chờ thương gia Lotus tại nhà ga quốc tế cho VIAGS

3. Phân tích doanh nghiệp (SWOT):

| | |
|---|---|
| <p>S</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công ty có kinh nghiệm trong lĩnh vực cung cấp suất ăn Hàng không hơn 30 năm, với đầy đủ chứng chỉ, đáp ứng tiêu chuẩn ISO, HACCAP ... - Đội ngũ nhân viên lành nghề và lâu năm, có kinh nghiệm và gắn bó lâu dài với Công ty - Với lĩnh vực đào tạo lái xe, với yêu cầu ngày càng cao và chặt chẽ của các cơ quan chức năng, ngày càng có ít cơ sở đào tạo lái xe được cấp phép. MASCO là doanh nghiệp có đầy đủ Giấy phép và chứng nhận của cơ quan Nhà nước về đào tạo lái xe. - MASCO là đơn vị kinh doanh chủ yếu trong dây chuyền vận tải hàng không tại Miền Trung, cụ thể tại sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Cam Ranh và Phú Bài. Hiện tại, là đơn vị duy nhất cung cấp và vận chuyển suất ăn tại sân bay Đà Nẵng và Phú Bài, đây là một trong những thuận lợi trong hoạt động SXKD của MASCO - MASCO là đơn vị cổ phần có vốn góp của Tổng công ty Hàng không Việt Nam trên 36% và là khách hàng lớn của Công ty | <p>W</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại Đà Nẵng, cơ sở hạ tầng xuống cấp, diện tích chật hẹp khó cải tạo nâng cấp và khó khăn trong việc tuân thủ các quy định, quy trình cung ứng suất ăn hàng không và không đáp ứng được sự tăng trưởng của Ngành Hàng không tại CHKQT Đà Nẵng trong giai đoạn hiện tại và các giai đoạn phát triển của CHKQT Đà Nẵng đến năm 2030. - Tại Đà Nẵng và Phú Bài, Công ty từ trước đến nay là NCC duy nhất cung ứng Suất ăn Hàng không nên đội ngũ Marketing còn non kém, thiếu chủ động trong việc tiếp xúc và chăm sóc khách hàng |
| <p>O</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản lượng chuyển bay ngày càng tăng cao tại các sân bay mà Công ty đang đặt trụ sở - Các hãng bay lớn ngày càng đầu tư và nâng cao tiêu chuẩn suất ăn của mình - Thị trường Non-airline ngày càng đặt ra nhiều tiêu chuẩn khắt khe hơn về vấn đề VSATTP, chất lượng của món ăn, thức uống giúp Công ty có thêm cơ hội thâm nhập vào phân khúc thị trường này. | <p>T</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các Công ty cạnh tranh trên mọi mặt, mọi lĩnh vực mà công ty kinh doanh như suất ăn, đào tạo lái xe, thương mại - Nhiều Công ty có kinh nghiệm trong ngành suất ăn muốn mở rộng địa bàn đến các sân bay miền Trung, trong đó có các sân bay căn cứ của MASCO - Dịch vụ mua bán hàng hóa, hàng lưu niệm trong thành phố ngày càng ưu việt, khách hàng ít lựa chọn mua sắm trong sân bay vì giá thành cao, đóng gói bất tiện |

III. Mục tiêu, định hướng phát triển của công ty giai đoạn 2025-2030:

- Đẩy mạnh công tác Marketing và quản lý chất lượng trong lĩnh vực dịch vụ cung ứng suất ăn theo các tiêu chuẩn yêu cầu của các hãng hàng không. Tập trung xây

dụng và áp dụng chiến lược chi phí thấp, đặc biệt quan tâm 3 yếu tố chính là giá cả, cơ cấu thực đơn và chất lượng sản phẩm.

- Bảo đảm tình hình tài chính an toàn, lành mạnh, quản lý chặt chẽ công nợ. Tăng cường mối quan hệ hỗ trợ, hợp tác và cung ứng sản phẩm nội bộ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Số hóa công tác quản lý, các quy trình và thông tin tác nghiệp và ưu tiên nguồn vốn đầu tư máy móc thiết bị, xây dựng cơ sở hạ tầng của các dự án phục vụ các dịch vụ thuộc dây chuyền vận tải hàng không nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, đáp ứng nhu cầu sản xuất và đảm bảo phát triển bền vững của Công ty.

- Sắp xếp lại lực lượng lao động phù hợp với tình hình mới trong đó chú trọng công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực nhằm đảm bảo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu mới.

- Mở rộng các dịch vụ vận chuyển như dịch vụ chở TLTV tại sân bay Đà Nẵng, sân bay Phú Bài, các dịch vụ giặt chăn cho các chuyến bay Quốc tế đi và đến tại sân bay Đà Nẵng.

1. Kế hoạch sản lượng:

- Căn cứ kế hoạch sản lượng khách của các hãng hàng không quốc tế và dự báo của IATA về triển vọng ngành hàng không thế giới.

- Căn cứ kế hoạch sản lượng hành khách trong giai đoạn 2025-2030 của Tổng công ty Hàng không Việt Nam.

- Căn cứ kết quả SXKD năm 2024 và các hợp đồng đã ký với các Hãng hàng không, Công ty đã xây dựng KH sản lượng suất ăn giai đoạn từ năm 2025-2030 phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị, cụ thể như sau:

ĐVT: suất

| Chỉ tiêu | 2025 | 2026 | 2027 | 2028 | 2029 | 2030 |
|---|------------------|------------------|------------------|------------------|------------------|------------------|
| 1. Tổng sản lượng | 1,562,057 | 1,671,401 | 1,788,399 | 1,913,587 | 2,296,304 | 2,411,120 |
| - Nội địa | 572,807 | 612,904 | 655,807 | 701,713 | 842,056 | 884,159 |
| - Quốc tế + Hãng khác | 989,250 | 1,058,497 | 1,132,592 | 1,211,873 | 1,454,248 | 1,526,961 |
| 2. Trong đó cung ứng cho VNA | 1,100,836 | 1,177,895 | 1,260,347 | 1,348,571 | 1,618,286 | 1,699,200 |
| - Nội địa | 530,984 | 568,153 | 607,924 | 650,478 | 780,574 | 819,603 |
| - Quốc tế | 569,852 | 609,742 | 652,424 | 698,093 | 837,712 | 879,597 |
| 3. Trong đó cung ứng cho khách hàng khác | 461,221 | 493,506 | 528,052 | 565,015 | 678,019 | 711,920 |
| - Nội địa: VJ, Bamboo, PA, VU | 41,823 | 44,751 | 47,883 | 51,235 | 61,482 | 64,556 |
| - Quốc tế | 419,398 | 448,756 | 480,168 | 513,780 | 616,536 | 647,363 |

2. Kế hoạch tài chính:

- Dự kiến năm 2027-2028 Công ty sẽ phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ 50 tỷ đồng từ 42,7 tỷ đồng lên thành 92,7 tỷ đồng để triển khai đầu tư xây dựng nhà chế biến suất ăn Đà Nẵng mới khi được thuê đất tại sân bay Đà Nẵng.

- Căn cứ kế hoạch SXKD và kế hoạch đầu tư hằng năm, công ty lập kế hoạch tài chính để chủ động cân đối dòng tiền, cụ thể như sau:

| TT | Chỉ tiêu | 2025 | 2026 | 2027 | 2028 | 2029 | 2030 |
|-----------|---|------------------|------------------|------------------|------------------|------------------|------------------|
| I | Sản lượng | 1,562,057 | 1,671,401 | 1,788,399 | 1,913,587 | 2,296,304 | 2,411,120 |
| 1 | Cung ứng cho VNA Group | | | | | | |
| | Cung ứng cho VNA | 1,100,836 | 1,177,895 | 1,260,347 | 1,348,571 | 1,618,286 | 1,699,200 |
| | Cung ứng cho các hãng HK khác trong VNA Group | | | | | | |
| 2 | Cung ứng cho đối tác khác | 461,221 | 493,506 | 528,052 | 565,015 | 678,019 | 711,920 |
| II | Kết quả SXKD | | | | | | |
| 1 | Vốn đầu tư của các CSH | 42,677 | 42,677 | 62,677 | 92,677 | 92,677 | 92,677 |
| | Trong đó: | | | | | | |
| | + Vốn đầu tư của VNA cuối kỳ báo cáo | 15,413 | 15,413 | 22,636 | 33,471 | 33,471 | 33,471 |
| 2 | Tổng doanh thu | 207,101 | 221,589 | 237,037 | 253,566 | 283,886 | 298,036 |
| | - Doanh thu bán hàng và CCDV | 206,251 | 220,689 | 236,137 | 252,666 | 282,986 | 297,136 |
| | Trong đó: Doanh thu HHDV cung ứng cho VNA | 88,164 | 94,335 | 100,939 | 108,004 | 120,965 | 127,013 |
| | - Doanh thu TC | 350 | 400 | 400 | 400 | 400 | 400 |
| | - Thu nhập khác | 500 | 500 | 500 | 500 | 500 | 500 |
| 3 | Tổng chi phí | 198,772 | 211,782 | 226,973 | 243,242 | 270,625 | 283,857 |
| | - Chi phí SXKD | 196,525 | 210,282 | 222,899 | 236,273 | 264,625 | 277,857 |
| | - Chi phí tài chính | 2,808 | 1,500 | 4,000 | 7,000 | 6,000 | 6,000 |
| | - Chi phí khác | 250 | | | | | |
| 4 | LNTT | 8,329 | 9,807 | 10,063 | 10,324 | 13,261 | 14,179 |
| 5 | LNST | 6,670 | 8,701 | 8,995 | 9,133 | 11,766 | 12,581 |
| 6 | KH Đầu tư | | | | | | |
| | + Giá trị giải ngân | 31,902 | 16,050 | 32,000 | 108,000 | 24,500 | 13,500 |

3. Kế hoạch phát triển nguồn lực:

- Xây dựng được đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên nghiệp, có đầy đủ kiến thức và trình độ, nhiệt huyết và hiệu quả lao động cao; Có kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm, sẵn sàng thích ứng với những thay đổi của môi trường hoạt động kinh doanh.

- Đẩy mạnh tốc độ tăng năng suất lao động. Đảm bảo thu nhập bình quân 10 triệu đồng/người/tháng, đảm bảo phúc lợi cho cán bộ, nhân viên.

- Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, có văn hóa riêng biệt để phát huy tốt nhất năng lực của người lao động để người lao động gắn bó lâu dài với Công ty.

- Xây dựng phương án tăng mức lương đóng BHXH cho người lao động.

4. Kế hoạch đầu tư:

- Tập trung đầu tư máy móc thiết bị, xây dựng cơ sở hạ tầng của các dự án phục vụ các dịch vụ thuộc dây chuyền vận tải hàng không nhằm hiện đại hóa cơ sở hạ tầng về nhà xưởng, máy móc thiết bị, nâng cao năng lực quy mô sản xuất, chất lượng dịch vụ sản phẩm và tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

- Chú trọng công tác đầu tư phương tiện vận tải nâng cao năng lực phục vụ, hiện đại hóa đội xe vận chuyển suất ăn và thường xuyên đánh giá tình trạng kỹ thuật xe nhằm đảm bảo chất lượng phục vụ.

- Giai đoạn 2025-2030: Thực hiện đầu tư mới nhà xưởng chế biến suất ăn tại Đà Nẵng khi phương án thuê đất được phê duyệt. Nâng cấp, mở rộng nhà chế biến suất ăn tại sân bay Phú Bài khi thị trường mở rộng.

- Thuê đất để làm khu đào tạo thực hành lái xe.

5. Nhu cầu tăng vốn điều lệ:

- Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư giai đoạn 2025-2030 để đảm bảo cân đối nguồn vốn, Công ty sẽ phát hành tăng vốn chủ sở hữu thêm 50 tỷ đồng từ 42,7 tỷ đồng lên thành 92,7 tỷ đồng. Nguồn vốn tăng chủ yếu tập trung để triển khai công tác đầu tư xây dựng nhà chế biến suất ăn Đà Nẵng mới.

- Kế hoạch phát hành tăng vốn chủ sở hữu được chia làm 2 giai đoạn:

+ Giai đoạn 1: Năm 2027 tăng thêm 20 tỷ đồng

+ Giai đoạn 2: Năm 2028 tăng thêm 30 tỷ đồng

IV. Kế hoạch hành động, các giải pháp thực hiện kế hoạch trên từng lĩnh vực.

1. Đối với lĩnh vực Thương mại dịch vụ: Giám sát, đánh giá lại hiệu quả kinh doanh của từng đơn vị, đặc biệt là tại Đà Nẵng về giá đầu vào và giá bán thông qua việc thực hiện chế độ báo cáo online hằng ngày trên hệ thống thông tin kế toán và bán hàng. Phân tích đánh giá hiệu quả và xây dựng phương án khoán (giao chỉ tiêu) không để lỗ ở mảng kinh doanh này.

2. Mở rộng thị trường cung ứng của lĩnh vực cung ứng suất ăn, tăng cường liên kết trong nội bộ ngành.

- **Mở rộng thị trường dịch vụ phi hàng không, trên cơ sở tận dụng năng lực sản xuất dư thừa và tạo thêm nguồn thu:**

+ Cung cấp các sản phẩm suất ăn nhanh, các loại bánh đóng gói sẵn cho khách hàng thông qua các phương thức trực tiếp tại các kênh bán hàng của Công ty và các Công ty giao đồ ăn.

+ Nghiên cứu mở bán tại các điểm có nhu cầu về suất ăn nhanh: các điểm du lịch, trường đại học ...trên hình thức các xe bán hàng lưu động hiện đại và đảm bảo an toàn

vệ sinh thực phẩm (các Catering lớn của thế giới đã triển khai thực hiện: Pháp, Brazil⁽¹⁾...)

- **Tăng cường liên kết trong nội bộ ngành:** Ngoài những hậu quả và thách thức thực tiễn trong thời gian qua diễn ra tại sân bay Cam Ranh và Nội Bài, việc hợp tác liên kết giữa các Công ty thuộc khối VNA Group là hết sức bức bách và cần thiết để nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh.

3. Tăng cường áp dụng Công nghệ thông tin trong công tác quản lý:

- **Công tác quản lý:** Triển khai áp dụng các chuyển đổi số hoàn toàn hoạt động quản trị của Công ty từ nhân sự, khách hàng, công việc, kinh doanh, truyền thông thành một khối thống nhất, trên một nền tảng duy nhất, tạo lập một môi trường làm việc trực tuyến, giám sát kịp thời, mang đến hiệu quả làm việc cao cho toàn Công ty, tiết kiệm thời gian cho lãnh đạo trong việc điều hành công việc, ứng phó kịp thời điều kiện mới khi xảy ra dịch bệnh (làm việc từ xa).

- **Các ứng dụng trong lĩnh vực bán hàng ăn uống, suất ăn.**

+ Trong khi một số hãng hàng không đã ngừng dịch vụ đồ ăn và thức uống trên máy bay, những hãng hàng không khác đã chuyển sang quan hệ đối tác độc đáo với các công ty dịch vụ giao và đặt đồ ăn trực tuyến để cho phép hành khách thưởng thức bữa ăn trên máy bay. Hành khách có thể đặt một bữa ăn thông qua nền tảng ứng dụng số, tối đa một giờ trước chuyến bay của họ. Bữa ăn được chuẩn bị bởi công ty cung cấp thực phẩm và các bữa ăn được Công ty suất ăn chuyển trực tiếp lên máy bay, sau đó tiếp viên phục vụ bữa ăn cho hành khách. Với việc giao hàng trên máy bay, việc thanh toán được thực hiện trước và các Hãng sẽ biết hành khách nào đã đặt trước bữa ăn. Điều này cũng làm giảm thời gian giao tiếp, phục vụ giữa hành khách và phi hành đoàn.

+ Dịch vụ sáng tạo cũng được kỳ vọng sẽ giảm thiểu lãng phí thực phẩm bằng cách giảm số lượng bữa ăn được chuẩn bị và mang lên máy bay nhưng không được tiêu thụ. Đây là xu hướng tương lai của các hãng Hàng không nhằm tiết giảm chi phí và ảnh hưởng lớn đến các Công ty cung cấp suất ăn.

+ Do vậy trong giai đoạn đến, Công ty cần chuẩn bị các nguồn lực thích ứng để mở rộng, đăng ký các kênh bán hàng, giao hàng thông qua các ứng dụng số (App, Chatbot, website...).

4. Phương án và giải pháp về nhân lực:

4.1. Sắp xếp lại lao động phù hợp theo tình hình mới.

- Trên cơ sở tái cấu trúc lại Công ty theo từng thời điểm và thực trạng lao động của Công ty trong thời điểm hiện nay. Phương án lao động thường xuyên đánh giá nhu cầu sử dụng, chất lượng lao động trong tương lai theo kết quả đánh giá, đối soát với nhu cầu thực tế theo kế hoạch từng năm của mỗi đơn vị.

4.2. Công tác tuyển dụng và đào tạo.

- Về tuyển dụng lao động: Chú trọng công tác tuyển dụng lao động có tay nghề và trình độ phù hợp đáp ứng được yêu cầu công việc. Tăng cường sử dụng dụng lao động, nguồn lực thuê ngoài trong các khâu sản xuất không quan trọng để nâng cao hiệu quả SXKD.

[1]: <https://www.airlinetrends.com/category/inflight-catering/>

- Về công tác đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng: Với điều kiện hạn hẹp về ngân sách, điều kiện địa lý phân tán của các đơn vị trong Công ty, việc tổ chức các lớp học tập trung rất tốn kém và không hiệu quả. Do vậy trong thời gian đến, Công ty tập trung ứng dụng công nghệ và các mô hình đào tạo đang được áp dụng phổ biến và hiệu quả hiện nay:

+ Tăng cường áp dụng công nghệ trong đào tạo thông qua các nền tảng kỹ thuật số như: Zoom, Microsoft teams, Google meet

+ Phương pháp đào tạo: Áp dụng triển khai những khóa học nhỏ (micro) được cung cấp cùng với các khóa học mang tính toàn diện và lâu dài (macro) như: các bài học điển hình (case study), các bài thuyết trình chuyên đề ngắn, các bảng câu hỏi, minh họa... và các khâu nhỏ trong các dự án.

5. Các chính sách và giải pháp khác:

- Tiếp tục rà soát kiểm tra đánh giá và triển khai áp dụng chiến lược cạnh tranh về dịch vụ cung ứng suất ăn theo các tiêu chuẩn yêu cầu của các hãng hàng không. Tập trung xây dựng các thực đơn mới và đẩy mạnh công tác Marketing: chủ động chào hàng cho các hãng là đối tác của Công ty và các hãng hàng không mới và đặc biệt quan tâm tới chính sách hậu mãi sau bán hàng đối với khách hàng nhằm giữ vững ổn định các loại hình kinh doanh Dịch vụ cung ứng suất ăn hàng không đã xác định là chiến lược của Công ty.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá việc duy trì, thực hiện nghiêm túc và không ngừng cải tiến Hệ thống quản lý ATTP ISO 22000 để nâng cao chất lượng dịch vụ và yêu cầu của các Hãng hàng không và hiệu quả trong quản lý.

- Tiếp tục rà soát sắp xếp lại lao động hiện có, cơ cấu tổ chức, cải cách chế độ tiền lương dựa trên kết quả kinh doanh của từng bộ phận đơn vị, năng lực cá nhân hoàn thành nhiệm vụ để thực hiện chi trả tiền lương phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



ĐÀO MẠNH KIÊN



**CTCP DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG
SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Da Nang Airport Services Jsc

Số: 03/BC-BKS-MASCO
No: 04 - SB/MASCO/25

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Socialist Republic of Viet Nam

Independence - Freedom - Happiness

*Đà Nẵng, ngày 02 tháng 04 năm 2025
Da Nang, April 02, 2025*



**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
Về việc Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024
STATEMENT OF THE SUPERVISORY BOARD
AT THE ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS IN 2025**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

*Attn: General Meeting of Shareholders
Da Nang Airport Services Joint Stock Company*

Căn cứ: /Based on:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020; /Enterprise Law No. 59/2020/QH14 dated Jun 17, 2020;
- Điều lệ Công ty cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Đà Nẵng, Quy chế tổ chức hoạt động của Ban Kiểm soát và các quy chế nội bộ về quản trị công ty. /Charter of Da Nang Services Joint Stock Company (MASCO), Regulation on operation of the Supervisory Board and Internal regulations of MASCO.
- Ban Kiểm soát (BKS) xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2025 kết quả thực hiện công tác kiểm soát, giám sát tại Công ty năm 2024 và từ thời điểm ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 đến nay như sau: /The Supervisory Board (SB) would like to submit to the 2025 Annual General Meeting of Shareholders the results of the implementation of control and supervision in 2024 and from the time of the 2024 Annual General Meeting of Shareholders until now as follows:

I. Hoạt động của Ban Kiểm soát /Activities of the SB and supervision results

1. Cơ cấu thành phần Ban Kiểm soát /Board of Supervisors

- Ông Đinh Hồng Sơn - Trưởng ban, tái bổ nhiệm ngày 25/06/2021 /mr. Dinh Hong Son, Reappointed on 25/06/2021 - Head of SB.
- Ông Nguyễn Dũng - Thành viên, tái bổ nhiệm ngày 25/06/2021 /mr. Nguyen Dung, Reappointed on 25/06/2021 - Member

- Ông Lê Giang Nam - Thành viên, bổ nhiệm ngày 25/06/2021/*mr. Le Giang Nam, Appointed on 25/06/2021 - Member*

2. Tình hình hoạt động và các cuộc họp của Ban Kiểm soát / *Operational status and meetings of the SB*

Trong năm 2024 và từ sau ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 đến nay, BKS đã thực hiện công tác kiểm soát, giám sát theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết HĐQT. Hoạt động của BKS tập trung vào các nội dung sau: */In 2024 and since the 2024 Annual General Meeting of Shareholders, the SB has carried out control and supervision in accordance with the law, the Company's Charter and the resolution of the General Meeting of Shareholders and the resolution of the Board of Directors (BOD). The activities of the SB focus on the following contents:*

- Giám sát Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành Công ty; giám sát việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ và nghị quyết của HĐQT Công ty. */Supervise the BOD and the Executive Board in the management of the Company; supervise the implementation of the resolutions of the General Meeting of Shareholders and the resolutions of the BOD.*
- Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định của nhà nước, quy định nội bộ của Công ty nhằm bảo vệ lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp, của người lao động và của cổ đông Công ty. */Inspect and supervise the compliance with state regulations and internal regulations of the Company in order to protect the legitimate interests of the enterprise, employees and shareholders.*
- Kiểm tra tính tuân thủ, tin cậy, tính hệ thống và phù hợp trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Công ty; giám sát việc triển khai thực hiện khuyến cáo, kiến nghị của các cơ quan kiểm tra, kiểm toán và của BKS. */Checking the compliance, reliability, systematicness and appropriateness in accounting, statistics and preparation of financial statements of the Company; supervise the implementation of recommendations of inspection team and audit agencies and SB.*
- Giám sát việc thực hiện kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư năm 2024. */ Supervise the implementation of the business plan and investment plan in 2024,*
- Thẩm định Báo cáo tài chính (BCTC) bán niên đã được soát xét và BCTC năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty. */Appraisal of the reviewed semi-annual financial statements and audited financial statements for 2024.*
- Giám sát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty. */Supervise the Company's compliance with information disclosure regulations.*
- Rà soát và phối hợp với Công ty hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ. */Review and coordinate with the Company to complete the internal control system.*
- Tổng kết hoạt động kiểm soát, giám sát năm 2024; chuẩn bị báo cáo kết quả hoạt động và kế hoạch công tác của BKS trình ĐHĐCĐ. */Summarize control and supervision activities in 2024; preparation of the report on the operating results and work plan of the SB to be submitted to the General Meeting of Shareholders.*

2.2. Các cuộc họp của Ban Kiểm soát / *Supervisory Board Meetings*

- Trong thời gian từ sau ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 đến nay, BKS tổ chức 04 cuộc họp và các chương trình làm việc tập trung, đồng thời thường xuyên trao đổi thông tin giữa các thành viên BKS để triển khai thực hiện các nội dung công việc theo chức trách nhiệm vụ và thẩm quyền của BKS. */During the period from the 2024 Annual General Meeting of Shareholders until now, the SB has organized 04 meetings and focused work programs, and regularly exchanged information between members of the SB to implement the work contents according to the responsibilities, tasks and authority of the SB.*
- BKS/thành viên BKS đã tham dự và tham gia ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ trong tất cả các cuộc họp HĐQT Công ty. */The SB/members of the SB have attended and commented according to their functions and duties in all meetings of the BOD.*

3. Chế độ thù lao, tiền lương của Ban Kiểm soát / *Remuneration and salary regime of the SB*

Tiền lương, thù lao năm 2024 của các thành viên BKS được thực hiện theo Nghị quyết số 09/NQ-ĐHĐCĐ - DVDN ngày 28/06/2024 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, theo đó: tổng quỹ tiền lương, thù lao chi trả cho các thành viên BKS năm 2024 là 109,2 triệu đồng (mức tiền lương Trưởng BKS là 7,8 triệu đồng/tháng; thù lao thành viên BKS là 0,65 triệu đồng/người/tháng). */The salaries and remuneration in 2024 of the members of the SB are implemented in accordance with Resolution No. 09/NQ-ĐHĐCĐ - DVDN dated 28/06/2024 of the Annual General Meeting of Shareholders, whereby: the total salary and remuneration fund paid to members of the SB in 2024 is 109.2 million VND (the salary of the Head of the SB is 7.8 million VND/month; the remuneration of members of the SB is 0.65 million VND/person/month).*

II. Kết quả thực hiện công tác kiểm soát, giám sát / *Results of control and supervision*

1. Về công tác quản lý, điều hành doanh nghiệp / *Regarding the management and administration of enterprises*

- Trong kỳ, HĐQT Công ty đã chỉ đạo Ban giám đốc điều hành triển khai thực hiện đầy đủ, hiệu quả các nội dung nghị quyết ĐHĐCĐ, cụ thể: Quản lý, điều hành hoạt động SXKD năm 2024 phù hợp với diễn biến thị trường, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2024 được ĐHĐCĐ giao trong bối cảnh thị trường và nguồn lực còn nhiều hạn chế (chỉ tiêu lợi nhuận thực hiện tăng 53,9% so với KH được ĐHĐCĐ giao); rà soát, ưu tiên triển khai thực hiện các dự án đầu tư cấp thiết, kịp thời đáp ứng yêu cầu hoạt động SXKD, chất lượng sản phẩm hàng hóa dịch vụ cung ứng và hiệu quả đầu tư; điều hành dòng tiền linh hoạt hợp lý, sử dụng đúng mục đích và hiệu quả các khoản vay, đảm bảo an toàn thanh khoản, từng bước cải thiện cơ cấu tài chính doanh nghiệp; từng bước cải thiện thu nhập cho người lao động (thu nhập bình quân năm 2024 tăng 13% so với năm 2023); chi trả tiền lương, thù lao HĐQT/BKS đúng quy định;... */During the period, the BOD directed the Executive Board to fully and*

effectively implement the resolutions of the General Meeting of Shareholders, specifically: Manage and administer production and business activities in 2024 in accordance with market developments, exceed the targets of the business plan in 2024 assigned by the General Meeting of Shareholders in the market and resources are still limited (profit target realized profit increased by 53.9% compared to the customer assigned by the General Meeting of Shareholders); reviewing and prioritizing the implementation of urgent and timely investment projects to meet the requirements of business activities, quality of products, goods and services supplied and investment efficiency; manage cash flow flexibly and reasonably, use loans for the right purpose and effectively, ensure liquidity safety, and gradually improve the financial structure of enterprises; gradually improve income for employees (average income in 2024 will increase by 13% compared to 2023); payment of salaries and remuneration of the BOD/SB in accordance with regulations;..

- Trong năm 2024, HĐQT Công ty đã ban hành 17 nghị quyết và 05 quyết định để chỉ đạo Công ty thực hiện các nội dung tại nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, trong đó tập trung vào việc triển khai các giải pháp thực hiện kế hoạch và nâng cao hiệu quả SXKD; các giải pháp đảm bảo thanh khoản; triển khai các dự án đầu tư trọng điểm, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, kiện toàn tổ chức bộ máy và các công việc khác thuộc thẩm quyền của HĐQT..*/In 2024, the BOD has issued 17 resolutions and 05 decisions to direct the Company to implement the contents of the resolution of the Annual General Meeting of Shareholders, focusing on implementing solutions to implement the plan and improve business efficiency; solutions to ensure liquidity; implementing key investment projects, perfecting the internal control system, consolidating the organizational apparatus and other tasks under the jurisdiction of the BOD...*
- Kết quả kiểm soát của Ban kiểm soát cho thấy, Ban Giám đốc điều hành Công ty đã tổ chức thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của HĐQT; HĐQT và Ban giám đốc Công ty đã thực hiện các hoạt động quản lý, điều hành Công ty phù hợp với quy định Pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, tuân thủ các quy định về thực hiện nghĩa vụ với NSNN, BHXH, an ninh an toàn SXKD,...*/The control results of the SB show that the Executive Board has strictly implemented the resolutions of the BOD; The BOD and the Executive Board have carried out management and administration activities in accordance with the provisions of Law, Charter and internal regulations of the Company, complying with regulations on performance of obligations to the state budget, social insurance and safety,...*

2. Kết quả thẩm định BCTC năm 2024 / Results of appraisal of financial statements in 2024

2.1. Chính sách kế toán / Accounting Policy

- Trong năm 2024, Công ty không thay đổi chính sách kế toán; áp dụng nhất quán các phương pháp ước tính kế toán về phân bổ chi phí công cụ dụng cụ, sửa chữa tài sản, chi phí trích trước,...*/In 2024, the Company did not change the*

accounting policy; consistent application of accounting estimation methods on allocation of capital cost, repair of fixed assets, advance expenses, etc.

2.2. Công tác kiểm kê, đối chiếu xác nhận công nợ: */ Inventory, reconciliation and confirmation of debts at the end of the year*

- Công ty thực hiện kiểm kê, đối chiếu xác nhận công nợ cuối kỳ phục vụ công tác quyết toán, lập BCTC năm 2024 kết thúc tại 31/12/2024 theo các quy định hiện hành; Kiểm toán độc lập phối hợp và độc lập chọn mẫu kiểm kê, xác nhận công nợ phù hợp với chuẩn mực kiểm toán và hợp đồng kiểm toán. */The company performs the inventory, collation and confirms the end-of-term debt for settlement, preparing the 2024 financial statements ending at 31/12/2024 in accordance with current regulations; Independent auditors coordinate and independently select inventory forms, confirm debts in accordance with audit standards and audit contracts.*
- Kết quả kiểm kê, xác nhận công nợ cuối kỳ và thông tin trên sổ sách, báo cáo kế toán đảm bảo cơ sở lập BCTC năm 2024 kết thúc tại ngày 31/12/2024. */Results of inventory, comparison and confirmation of debt at the end of the period and information on accounting books and reports to ensure the basis of preparing financial statements in 2024 ends on December 31, 2024.*

2.3. Thực hiện các quy định, hướng dẫn về lập Báo cáo tài chính

- Công ty thực hiện đóng sổ kế toán niên độ 2024 kết thúc tại 31/12/2024, lập BCTC năm 2024 theo các quy định tại TT 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định về lập và trình bày BCTC. */The MASCO closes the accounting books for the year 2024 ending on 31/12/2024, prepares financial statements for 2024 in accordance with the provisions of Circular 200/2014/TT-BTC on guiding the accounting regime of Vietnamese enterprises and regulations on making and presenting financial statements.*

BCTC năm 2024 của Công ty được kiểm toán bởi kiểm toán độc lập RSM (Công ty Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam – là đơn vị kiểm toán được UBCK chấp thuận kiểm toán BCTC doanh nghiệp có lợi ích công chúng), RSM phát hành báo cáo kiểm toán ngày 12/03/2025. Theo đó, Kiểm toán RSM đánh giá BCTC năm 2024 của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả SXKD, lưu chuyển tiền tệ năm tài chính 2024 phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành liên quan đến việc lập và trình bày BCTC. */On March 12, 2025, the independent auditor RSM issued the audit report of the financial statements for the year 2024 ending at December 31, 2024 of MASCO. RSM Auditor approved the entire financial statements of 2024. Accordingly, the auditor assessed that MASCO's 2024 financial statements honestly and reasonably reflect on key aspects of the company's financial situation as at 31/12/2024, business results and cash flow in the year ends on the same day, in accordance with Viet Nam Accounting Standards, accounting policies for Vietnamese business and the legal regulations related to the preparation and presentation of financial statements.*

2.4. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD /Results of appraisal of a number of major production and business indicators

2.4.1. Số liệu kết quả SXKD: /Production and business results:

Đơn vị tính: Triệu đồng /Unit: VND million

| CHỈ TIÊU / Indicators | KẾ HOẠCH 2024 2024 plan | THỰC HIỆN 2024 /2024 perform | THỰC HIỆN 2023 //2023 perform | TH2024 so với KH (%) Compared to 2023 perform | TH2024 so với 2023 (%) Compared to 2024 plan |
|---|-------------------------------|------------------------------------|-------------------------------------|---|--|
| Sản lượng (suất ăn) <i>Output (meals)</i> | 1,099,169 | 1,300,986 | 1,052,958 | 118.36 | 123.56 |
| Tổng doanh thu <i>Revenue</i> | 159,526.03 | 178,792.04 | 146,542.41 | 112.08 | 122.01 |
| - DT hoạt động SXKD <i>/Business revenue</i> | 159,526.03 | 177,231.15 | 145,320.60 | 111.10 | 121.96 |
| - DT hoạt động tài chính <i>Financial revenue</i> | - | 311.87 | 64.49 | | 483.58 |
| - TN hoạt động khác <i>Other revenue</i> | - | 1,249.02 | 1,157.32 | | 107.92 |
| Tổng chi phí <i>Total cost</i> | 154,779.50 | 171,486.48 | 142,890.11 | 110.79 | 120.01 |
| - CP hoạt động SXKD <i>Business cost</i> | 152,064.50 | 169,084.34 | 140,245.98 | 111.19 | 120.56 |
| - CP hoạt động tài chính <i>Financial expense</i> | 1,465.00 | 1,289.01 | 1,861.86 | 87.99 | 69.23 |
| - CP hoạt động khác <i>Other expense</i> | 1,250.00 | 1,113.14 | 782.26 | 89.05 | 142.30 |
| LN trước thuế/PBT | 4,746.53 | 7,305.56 | 3,652.31 | 153.91 | 200.03 |
| - LN hoạt động SXKD <i>profit from business activities</i> | 7,461.53 | 8,146.82 | 5,074.62 | 109.18 | 160.54 |
| - LN hoạt động tài chính <i>profit from financial activities</i> | (1,465.00) | (977.14) | (1,797.37) | 66.70 | 54.36 |
| - LN hoạt động khác <i>profit from other activities</i> | (1,250.00) | 135.88 | 375.06 | (*) | 36.23 |
| LNST/ PAT | 4,746.53 | 7,305.56 | 3,652.31 | 153.91 | 200.03 |

(*) Tăng hiệu quả hoạt động khác 1,39 tỷ đồng so với kế hoạch. /Increase other operating efficiency by VND 1.39 billion compared to the plan

2.4.2. Tình hình thị trường và doanh thu: / Market situation and revenue:

- Hoạt động cung ứng suất ăn và dịch vụ tiện ích khác cho các hãng hàng không: Năm 2024, thị trường vận tải hàng không đã có những bước phục hồi mạnh mẽ, hầu hết các hãng đều gia tăng tần suất khai thác chuyến bay quốc tế đi/đến các sân bay Đà Nẵng và Cam Ranh (riêng sân bay Phú Bài sản lượng giảm so với 2023); trong kỳ, Công ty đã triển khai các giải pháp duy trì và phát triển danh mục khách hàng, tăng sản lượng và doanh thu (như củng cố cơ sở hạ tầng các cơ sở chế biến suất ăn, đảm bảo chất lượng sản phẩm HHDV cung ứng; đẩy mạnh công tác xây dựng thực đơn, hoạt động xúc tiến thương mại và ký được hợp đồng phục vụ các chuyến bay thuê chuyến với hãng Air Samarkand tại Cam Ranh từ tháng 4 đến tháng 9/2024; quản lý chặt chẽ công nợ, không để phát sinh nợ khó đòi để bảo toàn doanh thu,...). Tổng sản lượng suất ăn cung ứng năm 2024

đạt 1,3 triệu suất ăn, tăng 18,4% so với kế hoạch (tăng 23,6% so năm 2023), trong đó: sản lượng quốc tế đạt 755,2 nghìn suất ăn, tăng 14,4% so với kế hoạch và chiếm tỷ trọng 58%; sản lượng nội địa đạt 545,7 nghìn suất ăn, tăng mạnh 24,3% so với kế hoạch. Tổng doanh thu cung ứng suất ăn và các dịch vụ tiện ích khác cho các hãng hàng không trong năm (không bao gồm HHDV cung ứng cho phòng chờ khách hạng C) đạt 105,97 tỷ đồng, tăng 2,3% so với kế hoạch. Mức thực hiện kế hoạch doanh thu thấp hơn mức thực hiện kế hoạch sản lượng chủ yếu do tỷ trọng sản lượng suất ăn quốc tế (có doanh thu bình quân cao) chỉ đạt 58%, thấp hơn so với kế hoạch đặt ra là 60,1% và đơn giá dự tính (tại sân bay Cam Ranh) khi xây dựng kế hoạch cao hơn thực tế thực hiện. / *Providing meals and other convenient services for airlines: In 2024, the air transport market has made strong recovery, most airlines have increased the frequency of operating international flights to/from Da Nang and Cam Ranh airports (Phu Bai airport alone has a decrease in output compared to 2023); during the period, the MASCO has implemented solutions to maintain and develop customer portfolios, increase output and revenue (such as strengthening the infrastructure of processing facilities, ensuring the quality of products; promoting menu development, trade promotion activities and signed contracts for charter flights with Air Samarkand in Cam Ranh from April to September 2024; strictly manage debts, do not incur bad debts to preserve revenue,...). The total supply of meals in 2024 will reach 1.3 million meals, an increase of 18.4% compared to the plan (up 23.6% compared to 2023), of which: international output will reach 755.2 thousand meals, an increase of 14.4% compared to the plan and accounting for 58% of total output; domestic output reached 545.7 thousand meals, a sharp increase of 24.3% compared to the plan. Total revenue from providing meals and other utility services for airlines in the year (excluding goods supplied to Class C lounges) reached VND 105.97 billion, up 2.3% compared to the plan. The implementation of the revenue plan is lower than the implementation of the output plan mainly because the proportion of international catering production (with a high average revenue) is only 58%, lower than the set plan of 60.1% and the estimated unit price (at Cam Ranh airport) when developing the plan is higher than the actual implementation.*

- Hoạt động đào tạo lái xe: Với các biện pháp tăng cường hoạt động tiếp thị, phương tiện dạy lái, khai thác và duy trì nguồn học viên bộ đội xuất ngũ thông qua cơ quan LĐTBXH (tại TTDN Huế), cùng với xu hướng tập trung hoàn thành chương trình đào tạo (do trong thời gian tới, một số quy định về dạy nghề, sát hạch bằng lái xe có thể thay đổi) là những yếu tố giúp hoạt động đào tạo lái xe duy trì mức tăng trưởng tốt trong năm 2024. Tổng doanh thu hoạt động đào tạo dạy nghề lái xe năm 2024 (của cả 02 chi Trung tâm dạy nghề) đạt 41,9 tỷ đồng, tăng 32,2% so với kế hoạch và tăng 40,1% so với năm 2023. / *Driver training activities: With measures to strengthen marketing activities, driving teaching facilities, exploit and maintain the source of demobilized army trainees through the Labour, Invalids and Social Affairs agency (at Hue Center), along with the trend of focusing on completing the training program (due in the coming time, some regulations on vocational training and driver's license tests may change) are factors that help driver training activities maintain good growth in 2024.*

Total revenue from driving vocational training activities in 2024 (of all 02 branches of vocational training centers) will reach VND 41.9 billion, up 32.2% compared to the plan and up 40.1% compared to 2023.

- Các hoạt động TMDV khác: Hoạt động TMDV khác năm 2024 đạt kết quả tích cực nhờ sản lượng khách tăng trưởng tốt và các biện pháp thúc đẩy bán hàng, mở rộng đối tác cung cấp HHDV cho phòng chờ khách C. Tổng doanh thu TMDV đạt 27,33 tỷ đồng, tăng 12,6% so với kế hoạch và tăng mạnh 41,9% so với năm 2023. Tuy nhiên, mảng kinh doanh quan trọng của hoạt động TMDV là bán hàng bách hóa (hàng tiêu dùng, đặc sản, mỹ nghệ,...) tại nhà ga sân bay đang có dấu hiệu sức mua suy giảm. Công ty cần có các giải pháp tái cơ cấu ngành hàng bách hóa để nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực. / *Other commercial and service activities: In 2024, Other commercial and service activities achieved positive results due to growth in passenger volume and measures to promote sales, expand partners to provide goods and services for guest lounge C. Total commercial service revenue reached VND 27.33 billion, up 12.6% compared to the plan and up sharply by 41.9% compared to 2023. However, an important business segment of commercial service activities is the sale of department goods (consumer goods, specialties, handicrafts,...) at the airport terminal, which is showing signs of declining purchasing power. The company needs to have solutions to restructure the department store industry to improve the efficiency of resource use.*

2.4.3. Chi phí thực hiện: / *Implementation cost:*

- Trong năm 2024, Ban điều hành Công ty đã thực hiện quản lý, điều hành chi phí phù hợp với tình hình hoạt động SXKD. Tổng chi phí thực hiện là 171,48 tỷ đồng, trong đó, chi phí hoạt động SXKD là 169,08 tỷ đồng, tăng 11,2% so với kế hoạch và tăng 20% so với năm 2023. / *In 2024, the Executive Board has implemented cost management and administration in accordance with the production and business situation. The total cost of implementation is VND 171.48 billion, of which, production and business expenses are VND 169.08 billion, up 11.2% compared to the plan and up 20% compared to 2023.*
- Tình hình thực hiện các khoản mục chi phí SXKD chủ yếu như sau: / *The implementation of the main production and business expense items is as follows:*
 - o Quỹ tiền lương thực hiện năm 2024 được Công ty xác định phù hợp với tình hình bố trí, sử dụng lao động, tình hình hoạt động SXKD trong kỳ và các quy định có liên quan đến quản lý lao động, tiền lương của nhà nước và Công ty. Chi phí tiền lương thực hiện là 51,74 tỷ đồng (chiếm 30,2% chi phí SXKD), tăng 17% so với kế hoạch. Tiền lương bình quân thực hiện năm 2024 đạt 9,84 triệu đồng/người/tháng, tăng 13% so với kế hoạch, thấp hơn mức tăng năng suất lao động bình quân (mức tăng suất lao động bình quân thực hiện là 17%). / *The salary fund implemented in 2024 is determined in accordance with the situation of labor arrangement and employment, business activities in the period and regulations related to labor management and salaries of the State and the MASCO. Realized salary expenses were VND 51.74 billion (accounting for 30.2% of*

business costs), an increase of 17% compared to the plan. The average salary in 2024 will reach 9.84 million VND/person/month, an increase of 13% compared to the plan, lower than the average increase in labor productivity (the average increase in labor productivity is 17%).

- Chi phí nguyên, nhiên vật liệu, giá vốn hàng hóa (nguyên liệu chế biến suất ăn, giá vốn hàng bán, nhiên liệu, bao bì và vật phẩm phụ khác,..) thực hiện năm 2024 là 70,98 tỷ đồng, tăng 10,9% so với kế hoạch, cơ bản tương ứng với mức thực hiện kế hoạch doanh số hàng hóa dịch vụ bán ra, trong đó: chi phí nguyên vật liệu chế biến và cung ứng suất ăn, giá vốn hàng bán, ... là 65,65 tỷ đồng (chiếm 38,3% chi phí SXKD); chi phí nhiên liệu là 9,52 tỷ đồng (chiếm 5,5% chi phí SXKD). / *The cost of raw materials, fuel, and cost of goods (raw materials for processing meals, cost of department goods, fuel, packaging and other auxiliary items,..) implemented in 2024 will be VND 70.98 billion, an increase of 10.9% compared to the plan, basically corresponding to the implementation of the plan on sales of goods and services, in which: the cost of raw materials for processing and supplying meals, the cost of department goods,... is 65.65 billion VND (accounting for 38.3% of production and business costs); fuel costs are VND 9.52 billion (accounting for 5.5% of production and business costs).*
- Các khoản mục chi phí khác được Công ty cân đối, điều hành phù hợp với kế hoạch và diễn biến hoạt động SXKD: (1) chi phí dịch vụ mua ngoài thực hiện là 20,96 tỷ đồng (chiếm 12,2% tổng chi phí SXKD), tăng 12,9% so với kế hoạch chủ yếu là do chi phí sửa chữa tài sản và chi phí điện nước tăng theo qui mô SXKD. Trong đó, chi phí điện nước là 5,49 tỷ đồng, chiếm 3,4% tổng chi phí SXKD, tăng 15,1% so với kế hoạch; chi phí thuê mặt bằng là 5,92 tỷ đồng (chiếm 3,5% chi phí SXKD) tương ứng 90% kế hoạch;..; (2) Chi phí KHTSCĐ là 6,91 tỷ đồng, tương ứng 78,5% kế hoạch (chủ yếu do hoãn, giãn tiến độ thực hiện dự án xe vận chuyển suất ăn,..). / *Other cost items balanced and operated by the Executive Board in accordance with the business plan and development: (1) the cost of outsourced services was VND 20.96 billion (accounting for 12.2% of the total business costs), an increase of 12.9% compared to the plan, mainly due to the cost of repairing assets and the increase in electricity and water costs according to the scale of business. In which, electricity and water costs are 5.49 billion VND, accounting for 3.4% of total business costs, up 15.1% compared to the plan; the cost of renting premises is 5.92 billion VND (accounting for 3.5% of business costs), equivalent to 90% of the plan; (2) Depreciation is 6.91 billion VND, equivalent to 78.5% of the plan (mainly due to the postponement and extension of the implementation schedule of the catering truck project,..).*

2.4.4. Lợi nhuận thực hiện: / *Profitability:*

Lợi nhuận thực hiện năm 2024 đạt 7,3 tỷ đồng (sau khi phân chia lợi nhuận cho các bên liên kết tại 02 Trung tâm dạy nghề thì số lãi còn lại của Công ty là 3,85 tỷ đồng) chủ yếu đến từ hoạt động dạy nghề lái xe và hoạt động khác. Hoạt động

cung ứng suất ăn và dịch vụ tiện ích khác cho các hãng hàng không vẫn chưa cân bằng được thu chi kinh doanh do sản lượng tại các chi nhánh Cam Ranh và Phú Bài vẫn ở mức rất thấp so với công suất thiết kế (sản lượng bình quân thực hiện tại chi nhánh Phú Bài chỉ đạt khoảng 10%, tại Cam Ranh đạt khoảng 25% công suất thiết kế) trong khi chi phí cố định chiếm tỷ trọng cao. / *The realized profit in 2024 will reach VND 7.3 billion (after distributing to capital contributors under the BCC at 02 vocational training centers, the profit of the MASCO is VND 3.85 billion) mainly comes from driving vocational training activities and other activities. The provision of catering and other utility services for airlines has not yet balanced business revenue and expenditure because the output at Cam Ranh and Phu Bai branches is still very low compared to the design capacity (the average output implemented at Phu Bai branch is only about 10%, in Cam Ranh reached about 25% of the design capacity) while fixed costs accounted for a high proportion.*

3. Thực hiện kế hoạch đầu tư năm 2024 / *Implementation of the investment plan in 2024*

- Trên cơ sở kết quả giám sát việc thực hiện kế hoạch đầu tư năm 2024, Ban kiểm soát đánh giá năm 2024 Công ty đã triển khai thực hiện các dự án phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu của hoạt động SXKD. Ưu tiên triển khai và tập trung hoàn thành, kịp thời đưa vào sử dụng các dự án cấp thiết, trực tiếp phục vụ hoạt động SXKD và đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm HHDV, đáp ứng các quy định về điều kiện kinh doanh (đầu tư bổ sung, thay thế xe phục vụ Tổ bay của các hãng hàng không, xe dạy lái, trang thiết bị trong dây chuyền chế biến suất ăn); đồng thời, Ban điều hành Công ty cũng đã rà soát giãn tiến độ thực hiện một số dự án phù hợp với tình hình SXKD để đảm bảo hiệu quả đầu tư. / *Based on the results of monitoring the implementation of the investment plan in 2024, the SB assesses that in 2024, the MASCO has implemented projects in accordance with the actual situation and requirements of business activities. Prioritize the implementation and focus on completing and promptly putting into use urgent projects, use for business activities and ensuring the standards and quality of products, meeting the regulations on business conditions (additional investment, replacement of vehicles for flight crews, driving training vehicles, equipment in the meal processing); Executive Board has also reviewed and extended the implementation schedule of a number of projects in accordance with the production and business situation to ensure investment efficiency.*
- Tổng giá trị khối lượng công việc hoàn thành và giải ngân vốn các dự án đầu tư thực hiện trong năm là 4,15 tỷ đồng, đạt 17% kế hoạch (do kế hoạch giải ngân năm 2024 chủ yếu thuộc 02 dự án lớn (dự án đầu tư xe vận chuyển suất ăn và dự án cải tạo, chống thấm cơ sở chế biến suất ăn Cam Ranh) được giãn, hoãn đến cuối năm 2024 mới triển khai). Giá trị tài sản cố định hoàn thành đầu tư, đưa vào sử dụng trong năm 2024 là 3,83 tỷ đồng. / *The total value of the completed workload and capital disbursement of investment projects implemented in the year is VND 4.15 billion, reaching 17% of the plan (because the disbursement plan in 2024 mainly belongs to 02 large projects (investment projects on catering truck and project to renovate the waterproofing of Cam Ranh catering)*

will be extended and postponed until the end of 2024 to be implemented). The value of fixed assets completed and put into use in 2024 is VND 3.83 billion.

4. Tình hình hình tài chính doanh nghiệp / *financial situation*

4.1. Tình hình biến động vốn và tài sản / *Capital and asset fluctuations*

Đơn vị tính: triệu đồng / *Unit: million VND*

| Chỉ tiêu <i>Indicators</i> | 31/12/2024 | 31/12/2023 | Thay đổi so với đầu kỳ <i>Changes compared to the beginning of the period</i> | | Tỷ trọng <i>Propotion</i> | |
|--|------------------|------------------|--|--------------|------------------------------|----------------|
| | | | Giá trị / <i>Value</i> | (%) | 31/12/2024 | 31/12/2023 |
| Tài sản ngắn hạn <i>Short term assets</i> | 33.843,30 | 30.067,72 | 3.775,57 | 12.56% | 47.07% | 42.13% |
| Trong đó: tiền và tương đương tiền / <i>In which: Cash and cash equivalent</i> | 16.757,69 | 7.445,75 | 9.311,94 | 125.06% | 23.31% | 10.43% |
| Tài sản dài hạn <i>Long term assets</i> | 38.057,22 | 41.302,80 | (3.245,57) | (7.86%) | 52.93% | 57.87% |
| Trong đó TSCĐ <i>In which: Fixex assets</i> | 34.718,37 | 37.768,80 | (3.050,43) | (8.08%) | 48.29% | 52.92% |
| Tổng tài sản / <i>Total asset</i> | 71.900,52 | 71.370,53 | 529,99 | 0.74% | 100.00% | 100.00% |
| Nợ ngắn hạn <i>Short term dept</i> | 31.606,71 | 35.273,15 | (3.666,43) | (10.39%) | 43.96% | 49.42% |
| Trong đó: Vay và nợ ngắn hạn / <i>In which: Borrowing and short-term debt</i> | 1.038,76 | 8.494,19 | (7.455,43) | (87.77%) | 1.44% | 11.90% |
| Nợ dài hạn <i>Long term dept</i> | 5.887,53 | 5.547,98 | 339,55 | 0.00% | 8.19% | 7.77% |
| Tổng nợ phải trả <i>Total dept</i> | 37.494,24 | 40.821,13 | (3.326,88) | (8.15%) | 52.15% | 57.20% |
| Vốn chủ sở hữu <i>Owner's equity</i> | 34.406,27 | 30.549,39 | 3.856,87 | 12.63% | 47.85% | 42.80% |
| Tổng nguồn vốn <i>Total capital</i> | 71.900,52 | 71.370,53 | 529,99 | 0.74% | 100.00% | 100.00% |

- Tình hình biến động các khoản mục vốn và tài sản trong kỳ phù hợp với tình hình hoạt động SXKD, hoạt động đầu tư, chi trả lợi nhuận (cho các bên liên kết), thực hiện nghĩa vụ với NSNN và các chính sách TCKT áp dụng. / *The fluctuation of capital items and assets in the period is consistent with the situation of production and business activities, investment activities, profit payment (to associated parties), fulfillment of obligations to the state budget and applicable financial policies.*
- Tổng các khoản mục vốn, tài sản cuối kỳ tăng nhẹ 0,74% so với đầu năm do các nguyên nhân chủ yếu sau: (1) Tăng do: Lợi nhuận sau thuế thực hiện trong năm là 7,30 tỷ đồng, tăng khoản nhận đặt cọc ký quỹ trong năm tăng 0,21 tỷ đồng, tăng khoản nhận trước tiền đào tạo học viên lái xe các khóa đào tạo chưa hoàn thành trong năm 2,18 tỷ đồng...; (2) Giảm do: số chênh lệch giữa thanh toán nợ gốc vay và rút vốn vay trong năm là 7,12 tỷ đồng, giảm do số chênh lệch giữa quỹ lương đã ghi chi phí 2024 nhưng chưa chi với phần quỹ lương còn lại năm 2023 chỉ trong năm 2024 là 2,20 tỷ đồng, chi quỹ KTPL... / *Total capital and assets at the end of the period increased slightly by 0.74% compared to the beginning of the year due to the following main reasons: (1) Increase due to:*

Profit after tax realized in the year was VND 7.30 billion, increase in deposit receipts in the year increased by VND 0.21 billion, increase in prepayment for training trainees of uncompleted training courses in the year increased by VND 2.18 billion, ..; (2) Decrease due to: the difference between loan principal payment and loan withdrawal in the year is VND 7.12 billion, decreased due to the difference between the salary fund that has accounted expenses in 2024 but has not been spent and the remaining salary fund in 2023 spent in 2024 is VND 2.20 billion, the expenditure of the welfare reward fund...

4.2. Đánh giá chung về tình hình tài chính doanh nghiệp /Assessment of the financial situation

Với kết quả kinh doanh năm 2024 có lãi 7,3 tỷ đồng (3,85 tỷ đồng sau phân chia lợi nhuận cho các bên hợp tác kinh doanh và trích quỹ KTPL), cùng với các giải pháp giãn, hoãn đầu tư, sử dụng tối đa nguồn vay trung và dài hạn để tài trợ cho các dự án đầu tư,..., tình hình tài chính Công ty cuối năm 2024 đã có trạng thái tốt hơn nhiều so với đầu năm, cụ thể: Tại 31/12/2024, khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty đã ở ngưỡng an toàn thanh khoản (KNTT ngắn hạn >1, khả năng thanh toán nhanh đạt 0,91), hệ số nợ giảm (Hệ số nợ trên vốn CSH là 1,1); cơ cấu tài chính cũng được chuyển dịch theo hướng tăng mức độ an toàn, trong đó: tài sản có tính thanh khoản cao (tiền và tương đương tiền) tăng 125% so với đầu năm và chiếm 23,3% tổng tài sản; phải thu ngắn hạn giảm 6,8% so với đầu năm và chỉ chiếm 12,6% tổng tài sản, không phát sinh thêm nợ phải thu tồn đọng, khó đòi; vốn chủ sở hữu tăng 12,59% so với đầu năm và đạt 47,8% tổng nguồn vốn; không còn trạng thái mất cân đối vốn dài hạn; dòng tiền thuần SXKD đạt mức dương 19,66 tỷ đồng. Tuy nhiên, do số lỗ lũy kế lớn, kết quả kinh doanh còn hạn chế nên về cơ bản khả năng tự tài trợ, cân đối tài chính chưa bền vững (nếu loại trừ khoản cổ tức 2019 đang được cổ đông cho tạm giữ lại thì khả năng tự tài trợ chỉ còn khoảng 33%), khoản mục nợ ngắn hạn mặc dù đã giảm 10,4% so với đầu năm vẫn chiếm tỷ trọng xấp xỉ 44% tổng nguồn vốn (và sẽ tăng mạnh khi Công ty chốt danh sách cổ đông để thanh toán khoản nợ cổ tức năm 2019 là 10,67 tỷ đồng trong năm nay), điều này cho thấy áp lực thanh toán nợ ngắn hạn trong thời gian tới vẫn ở mức rất cao. Công ty cần tiếp tục các giải pháp tăng cường công tác quản trị dòng tiền, cân đối vốn, đồng thời tích cực tìm giải pháp nâng cao hiệu quả SXKD, sớm giảm và xóa lỗ lũy kế để tăng tính bền vững, lành mạnh của cơ cấu tài chính. / *With business results in 2024 with a profit of VND 7.3 billion (VND 3.85 billion after profit distribution to business partners and deduction of KTPL funds), along with solutions to extend and postpone investment, maximize the use of medium and long-term loans to finance investment projects, .., the Company's financial situation at the end of 2024 has been in a much better state than at the beginning of the year, specifically: As of December 31, 2024, the short-term solvency was at the liquidity safety threshold (short-term solvency >1, quick solvency reached 0.91), the debt ratio decreased (CSH's debt-to-capital ratio was 1.1); the financial structure was also shifted in the direction of increasing the level of safety, in which: highly liquid assets (cash and cash equivalents) increased by 125% compared to the beginning of the year and accounted for 23.3% of total assets; short-term receivables decreased by*

6.8% compared to the beginning of the year and accounted for only 12.6% of total assets, no additional outstanding and bad debts; equity increased by 12.59% compared to the beginning of the year and reached 47.8% of total capital; there is no longer a long-term capital imbalance; net cash flow from production and business reached a positive level of VND 19.66 billion. However, due to the large accumulated losses and profits are still low, the ability to self-finance and financial balance is basically unsustainable (if excluding the 2019 dividend that is being temporarily withheld by shareholders, the ability to self-finance is only about 33%), short-term debt, although it has decreased by 10.4% compared to the beginning of the year, still accounts for approximately 44% of the total capital (and will increase sharply when the Company closes the list of shareholders to pay the dividend debt in 2019 of VND 10.67 billion this year), which shows that the pressure to pay short-term debt in the coming time is still very high. The company needs to continue solutions to strengthen cash flow management, balance capital, and actively find solutions to improve production and business efficiency, soon reduce and eliminate accumulated losses to increase the sustainability and soundness of the financial structure.

III. Phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, ban điều hành và cổ đông / *Coordination of activities between the SB and the BOD, the Executive Board and shareholders*

- Trong kỳ 2024, Ban Kiểm soát, HĐQT, BDH và các Cổ đông đã luôn duy trì được mối quan hệ phối hợp hoạt động tốt. Ban Kiểm soát đã thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều lệ Công ty, đồng thời phối hợp với HĐQT và BDH trong việc thực thi nhiệm vụ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty và của Cổ đông. / *In the 2024 period, the SB, the BOD, the Executive Board and the Shareholders have always maintained a good cooperative relationship. The SB has strictly performed the functions, tasks and powers specified in the Company's Charter, and at the same time coordinated with the BOD and the Executive Board in performing tasks on the principle of benefiting the Company and Shareholders.*
- HĐQT, Ban giám đốc điều hành và các bộ phận chức năng trong Công ty đã tạo điều kiện và phối hợp với Ban Kiểm soát trong các mặt hoạt động. / *The BOD, the Executive Board and functional departments have facilitated and coordinated with the SB in all aspects of operation.*

IV. Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2025 / *Operation plan of the Supervisory Board in 2025*

Kế hoạch hoạt động của BKS trong năm 2025 được xây dựng phù hợp với mô hình tổ chức hoạt động, kế hoạch SXKD của Công ty và các quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, trong đó tập trung vào các nội dung chính như sau: / *The operation plan of the SB in 2025 is developed in accordance with the organizational model, business plan and the legal regulations and the Company's Charter, focusing on the following main contents:*

- Giám sát việc tuân thủ quy định Pháp luật, quy định của Công ty, sự cẩn trọng HĐQT, Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành Công ty. / *Supervise the compliance with laws and internal regulations, the prudence of the BOD and the Executive Board in the management and administration.*
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ và các nghị quyết, quyết định của HĐQT Công ty. / *Inspecting and supervising the implementation of resolutions of the General Meeting of Shareholders and resolutions and decisions of the BOD.*
- Kiểm tra tính tuân thủ, tin cậy, tính hệ thống và hợp lý của công tác kế toán, thống kê, lập báo cáo tài chính của Công ty; thẩm định, soát xét các báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm 2025. / *Checking the compliance, reliability, systematic, and reasonableness of the accounting, statistics, and financial statements; appraisal and review of semi-annual financial statements and financial statements for 2025.*
- Kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư và công tác quản lý hoạt động đầu tư. / *Inspect and evaluate the implementation of business plans, investment plans and management of investment activities.*
- Giám sát việc thực hiện các quy định về phê duyệt hợp đồng giao dịch với người có liên quan; việc công bố thông tin của Công ty. / *Supervise the implementation of regulations on approval of transaction contracts with related persons; the Company's information disclosure.*
- Tiếp tục thực hiện việc rà soát và phối hợp với Công ty trong công tác hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ (trong đó, có quy chế quản lý nợ và quy chế mua sắm HHDV sử dụng ngân sách chi thường xuyên). / *Continue to review and coordinate with the Company in improving the internal control system (in which, there are regulations on debt management and regulations on procurement of goods and services using the recurrent expenditure budget).*
- Thực hiện một số chương trình kiểm soát chuyên đề của BKS: Giám sát việc hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty; kiểm tra tài chính, đánh giá hoạt động tại một số chi nhánh có hiệu quả kinh doanh thấp; kiểm tra tính hiệu lực, hiệu quả trong việc thực hiện một số tiêu chuẩn định mức của Công ty;.../ *Implementing a number of thematic control programs of the SB: Supervising the completion of the Company's internal control system; financial inspection, evaluation of operations at some branches with low business efficiency; examining the effectiveness and efficiency in the implementation of a number of normative standards of the Company.*
- Thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát khác theo yêu cầu của ĐHĐCĐ, của cơ quan quản lý nhà nước hoặc khi nhận thấy có rủi ro trong công tác quản lý điều hành, rủi ro hoạt động kinh doanh và rủi ro về tài chính của Công ty. / *Perform other inspection and supervision tasks at the request of the General Meeting of Shareholders, state management agencies or when it is found that there are risks in the management and administration, risks of business activities and financial risks.*

V. Kiến nghị của Ban Kiểm soát / *Recommendation of the Supervisory Board*

Ban Kiểm soát kính trình ĐHĐCĐ thường niên 2025 xem xét thông qua: /The Supervisory Board respectfully submits to the 2025 Annual General Meeting of Shareholders for consideration and approval:

- Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty. */Approved the MASCO's audited Financial Statements for 2024.*
- Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 của Ban kiểm soát. */Approve the 2024 Operation Report and the 2025 Operation Plan of the Supervisory Board.*

Trên đây là kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024 và trong thời gian từ sau ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 đến nay, Ban Kiểm soát báo cáo ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Công ty. */The Supervisory Board would like to report to the General Meeting of Shareholders on the results of the SB's activities in 2024 and from the General Meeting of Shareholders in 2024 until now.*

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua. */Respectfully submitted to the General Meeting of Shareholders for consideration and approval.*

Trân trọng !

Best regard

Nơi nhận: /To:

- Như trên; */As above;*
- HĐQT, TGĐ; *BOD, CEO;*
- TK Công ty; */Company Secretary*
- Lưu BKS */Archived.*

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN

On behalf of the Supervisory Board

Head of the Supervisory Board



Đinh Hồng Sơn

**CÔNG TY CP DVHK SÂN BAY ĐÀ
NẴNG BAN KIỂM SOÁT
DA NANG AIRPORT SERVICES JSC
SUPERVISORY BOARD**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Viet Nam
Independence – Freedom - Happiness**

Số: 04 /BKS - MASCO/25
No: 04 - SB/MASCO /25

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 04 năm 2025
Da Nang, April 02 ,2025



**TỜ TRÌNH CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**
***Là việc lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính giai
đoạn 2025 - 2026***

**STATEMENT OF THE SUPERVISORY BOARD
TO THE 2023 ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS**
***On the selection of independent auditors to audit the Financial Statements for the
fiscal years 2025-2026***

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**
Attn: *General Meeting of Shareholders*
Da Nang Airport Services Joint Stock Company

Căn cứ: /Based on:

- *Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;/ Enterprise Law 2020 and guiding documents;*
- *Điều lệ Công ty cổ phần Dịch vụ hàng không sân bay Đà Nẵng;/ The Charter of Da Nang Airport Services Joint Stock Company;*
- *Thông tin công bố của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Bộ Tài chính về danh sách các công ty kiểm toán, kiểm toán viên đủ điều kiện thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của các doanh nghiệp có lợi ích công chúng(theo Quyết định 2730/QĐ-BTC ngày 15/11/2024 của Bộ Tài Chính)/ Notification of the State Securities Commission, Ministry of Finance on the list of auditing firms and auditors eligible to audit the 2025 financial statements of enterprises in the public interest (according to Decision No. 2730/QĐ-BTC dated 15/11/2024 of the Ministry of Finance.*

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông đề xuất của Ban kiểm soát về danh sách các công ty kiểm toán được xem xét để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính giai đoạn 2025 - 2026 của Công ty cổ phần Dịch vụ hàng không sân bay Đà Nẵng như sau: / *The Supervisory Board respectfully submits to the General Meeting of Shareholders the proposal of the Supervisory Board on the list of auditing companies considered to audit the financial statements for the period of 2025 - 2026 of Da Nang Airport Aviation Services Joint Stock Company as follows:*

1. Về tiêu chí lựa chọn công ty kiểm toán độc lập /Criteria for selecting an independent auditing company

- Là công ty kiểm toán được Bộ Tài chính chấp thuận kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của các doanh nghiệp có lợi ích công chúng; / *The auditing firm must be on the list approved by the MOF to audit the financial statements in 2025 of enterprises with public interests;*
- Có kinh nghiệm kiểm toán cho doanh nghiệp lớn có nhiều chi nhánh, hoạt động trong nhiều lĩnh vực SXKD và/hoặc hoạt động trong lĩnh vực cung ứng hàng hóa, dịch vụ phục vụ các hãng hàng không, logistics; /*Auditing firms must have experience in auditing large enterprises with many branches, operating in many fields of business and/or operating in the field of supply of goods and services for airlines, logistics;*
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán; / *Reputable for audit quality;*
- Đáp ứng được yêu cầu của Công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán; / *Meet the MASCO's requirements on audit scope and progress;*
- Có mức giá phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng kiểm toán và ngân sách của Công ty. / *reasonable audit fees, suitable for audit quality and the MASCO's budget.*

2. Danh sách các công ty kiểm toán độc lập / List of auditing companys

Trên cơ sở các tiêu chí lựa chọn nêu trên, Ban Kiểm soát xin đề xuất các công ty kiểm toán độc lập sau đây vào danh sách để xem xét lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính giai đoạn 2025 - 2026 của Công ty (danh sách sắp xếp theo thứ tự ABC):/ *Based on the selection criteria, the Board of Supervisors would like to propose the following auditing companies to be included in the list for selection to audit the Financial Statements for the period 2025 - 2026 (list arranged in alphabetical order):*

| Stt | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ (trụ sở chính) |
|-----|---|--|
| 1 | Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC / <i>AAC Auditing and Accounting Co., Ltd.</i> | Lô 78-80 đường 30 Tháng 4, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng / <i>No 78-80, 30/4 Street, Hoa Cuong Bac Ward, Hai Chau District, Da Nang City</i> |
| 2 | Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM/ <i>ECOVIS AFA VIETNAM Auditing - Valuation and Consulting Co., Ltd.</i> | 142 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng / <i>142 Xo Viet Nghe Tinh, Hoa Cuong Nam ward, Hai Chau district, Da Nang city</i> |
| 3 | Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam / <i>RSM</i> | 147 – 147 Bis Hai Bà Trưng, phường Võ Thị Sáu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh / <i>147 – 147 Bis</i> |

| | | |
|---|---|--|
| | <i>Vietnam Auditing & Consulting Co., Ltd.</i> | <i>Hai Ba Trung, Vo Thi Sau Ward, District 3, Ho Chi Minh City</i> |
| 4 | Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY / <i>UHY Auditing and Consulting Co., Ltd.</i> | Tầng 5 – B2, Roman Plaza, đường Tố Hữu, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội / <i>5th Floor – B2, Roman Plaza, To Huu Street, Nam Tu Liem District, Hanoi City</i> |
| 5 | Công ty TNHH Kiểm toán VACO / <i>VACO Auditing Co., Ltd.</i> | Tầng 12A, Toà nhà 319, số 63 đường Lê Văn Lương, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội. / <i>12A Floor, Building 319, No. 63 Le Van Luong Street, Trung Hoa Ward, Cau Giay District, Hanoi City.</i> |

3. Kiến nghị / *Recommendations*

Ban Kiểm soát kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua danh sách các công ty kiểm toán nêu tại Mục 2 và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định việc lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty theo các quy định pháp luật và các quy định của Công ty. /*The Board of Supervisors would like to propose the General Meeting of Shareholders to approve the list of auditing companies stated in Section 2 and assign the Board of Directors to decide on the selection of an auditing company in accordance with the provisions of law and the MASCO's regulations.*

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông !

Sincerely submit to the General Meeting of Shareholders!

Nơi nhận: /To:

- Như trên; /*As above;*
- HĐQT, TGD; *BOD, CEO;*
- TK Công ty; /*Company Secretary*
- Lưu BKS /*Archived.*

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

*On behalf of the Supervisory Board
Head of the Supervisory Board*



Đinh Hồng Sơn

AGENDA OF ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS
DA NANG AIRPORT SERVICES JOINT STOCK COMPANY
APRIL, 29TH 2025

| No | Time | Content | Implement |
|------------|-------------|--|----------------------|
| I | | Preparation and Opening | |
| 1 | 7h40-8h00 | Welcoming Shareholders and Guests. | Organizing Committee |
| 2 | 8h00-8h30 | - Flag salute, statement of purpose and introduction of participants | Organizing Committee |
| | | - Report on the Attending Shareholder, Declaration of the General Meeting's Eligibility to Proceed. | Organizing Committee |
| | | - Introduce the Presidium | Organizing Committee |
| | | - The Chairperson selects the Secretary and the Vote Counting Committee. | Presidium |
| | | - Approval of the Meeting Agenda.. | Presidium |
| | | - Approval of the Organizational Regulations and Voting Procedures at the Meeting. | Presidium |
| II | | Reports for the Meeting | Presidium |
| 1 | 8h30-10h00 | - Report of the Board of Directors. | Presidium |
| 2 | | - The business performance results and audited financial statements in 2024 | Presidium |
| 3 | | - Report on the distribution of production and business results, remuneration, and salaries of the Board of Directors and Supervisory Board for the year 2024. | Presidium |
| 4 | | - Report on the dividend payment for the year 2019. | Presidium |
| 5 | | - Business and investment plan for 2025. | Presidium |
| 6 | | - Business plan for the period 2025-2030. | Presidium |
| 7 | | - Report of the Board of Supervisors | Board of Supervisors |
| 8 | | -Remuneration plan for the Board of Directors and Board of Supervisors in 2025 | Presidium |
| 9 | | - Selecting an Auditing company for auditing the Financial Statements in period 2025-2026. | Board of Supervisors |
| III | | The General meeting discusses and voting | |
| 1 | 10h00-10h30 | - Report of the Board of Directors. | Presidium |
| 2 | | - The business performance results and audited financial statements in 2024 | Presidium |
| 3 | | - Report on the distribution of production and business results, remuneration, and salaries of the Board of Directors and | Presidium |
| 4 | | - Report on the dividend payment for the year 2019. | Presidium |
| 5 | | - Business and investment plan for 2025. | Presidium |
| 6 | | - Business plan for the period 2025-2030. | Presidium |
| 7 | | - Report of the Board of Supervisors | Presidium |
| 8 | | - Remuneration plan for the Board of Directors and Board of Supervisors in 2025 | Presidium |
| 9 | | - Selecting an Auditing company for auditing the Financial Statements in period 2025-2026. | Presidium |
| IV | | Closing of the Meeting | |
| 1 | 10h30-11h00 | - Report on the Minutes and Resolutions of the Annual General Meeting of Shareholders. | Secretary |
| 2 | | - End of the Meeting | Presidium |

**DA NANG AIRPORT SERVICES
JOINT STOCK COMPANY**

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

No: **OL**/TTr-HDQT-DVĐN

Da Nang, April 08th 2025

SUBMISSION

Approval of the regulations on the organization and voting procedures at the
Annual General Shareholders' Meeting 2025

To: Annual General Shareholders' Meeting 2025

Based on the Enterprise Law No. 59/2020/QH14 approved by the National Assembly
of the Socialist Republic of Vietnam on June 17, 2020;

Based on the charter for the organization and operation of Da Nang Airport Aviation
Services Joint Stock Company, which was approved by the Company's Annual General
Shareholders' Meeting on April 27, 2023.

To commence the Annual General Shareholders' Meeting 2025 of Da Nang Airport
Aviation Services Joint Stock Company, the Board of Directors respectfully presents for
consideration and approval the regulations on the organization and voting procedures at the
Annual General Shareholders' Meeting 2025.

Accompanying Documents:

- Regulations on the organization and voting procedures at the Annual General
Shareholders' Meeting 2025.

**On behalf of the Board of Directors
CHAIRMAN OF THE BOARD**



Đà Nẵng, April, 29th 2025

**THE ORGANIZATION REGULATIONS OF THE
ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS 2025
DA NANG AIRPORT SERVICES JOINT STOCK COMPANY**

Article 1. Targets.

- Ensure transparency, fairness, democracy, and compliance with the law;
- Facilitate the organization, safety, and order during the General Shareholders' Meeting.

Article 2. Proxy Attendance at the General Shareholders' Meeting

- Shareholders who are individuals, legal representatives of organizational shareholders, or authorized representatives of organizational/individual shareholders owning voting shares of the Company have the right to attend the General Shareholders' Meeting (GSM).

- The proxy does not necessarily have to be a shareholder of the Company. The proxy cannot delegate their authority to a third party. The appointment and proxy authorization, as well as any changes to the representative and proxy, must be made in writing according to the following regulations:

- In the case of an individual shareholder, the proxy document must be the original document with the full signatures of both the person granting the proxy and the person receiving the proxy.

- In the case of a legal entity/organization shareholder, the proxy document must be the original document with the full signatures of the granting party, the receiving party, and must be stamped and signed by the legal representative of that legal entity/organization.

Article 3. Order of the Annual General Shareholders' Meeting 2025

- All shareholders attending the General Shareholders' Meeting must be dressed appropriately.

- No smoking is allowed in the venue of the General Shareholders' Meeting.

- No private conversations or use of mobile phones during the General Shareholders' Meeting.

- All mobile phones must be turned off or set to silent mode.

Article 4. Voting at the Annual General Shareholders' Meeting 2025

- **Principle:** All issues on the agenda of the Annual General Shareholders' Meeting 2025 will be approved by collecting public voting opinions from all shareholders using Voting Cards based on their owned and represented shares. Each shareholder will be issued a Voting Card that includes the voting code, the shareholder's full name (or authorized representative), the number of shares entitled to vote (owned and authorized), and the official seal of Da Nang Airport Services Joint Stock Company.

- **Voting Method:** Shareholders will vote to agree, disagree, or abstain on an issue presented at the General Shareholders' Meeting by RAISING and MARKING their Voting Card. When voting, the front of the Voting Card must be held up facing the Chairperson.

Approval of the decisions made at the Annual General Shareholders' Meeting 2025:

4.1. Resolutions on the following matters will be approved if at least sixty-five percent (65%)



of the total voting shares of all shareholders present, either directly or through authorized representatives, at the General Shareholders' Meeting agree:

- a) Types of shares and the total number of shares of each type;
- b) Changes to the industry, profession, and business fields;
- c) Changes to the organizational structure of the Company;
- d) Investment projects or the sale of assets valued at 35% or more of the total asset value recorded in the Company's most recent financial report, unless the Company's charter specifies a different ratio or value;
- e) Reorganization or dissolution of the Company;
- f) Amendments and supplements to the Company's charter.

4.2. Other matters, except for those specified in Clause 4.1 of this Article, will be approved when more than 50% of the total voting shares of all shareholders present, either directly or through authorized representatives, at the General Shareholders' Meeting agree:

4.3. The voting for members of the Board of Directors and the Supervisory Board must be conducted by cumulative voting.

Article 5. Responsibilities of the Chairpersons:

- The Chairperson of the Meeting is defined in Clauses 4, 7, and 8 of Article 20 of the Company's charter.

- The Chairperson has the following rights and responsibilities:

- Preside over and conduct the Meeting; the Chairperson shall carry out necessary tasks to ensure the Meeting is conducted legally, orderly, and reflects the wishes of the majority of attending shareholders.

- The Chairperson's decisions regarding the order, procedures, or events arising outside the agenda of the Meeting will have the highest authority.

- Guide the Meeting in discussions and collecting votes on issues within the agenda.

- Present drafts and conclude necessary issues for the Meeting to vote on.

- Respond to or designate a member of the Board of Directors to answer questions raised by the Meeting.

- Resolve issues that arise during the Annual General Shareholders' Meeting

Article 6. Responsibilities of the Ballot Counting Committee:

- Determine the voting results of shareholders on issues approved at the Annual General Shareholders' Meeting.

- Promptly inform the Chairperson and the Meeting of the voting results.

Article 7. Responsibilities of the Secretary Team:

- Accurately and thoroughly record all content and events of the Annual General Shareholders' Meeting, including issues approved by shareholders or noted during the meeting.

- Draft the minutes of the Annual General Shareholders' Meeting and the resolutions on the issues approved at the Annual General Shareholders' Meeting 2025.



Đà Nẵng, April, 29th 2025

VOTING PROCEDURES

AT THE ANNUAL GENERAL SHAREHOLDERS' MEETING 2025

Based on the Enterprise Law No. 59/2020/QH14 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on June 17, 2020;

Based on the Charter of Da Nang Airport Services Joint Stock Company.

The voting procedures at the Annual General Shareholders' Meeting 2025 of Da Nang Airport Services Joint Stock Company (hereinafter referred to as the "Meeting") are as follows:

1. All contents of the Proposal, Reports at the Meeting, Minutes, and Resolutions of the Meeting must be voted publicly and directly at the Meeting or through direct voting.

2. The election of the Chairperson, Secretary, Vote Counting Committee, Meeting organization regulations, Meeting agenda, Minutes, and Resolutions of the General Shareholders' Meeting will be approved and take effect when more than 50% of the voting shareholders present in person or represented by proxy agree.

3. The contents of the Proposal and Reports at the Meeting are approved when the number of shareholders representing over 50% of the total voting shares of the voting shareholders present in person or represented by proxy agree, and shareholders have the right to vote directly or through their proxies, except for the contents specified in Clause 1, Article 21 of the Company's Charter.

4. Each shareholder or proxy's voting rights are calculated based on the total number of shares they own and/or represent.

5. Voting Procedures

- For shareholders/proxies attending the Meeting in person:

Each shareholder or proxy will receive a Voting Card upon attending the Meeting. The Voting Card clearly states the shareholder's name, shareholder registration code, and the number of shares including owned shares and authorized shares.

5.1. Voting on the Meeting organization contents

a. Shareholders/proxies attending the Meeting in person will exercise their voting rights by RAISING their Voting Card when approving the following contents:

- List of the Chairperson; Secretary
- List of the Vote Counting Committee;
- Meeting organization regulations;



- Meeting agenda;
- Minutes and Resolutions of the General Shareholders' Meeting.

b. Voting on the above issues at the Meeting will be conducted by raising the Voting Card. For each issue, the Chairperson or a representative of the Chairperson will ask for shareholders' opinions on each issue. Each issue will be voted on in three rounds in the order: Agree; Disagree; No opinion. The voting results will be announced immediately after each issue is voted on.

5.2. Voting on the contents that need to be approved at the Meeting

a. Shareholders/proxies attending the Meeting in person will exercise their voting rights by RAISING and MARKING their Voting Card to vote on the content that needs to be approved at the Meeting. The Organizing Committee has printed all the contents to be voted on the Voting Card. Corresponding to each content needing to be voted on, there are three options: "Agree," "Disagree," or "No opinion." When the Chairperson requests the shareholders to vote, shareholders will raise the corresponding Voting Card and mark "X" or "✓" on that option for record-keeping purposes.

The contents to be voted on include: Specific contents presented at the Meeting.

b. The voting results will be announced by the Head of the Vote Counting Committee immediately before the Meeting is adjourned, and the Minutes of the vote counting will be handed over to the Chairperson and the Secretary to finalize the Minutes and Resolutions.

6. In case a shareholder or proxy has questions regarding the voting results, the Chairperson will consider and make a decision immediately at the Meeting.



**REPORT ON THE ACTIVITIES OF THE BOARD OF DIRECTORS
FOR THE YEAR 2024 AND PLAN FOR 2025**

To: THE ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS 2025

- The year 2024 is a significant year for the aviation industry as we continue to witness a strong recovery after the COVID-19 pandemic. Many flights have been restored, and international airlines have expanded their commercial routes to the airports served by our company. Economic activities are gradually returning to normal, providing favorable conditions for MASCO to develop and operate services.

- However, alongside these opportunities, we also face numerous challenges due to global geopolitical fluctuations, affecting revenue growth and increasing input material costs, amidst fierce competition. This has created considerable pressure on the company's production and business activities.

- In the face of both advantages and difficulties in 2024, with the support of major shareholder Vietnam Airlines, the Board of Directors, the General Director, and all employees have focused on enhancing service quality in effective operational areas, tightening control over less effective business units, while continuing policies to cut and maximize indirect costs. This has contributed to achieving a better revenue and profit level than the plan approved by the General Meeting of Shareholders.

- The Board of Directors of Danang Airport Services Joint Stock Company reports to the General Meeting of Shareholders on the results of 2024 and the operational direction for 2025 as follows:

I. IMPLEMENTATION OF THE 2024 PLAN TARGETS.

1. Production and Business Targets:

- Detailed indicators regarding the scale, growth, and business results of MASCO in 2024 are presented in the attached audited financial report and published on the company's website (www.masco@masco.com.vn). Some key targets achieved are as follows:

| | |
|---------------------------------|--|
| Total Revenue | 178.79 billion VND, achieving 112.1% of the 2024 plan |
| Total Profit Before Tax | 7.306 billion VND, achieving 153.9% of the 2024 plan |
| Total Profit After Tax | 7.306 billion VND, achieving 153.9% of the 2024 plan |
| Owner's Equity | 34,406,273,460 VND |
| Average Income/Person | 9.78 million VND/person/month, achieving 113% of the 2024 plan |
| Profit After Tax/Owner's Equity | 21.23% |

| | |
|----------------------|---------------|
| Basic Earnings/Share | 904 VND/share |
|----------------------|---------------|

2. Corporate Governance:

2.1. Composition of the Board of Directors:

The current Board of Directors consists of 5 members as follows:

| No. | Board Member | Position | Appointment Date |
|-----|--------------------------|---------------------------------------|------------------|
| 1 | Mr. Dao Manh Kien | Chairman of the Board (Non-executive) | 25/06/2021 |
| 2 | Mr. Tran Thanh Nghia | Board Member | 28/06/2024 |
| 3 | Mr. Tran Thanh Hai | Board Member | 25/06/2021 |
| 4 | Mr. Nguyen Thanh Dong | Board Member (Non-executive) | 28/06/2024 |
| 5 | Ms. Nguyen Thi Thuy Linh | Board Member (Non-executive) | 25/06/2021 |

2.2. Activities of the Board of Directors:

- With the role and obligation to represent the interests of the company's shareholders, the Board of Directors has consistently upheld a spirit of responsibility, working alongside the General Director to execute directives, and achieve production and business targets set by the General Meeting of Shareholders in 2024. The Board effectively supervises all aspects of the company's operations according to the regulations through both direct and online meetings.

- The Board operates on collective principles, fully complying with legal regulations and the company's charter. The Board holds regular meetings once per quarter; in 2024, it convened several important resolutions and decisions, including:

+ Approving financial reports, production and business plans, and investment plans to present to the General Meeting of Shareholders for decision;

+ Organizing the Annual General Meeting of Shareholders;

+ Approving the information disclosure regulations, bidding and investment regulations, management and use of salary funds, and appointing the General Director;

+ Approving and implementing several large projects of the company as per its authority: investing in in-flight meal transportation vehicles, renovating the meal processing facility at the Cam Ranh branch;

+ And many other important decisions.

| No | Resolution/Decision No. | Date | Content | Approval rate |
|----|-------------------------|------------|--|---------------|
| 01 | 02/NQ-HĐQT-DVĐN | 08/03/2024 | Approval of business results, audited financial statements for 2023, and business leadership for Q1 2024 | 100% |
| 02 | 03/NQ-HĐQT-DVĐN | 08/03/2024 | Approval of the list of participants and planned contents for the 2024 General Meeting of Shareholders | 100% |

| | | | | |
|----|------------------|------------|--|------|
| 03 | 04/NQ-HĐQT-DVĐN | 05/04/2024 | Convening the 2024 Annual General Meeting of Shareholders. | 100% |
| 04 | 05/NQ-HĐQT-DVĐN | 22/04/2024 | Change of the time for holding the 2024 Annual General Meeting of Shareholders. | 100% |
| 05 | 06/NQ-HĐQT-DVĐN | 13/05/2024 | Implementation of the 2024 investment plan. | 100% |
| 06 | 07/NQ-HĐQT-DVĐN | 07/06/2024 | Convening the 2024 Annual General Meeting of Shareholders. | 100% |
| 07 | 08/NQ-HĐQT-DVĐN | 07/06/2024 | Approval of the Company's Information Disclosure Regulation and bidding and investment regulations. | 100% |
| 08 | 01/QĐ-HĐQT-DVĐN | 07/06/2024 | Decision to issue the Company's Information Disclosure Regulation | 100% |
| 09 | 02A/QĐ-HĐQT-DVĐN | 07/06/2024 | Decision to issue bidding and investment regulations of the Company | 100% |
| 10 | 10/NQ-HĐQT-DVĐN | 28/06/2024 | Change of the General Director and legal representative of the Company. | 100% |
| 11 | 02/QĐ-HĐQT-DVĐN | 28/06/2024 | Decision to appoint the General Director of the Company. | 100% |
| 12 | 11/NQ-HĐQT-DVĐN | 04/07/2024 | Implementation of the production and business plan for 2024. | 100% |
| 13 | 12/NQ-HĐQT-DVĐN | 04/07/2024 | Selection of the auditing company to review the financial statements for the first six months and the year 2024. | 100% |
| 14 | 13/NQ-HĐQT-DVĐN | 01/08/2024 | Salary adjustment for the Company's General Director. | 100% |
| 15 | 14/NQ-HĐQT-DVĐN | 24/09/2024 | Approval of the reviewed financial statements for the first six months of 2024, regulations on management and use of the salary fund, other supplemental allocations, and regulations on management and use of the reward and welfare fund of the Company. | 100% |
| 16 | 15/NQ-HĐQT-DVĐN | 24/09/2024 | Approval of the Contract Appendix between the Company and the individuals contributing capital at the training center and Company insiders. | 100% |
| 17 | 16/NQ-HĐQT-DVĐN | 15/10/2024 | Approval of the liquidation of vehicles that have expired at the Da Nang Driving Training Center. | 100% |
| 18 | 17/NQ-HĐQT-DVĐN | 25/12/2024 | Approval of the project for renovation against leaks and dampness of the food processing house at Cam Ranh branch. | 100% |
| 19 | 07/QĐ-HĐQT-DVĐN | 25/12/2024 | Approval of the renovation project against leaks and dampness of the food processing house at Cam Ranh branch. | 100% |
| 20 | 18/NQ-HĐQT-DVĐN | 25/12/2024 | Approval of the investment project for aircraft meal transportation vehicles. | 100% |
| 21 | 08/QĐ-HĐQT-DVĐN | 25/12/2024 | Decision to approve the investment project for aircraft meal transportation vehicles. | 100% |
| 22 | 19/NQ-HĐQT-DVĐN | 25/12/2024 | Approval of the results of 2024 and the plan for 2025, Contract Appendix between the Company and the individuals contributing capital at the Da Nang automotive training center and the report and plan for 2025 of the Company's internal audit unit. | 100% |

3. Supervision of the General Director's Activities:

- Throughout the year, the Board actively implemented the resolutions from the Annual General Meeting of Shareholders 2024 as per the regulations of the company charter and the Board's operational regulations.

- The Board frequently organized regular and extraordinary meetings with the General Director as stipulated in the company charter to timely decide on issues related to production and business activities, ensuring the company's interests align with the directions proposed by the General Meeting.

- The Board reviewed and approved the information disclosure regulations, bidding and investment regulations, and management and use of salary funds. On June 28, 2024, the Board met and unanimously agreed to appoint a General Director to manage and operate the company's business activities.

- Throughout the year, the General Director has closely directed the company's activities, developing specific monthly action plans, reviewing labor, adjusting salary schemes for employees, and prioritizing key products and services that yield high efficiency. The company has expanded its offerings beyond the aviation sector, proposed solutions to overcome limitations, ensured progress in implementing plans, and essentially completed the production and business targets set by the General Meeting of Shareholders. Quality control and debt management have been effectively executed.

- The Board of Directors has supervised the implementation of the investment plan for 2024, including: investing in 2 driving instruction cars for training centers in Da Nang and Thua Thien Hue, and 1 16-seat vehicle for transporting flight crews and attendants at Cam Ranh. Additionally, the renovation of the employee parking space at the Cam Ranh branch was carried out, along with the investment in an additional cold storage facility at the Da Nang meal production unit, and the replacement of the air conditioning system in the production area of the meal processing plants.

4. Regarding Transactions with Related Parties in 2024.

- In 2024, transactions between MASCO and related parties have been approved and executed in compliance with legal regulations.

5. Other Activities:

- Selection and signing of the contract for auditing the financial statements for 2024 according to the resolution of the General Meeting of Shareholders.

II. OPERATIONAL DIRECTION FOR 2025.

1. 2025 Plan Targets.

1.1. General Assessment:

- Domestic and Global Situation: The impact of the ongoing Russia-Ukraine conflict and the Middle East region crisis remains unresolved, causing unpredictable fluctuations in the prices of raw materials and fuels. The economic recession in many countries worldwide further poses significant challenges for the air transport and tourism sectors.

- In addition, the implementation of the U.S. tariff policy will directly increase production costs for businesses, leading to a decline in consumer spending and travel demand among the public. It may also indirectly raise operational costs for airlines, hotels, and travel agencies.

- The prices of raw materials for meal production have increased due to rising transportation costs. Given that the airlines still face many difficulties, the company has not been able to adjust service prices.

- Therefore, the company's production and business activities in 2025 will heavily depend on the global economic situation, the Ukraine crisis, and the recovery of the tourism and aviation sectors in Vietnam and worldwide.

1.2. Specific Targets:

| Indicator | Unit | 2025 Plan | Notes |
|------------------------------|-------------|-----------|--------------|
| Total Owner's Equity | Million VND | 43.48 | |
| Production Volume of Meals | Meals | 1,562,057 | |
| Total Revenue | Million VND | 207,101 | |
| Total Costs | Million VND | 198,772 | |
| Total Salary Fund | Million VND | 58,997 | |
| Profit Before Tax | Million VND | 8,329 | |
| Profit After Tax | Million VND | 6,669 | |
| Average Labor | People | 465 | |
| Total Investment in the Year | Million VND | 31,902 | Includes VAT |

2. Performance of Production and Business in Q1 2025.

| No | Indicator | Unit | 2025 Plan | Quarter I/2025 | Quarter I/2024 | Quarter I 2025/Quarter I 2024 (%) | Quarter I 2025/Plan (%) |
|----|-------------------|-------------|-----------|----------------|----------------|-----------------------------------|-------------------------|
| 1 | Volume of Meals | Meals | 1,562,057 | 267,764 | 352,229 | 76.02% | 17.14% |
| 2 | Total Revenue | Million VND | 207,101 | 42,718 | 43,552 | 98.09% | 20.63% |
| 3 | Total Costs | Million VND | 198,772 | 41,376 | 41,624 | 99.40% | 20.73% |
| 4 | Profit Before Tax | Million VND | 8,329 | 1,342 | 1,928 | 69.61% | 17.85% |
| 5 | Profit After Tax | Million VND | 6,669 | 1,342 | 1,928 | 69.61% | 20.12% |

- Quarter 1 is the peak period for serving the Lunar New Year, but the company's indicators for production volume, revenue, and profit did not meet the planned targets. Total revenue in Q1/2025 was 42.7 billion VND, achieving only 20.6% of the annual plan. Profit before tax was 1.34 billion VND, reaching 17.85% of the annual target.

- The reasons include increasing political tensions in certain countries and regions that have caused sharp rises in raw material prices, making business operations challenging. The company has also not been able to raise service prices as airlines still face financial issues post-pandemic. On the other hand, the transfer of the examination responsibilities from the Department of Transport to the Police has created many disadvantages for vocational training, as students have not been able to take the exams in the first quarter, leading to delays in the enrollment process for new classes.

- To cope with inflation and input cost increases while ensuring the 2025 plan, the company will continue to maximize cost-saving policies, manage labor costs, investments, and negotiate with suppliers to reduce input material costs and enhance operational efficiency.

3. Management Efforts to Achieve 2025 Goals.

- The Board directs the General Director to implement proactive and effective measures, aligning with market demands, preparing necessary resources and conditions for production and business to ensure the completion of the established plan for the Annual General Meeting of Shareholders in 2025.

- Strengthen engagement with new customers to expand the market and create impressions and trust with clients.

- Regularly research the market, seek additional suppliers, and organize competitive bids for services and goods for the entire company to reduce input prices and increase business efficiency; expand auxiliary business services, leveraging existing infrastructure to increase revenue, optimize all income sources, and implement stringent cost-saving measures, especially in management costs to enhance profits.

- Enhance inspection, supervision, and evaluation of the implementation, maintenance, and continuous improvement of the quality management system according to ISO 22000:2018 standards to enhance service quality in line with airline requirements.

- Regularly check and carry out the maintenance of infrastructure, machinery, and transportation means according to the plan to ensure optimal performance during production and business activities.

- Focus on improving employee living standards and income, while organizing training and professional skill development for employees.

- Continue investing in and upgrading the quality of facilities and equipment at the Da Nang, Phu Bai, and Cam Ranh meal production units to enhance service quality and meet production needs at these locations.

- Strengthen digital transformation efforts, digitizing the company's documents and regulations to ensure all employees have quick and flexible access to new documents and processes.

- Continue to promote the search for a location to build a new Catering facility, ensuring it meets the requirements of the airlines.

This is the report on the results of production and business activities, management operations in 2024, and the direction for tasks in 2025. The Board of Directors respectfully reports and hopes to receive contributions from shareholders to achieve the highest results in production and business activities and the management operations of the Board in 2025.

**On behalf of the Board of Directors
CHAIRMAN OF THE BOARD**



ĐÀO MANH KIEN

No: 05 /TTr-HĐQT-DVĐN

Đà Nẵng, April, 17th 2025

SUBMISSION

Proposed items for discussion and voting at the General Meeting

To: 2025 ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS

- Based on the Board of Directors' report on the implementation of business production and operation targets, management and operation in 2024, and assessments of the domestic and international economic and political situation affecting the aviation and tourism market...the Board of Directors of Danang Airport Services Joint Stock Company (Masco) respectfully submits the following items to the Annual General Meeting of Shareholders (AGM):

1. Report on 2024 Business Production and Operation results and Audited Financial Statements.

| Target | Unit | Plan | Actual | % of Plan |
|-------------------|-------------|-----------|-----------|-----------|
| Output (meals) | Meals | 1,099,169 | 1,300,986 | 118.4% |
| Total Revenue | Million VND | 159,526 | 178,79 | 112.1% |
| Profit before tax | Million VND | 4,747 | 7,306 | 153.9% |
| Profit after tax | Million VND | 4,747 | 7,306 | 153.9% |
| Equity Capital | Million VND | 42,677 | | 100.0% |
| Investment plan | Million VND | 26,348 | 4,157 | 15.8% |
| Dividend rate | Rate | | | |

2. Profit distribution plan for 2024:

Unit: VND

| TT | ITEM | ACTUAL |
|-----|---|-----------------|
| 1 | Total Accounting Profit Before Tax | 7,305,557,459 |
| 2 | Corporate Income Tax (CIT) Payable | 0 |
| 3 | Profit after CIT, including: | 7,305,557,459 |
| 3.1 | Profit from Catering and Commercial Units | (2,134,761,226) |
| 3.2 | Profit from Thua Thien Hue Driving Training Center (TTDN Hue) | 6,165,278,482 |
| | Allocation of Company Management Fees from 2019-2023 per Tax Audit Conclusion dated January 22, 2025 January 22, 2025 | 1,897,225,121 |
| | Profit Distribution at TTDN Hue | |
| a | - Reward and Welfare Fund at TTDN Hue | 192,062,401 |
| b | - Distribution to other contributing members (outside the Company) | 1,673,054,194 |
| c | - Company profit from TTDN Hue | 2,402,936,766 |
| 3.3 | Profit from Danang Driving Training Center (TTDN Da Nang) | 3,275,040,202 |
| | Allocation of Company Management Fees from 2019-2023 per Tax Audit Conclusion dated January 22, 2025 | 43,283,107 |

| | | |
|---|---|----------------------|
| | Profit Distribution at TTDN Da Nang: | |
| a | - Reward and Welfare Fund at TTDN Danang | 0 |
| b | - Distribution to other contributing members (outside the Company) | 1,583,560,977 |
| c | - Profit distribution based on the Company's equity contribution | 1,648,196,118 |
| 4 | Remaining Company Profit after distribution to contributing parties per Business Cooperation Agreement at the two driving training centers: (4=3.1+3.2-3.2a-3.2b+3.3-3.3b) (Code 421b-BCDKT) | 3,856,879,886 |

2.1. Profit Distribution at the Two Driving Training Centers (business cooperation with external individuals):

a. At Da Nang Driving Training Center:

- During 2020-2021, due to the impact of the Covid-19 pandemic, the Center incurred a total loss of 4,159,410,208 VND (1,001,907,651 VND in 2020 and 3,157,502,557 VND in 2021).

- In 2022 and 2023, the Danang Driving Training Center had a total profit of 1,614,927,864 VND (1,054,061,208 VND in 2022 and 560,866,656 VND in 2023). This profit was insufficient to offset accumulated losses from previous years, so no profit was distributed to contributing parties. As of December 31, 2023, the Center had accumulated losses of 2,544,482,344 VND.

- In 2024, the Danang Center achieved a profit of 3,275,040,202 VND. After deducting company management fees (per Company Tax Audit Conclusion No. 503/CTDAN-CLTTKT1 dated January 20, 2025) and offsetting accumulated losses, the remaining 2024 profit was 687,274,751 VND, to be distributed to equity holders. The Company received 350,510,124 VND (51% equity contribution), and external individuals received 336,764,626 VND.

b. At Hue Driving Training Center:

- The Hue Driving Training Center had a post-tax profit of 6,165,278,482 VND in 2024. The Center had no accumulated losses. After allocating company management fees for 2019-2023 per the Tax Audit conclusion and deducting the 2024 Reward and Welfare Fund, the remaining profit was 4,075,990,960 VND, to be distributed to shareholders based on their equity contributions. The Company received 2,402,936,766 VND (58.95% equity contribution), and external individuals received 1,673,054,194 VND.

2.2. 2024 Profit distribution plan for the Company:

- The Company incurred consecutive losses in 2020 and 2021, with total accumulated losses of 27.03 billion VND. In the post-pandemic years from 2022 to 2024, the Company made a profit; however, the profit level remained low and insufficient to offset accumulated losses. Specifically, the profit from 2022-2024 after distribution to individuals according to the Business Cooperation Agreement at the two vocational training centers is as follows:

| Year | Unit | Profit after tax |
|-----------|------|------------------|
| Year 2020 | VND | (12,153,078,594) |
| Year 2021 | VND | (14,873,986,621) |
| In 2022 | VND | 54,127,931 |

| | | |
|--|------------|---------------|
| Year 2023 | VND | 2,844,306,165 |
| In 2024 | VND | 3,856,879,886 |
| Total accumulated losses (as of 31/12/2024) | VND | |

- The Company's profit in 2024 (after dividing it among capital contributors under the business cooperative contract and deducting the audit fund) will only reach VND 3.85 billion. According to the provisions of the Law (Point a, Clause 2, Article 135 of the Law on Enterprises 2020), the Company will retain all profits in 2024, do not deduct the Welfare Reward Fund and do not distribute dividends to shareholders to offset accumulated losses and improve the Company's financial situation.

2.3. Regarding 2019 Dividends:

- At the 2020 Annual General Meeting of Shareholders, a dividend rate of 25%/registered capital (VĐL) amounting to 10.67 billion VND was approved for shareholders. Due to the Company's consecutive losses in 2020-2021 due to the severe impact of the Covid-19 pandemic, and the low profit levels in 2022 and 2023, and significant accumulated losses, to alleviate capital and cash flow difficulties for MASCO, the General Meetings of Shareholders in 2021, 2022, and 2023 agreed to the Company's temporary suspension of dividend payments from 2019 profits to shareholders.

- At the 2024 General Meeting of Shareholders, shareholders voted to approve the Company's payment of dividends from 2019 profits in 2025. Therefore, it is proposed that shareholders delegate the Board of Directors to balance financial capacity and implement this before December 31, 2025.

3. 2025 Business Production and Operation Plan:

Based on the 2024 performance and the foreseen challenges and opportunities in business production and operation in 2025, the Board of Directors submits the following key targets for the 2025 Business Production and Operation Plan to the General Meeting:

Unit: million VND

| Target | Plan 2025 Board of Directors Proposed | Notes |
|-----------------------------------|---------------------------------------|--------------|
| 1. Average Equity Capital | 43,480 | |
| Including: | | |
| - Equity Capital as of 31/12/2024 | 42,677 | |
| 2. Meals output (meal) | 1,562,057 | |
| 3. Revenue | 207,101 | |
| 4. Total Expensive | 198,772 | |
| Including: Total Salary fund | 58,997 | |
| 5. Profit before tax | 8,329 | |
| 6. Profit after tax | 6,669 | |
| 7. Average Workforce | 465 | |
| 8. Total investment in the year | 31,902 | VAT included |

- In the context of the global economy in 2025, which is forecast to continue fluctuating, and with geopolitical conflicts posing many risks affecting the business environment, to proactively manage business production and operation, the Board of

Directors recommends that the General Meeting of Shareholders authorize the Board of Directors to proactively review and adjust the Plan when the market experiences unusual fluctuations that affect the results and business operations of the enterprise, in accordance with the actual situation. The Company will notify shareholders of any plan adjustments (if any).

4. 2025 Investment Plan: (Details in Appendix 01)

- Carry-over projects from 2024 : 18,878 billion VND
- New investment projects in 2025 : 13,024 billion VND
- Total planned investment for 2025 : 31,902 billion VND (VAT included)

5. The business operation orientation for the period 2025-2030

- The strategy for MASCO during the period from 2025 to 2030 confirms the commitment to maintain its leading position and develop the company into a specialized unit serving the aviation transport chain in the Central region, with a top priority on the catering and in-flight meal supply services.

| No | Indicator | Unit | 2025 | 2026 | 2027 | 2028 | 2029 | 2030 |
|----|-------------------|-------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| 1 | Meals output | Suất | 1,562,057 | 1,671,401 | 1,788,399 | 1,913,587 | 2,296,304 | 2,411,120 |
| 2 | Total Revenue | Million VND | 207,101 | 221,589 | 237,037 | 253,566 | 283,886 | 298,036 |
| 3 | Total Costs | Million VND | 198,772 | 211,782 | 226,899 | 243,273 | 270,625 | 283,857 |
| 4 | Profit Before Tax | Million VND | 8,329 | 9,807 | 10,138 | 10,294 | 13,261 | 14,179 |
| 5 | Charter capital | Million VND | 42,677 | 42,677 | 62,677 | 92,677 | 92,677 | 92,677 |
| 6 | Investment plan | Million VND | 31,902 | 16,050 | 32,000 | 108,000 | 24,500 | 13,500 |

6. Approval of the Board of Directors' Report (attached report)

- In 2024, the Board of Directors actively implemented the resolutions of the 2024 Annual General Meeting of Shareholders in accordance with the Company's Articles of Association and the Board of Directors' operating regulations.

7. Approval of the Supervisory Board's report (attached report)

- The Supervisory Board's report presents the activities carried out in 2024, fundamentally providing a comprehensive assessment of the Company's business production and operation, the management and operation of the Board of Directors and General Directors, investment activities, and project finalization in 2024, as well as an assessment of compliance with State law and the Company's Articles of Association. The report also summarizes the implementation of the 2024 General Meeting of Shareholders' resolutions.

8. Approval of the report on the payment of remuneration and salaries to the Board of Directors and Supervisory Board in 2024 and the plan for remuneration and salaries in 2025:

- Remuneration and salaries for the Board of Directors and Supervisory Board were paid in full (100%) according to the 2024 plan approved by the General Meeting of Shareholders, specifically:

8.1. Implementation of Remuneration and Salary Payments in 2024:

a. Remuneration: 78,780,000 VND

- Chairman of the Board of Directors: 1,625,000 VND/person/month, equivalent to 19,500,000 VND/year.
- Board of Directors Members: 910,000 VND/person/month, equivalent to 43,680,000 VND/year.
- Supervisory Board Members: 650,000 VND/person/month, equivalent to 15,600,000 VND/year.

b. Salaries: 93,600,000 VND

- Head of the Supervisory Board: 7,800,000 VND/person/month, equivalent to 93,600,000 VND/year

8.2. Remuneration and Salary Plan for 2025:

- The Company's plan for remuneration and salaries for the Board of Directors and Supervisory Board in 2025 is a 10% increase compared to 2024, totaling 190,080,000 VND, including:

a. Remuneration: 86,880,000 VND

- Chairman of the Board of Directors: 1,800,000 VND/person/month, equivalent to 21,600,000 VND/year.
- Board of Directors Members: 1,000,000 VND/person/month, equivalent to 48,000,000 VND/year.
- Supervisory Board Members: 720,000 VND/person/month, equivalent to 17,280,000 VND/year.

b. Salaries: 103,200,000 VND

- Head of the Supervisory Board: 8,600,000 VND/person/month, equivalent to 103,200,000 VND/year

The above is a report on the business targets, direction, and tasks for 2025. The Board of Directors respectfully submits this report and looks forward to receiving feedback from shareholders to achieve the best possible results in 2025.

With high unity and solidarity within the Board of Directors and General Directors, creativity, flexibility, and decisiveness in management and operation, along with the wholehearted support of shareholders, the Board of Directors and General Directors will certainly overcome the challenges of 2025 and successfully implement the objectives set by the General Meeting.

**On Behalf of the Board of Directors,
Chairman of the Board**



ĐÀO MANH KIEN

APPENDIX 1: 2025 INVESTMENT PLAN

Unit: Million VND

| STT | Portfolio | | | |
|-----------|--|------------------|--------------------------|-------------------------|
| | | Total investment | In which: Equity Capital | Implementation progress |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| A | Carry-over Project (I+II) | 18,878 | 5,664 | |
| I | Investment in Equipment (1+2+3) | 14,853 | 4,456 | |
| | Meal Transport Vehicles (3 Cars) | 14,853 | 4,456 | Q2 |
| II | Investment in construction (1+2) | 4,025 | 1,208 | |
| 1 | Projects in preparation | | | |
| 2 | Projects under implementation | 4,025 | 1,208 | |
| 2.1 | Waterproof CXR factory floor with metal roof. | 2,400 | 720 | 12.2024 |
| 2.2 | Add equipment and upgrade the CXR fire protection system | 1,625 | 488 | 12.2024 |
| B | New Investment Projects (I+II) | 13,024 | 5,057 | |
| I | Investment in miscellaneous equipment | 11,381 | 3,414 | |
| 1 | Projects in preparation | | | |
| 2 | Projects under implementation | 11,381 | 3,414 | |
| 2.1 | 4 Driving Training Vehicles (TTDN Da Nang 2, TTDN Hue 2) | 2,000 | 600 | Q2 |
| 2.2 | 5-seater automatic driving training vehicles (TTDN Hue 2) | 1,200 | 360 | Q2 |
| 2.3 | 5-seater manual driving training vehicles (TTDN Hue 5) | 2,750 | 825 | Q2 |
| 2.4 | 16-seater Vehicle for transporting flight attendants and instructors (CXR) | 905 | 272 | Q2 |
| 2.5 | Metal Detector (CXR Meal Security) | 350 | 105 | Q4 |
| 2.6 | Company Software Upgrade | 250 | 75 | Q3 |
| 2.7 | Other miscellaneous equipment | 500 | 150 | Whole year |
| 2.8 | Equipment at DAD and CXR | 3,426 | 1,028 | - |
| 2.8.1 | At Da Nang | 3,125 | 938 | |
| | Refrigerator/freezer/ice maker (7 units) DAD | 280 | 84 | Whole year |
| | Replacement 1.5HP air conditioner (10 units) | 200 | 60 | Whole year |
| | Industrial Washing Machine | 450 | 135 | Q2 |
| | Dishwashing machine | 580 | 174 | Q3 |
| | Refrigerator (2 units replacing 3 Pepsi refrigerators) | 140 | 42 | Q3 |
| | Indoor unit system, condenser compressor | 300 | 90 | Q3 |
| | Internal communication system | 150 | 45 | Q2 |
| | Replacement cold storage doors (3 doors) | 120 | 36 | Q3 |
| | Multi-purpose vegetable cutter (dicing, slicing, and julienning) | 35 | 11 | Q3 |
| | Flour sifter for bread making | 70 | 21 | Q3 |
| | Double tilting frying pan (2 units) | 800 | 240 | Q2 |



| | | | | |
|------------|--|---------------|---------------|------------|
| 2.8.2 | At Cam Ranh | 301 | 90 | |
| | Vehicle surveillance cameras (9 sets) | 36 | 11 | Q2 |
| | Replacement air conditioners 1.5HP (5 units) | 100 | 30 | Whole year |
| | Industrial floor cleaning machine | 30 | 9 | Q2 |
| | Fire Pump | 30 | 9 | Q2 |
| | Upgrade motorized roll-up doors with remote control (7 doors) | 105 | 32 | Q2 |
| II | Investment in construction (1+2) | 1,643 | 1,643 | |
| 1 | Projects in preparation | | | |
| 2 | Projects under implementation | 1,643 | 1,643 | |
| 2.1 | DAD infrastructure improvements | 1,015 | 1,015 | - |
| a | Replace tiles and granite in areas with peeling. | 120 | 120 | Q3 |
| b | Apply PVC plastic to replace peeling brick walls | 225 | 225 | Q3 |
| c | Reinforce drainage ditches and pour concrete in front of the factory | 170 | 170 | Q3 |
| d | Upgrade wastewater treatment system | 500 | 500 | Q4 |
| 2.2 | CXR Infrastructure improvements | 200 | 200 | |
| a | Repair and upgrade wastewater treatment system | 100 | 100 | Q3 |
| b | Repair and maintain workshop | 100 | 100 | Q2 |
| 2.3 | Phu Bai Infrastructure improvements | 428 | 428 | |
| a | Build a fence around a 318m2 plot | 158 | 158 | Q4 |
| b | Replacing ceramic tiles in peeling areas | 120 | 120 | Q3 |
| c | Upgrade wastewater treatment system | 150 | 150 | Q3 |
| | Total (A+B) | 31,902 | 10,720 | |



No: /BC-HDQT-DVĐN

Da Nang, April 17th 2025

REPORT

Assessment of the implementation of the 2020 - 2024 plan
and the strategy for the 2025 - 2030 period.

To: **THE ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS 2025**

PART I: IMPLEMENTATION OF THE 2020-2024 PLAN

I. Environmental Impact on Company Operations

1. Commercial Business Environment at Central Airports is Unfavorable:

- At Da Nang Airport, the area allocated for the company to lease is very small and located in less favorable positions for business.
- At Hue Airport: The company has to bid for commercial space at a high rental price.
- At Cam Ranh Airport: The company is not allowed to lease any commercial space.

2. Raw Material Prices Fluctuate Increasingly: The prices of raw materials are continuously rising, increasing input costs while product selling prices have remained unchanged for a long time.

3. Space for Building New Production Facilities: The area to construct a new meal processing facility at DAD has not yet been leased, which affects productivity, quality, and standards of the meal supply for international airlines.

II. Business Production Results for the 2020-2024 Period

1. Regarding Scale and Output:

- The average growth rate is 53% per year, of which:
 - + VNA: 45% per year
 - + Other airlines (VJ, Bamboo, PA...): 150% per year
- + The detailed output of meal supply is as follows:

| Indicator | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 | 2024 |
|------------------------------------|---------|---------|---------|-----------|-----------|
| 1. Meals output (meals) | 682,485 | 208,066 | 829,733 | 1,052,958 | 1,300,986 |
| - Domestic | 373,999 | 201,303 | 726,448 | 578,885 | 500,935 |
| - International | 308,486 | 6,763 | 103,285 | 474,073 | 800,051 |
| 2. Meals supply for VNA | 508,945 | 184,088 | 772,694 | 740,890 | 887,100 |
| - Domestic | 361,918 | 184,088 | 669,409 | 505,748 | 488,560 |
| - International | 147,027 | | 103,285 | 235,142 | 398,540 |
| 3. Meals supply for other airlines | 173,540 | 23,978 | 57,039 | 312,068 | 413,886 |
| - Domestic: VJ, Bamboo, PA, VU | 12,081 | 17,215 | 57,039 | 73,137 | 12,375 |
| - International | 161,459 | 6,763 | | 238,931 | 401,511 |

2. Market Share:

- At Da Nang International Airport and Phu Bai Airport: The meal supply output accounts for 100%.
- At Cam Ranh International Airport: The meal supply output accounts for 60%.

3. Financial Performance:

- The company's business operations during the 2020-2024 period faced many difficulties due to the impact of the Covid-19 pandemic. Key performance indicators such as revenue have significantly decreased, resulting in a loss of 13.7 billion VND, detailed as follows:

Unit: Million VND

| No | Indicator | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 | 2024 |
|----|--|----------|----------|---------|---------|---------|
| 1 | Total Revenue | 102,258 | 51,896 | 105,950 | 146,542 | 178,792 |
| | - Revenue from Sales and Service Provision | 97,294 | 45,086 | 104,880 | 145,321 | 177,231 |
| | Revenue for supply for VNA | 34,155 | 10,524 | 38,591 | 54,306 | 70,831 |
| | - Revenue from Financial Activities | 41 | 49 | 15 | 64 | 312 |
| | - Other income | 4,923 | 6,761 | 1,055 | 1,157 | 1,249 |
| 2 | Total costs | 113,347 | 66,733 | 104,664 | 142,890 | 171,487 |
| 3 | Total Profit Before Tax | (11,089) | (14,837) | 1,286 | 3,652 | 7,305 |
| 4 | Total Profit After Tax | (11,089) | (14,837) | 1,286 | 3,652 | 7,305 |

- **Loss in 2020-2021:** 25.9 billion VND; **Profit in 2022-2024:** 12.2 billion VND.
- Due to the impact of the Covid-19 pandemic, the growth rates of revenue and profit indicators for the 2020-2024 period are not accurately reflected.

3.1. Meal Supply Sector: The average annual revenue growth rate is 68%. Revenue and profit indicators from meal supply have a relatively higher proportion compared to other sectors. The average proportion of meal revenue to total revenue is 60%.

3.2. Grocery and Processing Sector: The average annual revenue growth rate is 110%. The average proportion of revenue to total revenue is 11%.

3.3. Driver Training Sector: The average annual revenue growth rate is 13%. The average proportion of revenue to total revenue is 26%.

3.4. Financial Situation Assessment:

- Monthly, the company always prepares a cash flow balancing plan, detailing each revenue and expense item, including investment and production activities, ensuring timely payments.

- Based on the production and investment plans, the company also prepares financial plans and forecasts cash flow for the planned year to maintain cash balance.

- Accounts receivable include difficult-to-collect debts: 1,481,124,999 VND from Indochina Airlines, for which the company has provided a 100% reserve. Remaining monthly receivables mainly come from airlines, including VNA.

- Capital utilization and efficiency: All loans are used to supplement working capital and invest in fixed assets, specifically infrastructure, and meal production equipment in Da Nang and Cam Ranh to enhance service quality and increase working capital for business operations.

4. Investment Situation:

- Annually, the company invests in projects approved by the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors to improve infrastructure and invest in modern machinery and equipment to increase labor productivity and product quality. The company only implements essential investment items that align with its financial situation, specifically:

- + Investment in driving training vehicles at Da Nang and Thua Thien Hue.
- + Investment in vehicles for transportation in Cam Ranh.
- + Renovation of meal processing facilities in Phu Bai, Da Nang, and Cam Ranh.

- Specifically, the project to build a new meal processing facility in Da Nang, as planned by Da Nang Airport, has had land lease applications submitted to the Vietnam Civil Aviation Authority since 2017, but no results have been received, so the project has not been realized during the 2020-2024 period.

5. Human Resource Development:

Labor Structure by Qualification as of December 31, 2024

| No | Labor Structure by Qualification | Number of Employees | Rate % |
|----|-------------------------------------|---------------------|-------------|
| 1 | University and Postgraduate Degrees | 139 | 32% |
| 2 | College | 129 | 29% |
| 3 | Basic Level and Technical Workers | 173 | 39% |
| | Tổng | 441 | 100% |

Labor Structure by Position as of December 31, 2024

| No | Labor Structure by Position | Number of Employees | Rate % |
|----|--------------------------------------|---------------------|-------------|
| 1 | Management Staff | 22 | 5% |
| 2 | Professional and Technical Staff | 18 | 4% |
| 3 | Direct Production and Business Staff | 401 | 91% |
| | Tổng | 441 | 100% |

5.1. Training and Development of Human Resources:

- Employees upon joining the company receive initial training and periodic training as per regulations. The company places great emphasis on training and development to enhance employees' knowledge and skills.

- The training content as required includes:

- + Training in accordance with labor laws, food safety, and fire prevention regulations.
- + Training based on the specific requirements of the aviation industry: The company complies with regulations set by authorities, international aviation organizations, and transport companies. These training contents are conducted by units approved and licensed by the Civil Aviation Authority of Vietnam.

5.2. Labor Productivity and Average Wages:

| Indicator | Unit | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 | 2024 |
|-----------------------------|--------------------------|------|------|------|------|-------|
| Average Number of Employees | Person | 418 | 295 | 420 | 420 | 441 |
| Average Labor Productivity | Million VND/person/month | 20.4 | 14.7 | 29.4 | 29.4 | 33.0 |
| Average Wages | Million VND/person/month | 5.37 | 4.40 | 6.48 | 8.67 | 10.00 |

6. Development of Technical Capacity, Service Quality, and Brand:

- Enhance the promotion and image of the Masco brand by participating in the FESTA event in Da Nang with the VNA group. This aims to widely introduce both tourists and the local population in Da Nang to in-flight meals in general and MASCO's offerings in particular.

- Review, evaluate, and implement competitive service strategies for meal provision according to the standards required by airlines. Focus on developing new menus and strengthening marketing efforts: proactively offering services to partner airlines and new airlines, with particular attention to after-sales service policies to maintain stability in the business model of in-flight meal services, which has been identified as the company's strategy.

- Regularly invest in increasing the capacity of machinery, equipment, and transportation means for in-flight meals to enhance service quality within the air transport chain.

7. Collaboration:

- The company actively seeks close cooperation with partners in the aviation industry to jointly develop lounge services in Central Vietnam airports.

- Seek partners for joint ventures to develop the business sectors of trade and dining at Central Vietnam airports.

III. General Assessment:

1. Achievements:

- Completed the staffing organization of the company for the term 2021-2025.
- Finalized the pricing policy for meal services and handling with the goal of reducing prices and improving product quality to prepare for competition in the upcoming period.
- Maintained and continuously improved the food safety management system ISO 22000:2018; completed the certification assessment of the food safety management system according to ISO 22000 standards at all three meal units within the company. Effectively

maintained the management process for Halal meals at XNSA Da Nang and the Nha Trang branch.

- Successfully participated in a collective insurance purchase with Vietnam Airlines Corporation since 2020, covering property, facilities, and transportation means.

- Regularly maintained the inspection and monitoring of quality standards and food safety; effectively implemented savings policies and adhered to regulations and labor discipline throughout the company.

2. The Company's Relationship and Contributions to the Business Operations of Vietnam Airlines Corporation:

- The company is a joint-stock entity with a capital contribution of 36.11% from the parent corporation. Its main business activities serve the aviation chain, such as meal provision, meal transportation, and crew transport.

- The parent corporation has been a significant customer for the company; it is the only provider of meals at Da Nang, Phu Bai, and Cam Ranh airports for Vietnam Airlines, including domestic and international flights. In addition to aviation services, the company also produces and supplies internal products for the parent corporation.

3. Limitations and Causes:

- The infrastructure for aviation service provision in Da Nang is overloaded and has not yet received land for new construction to keep pace with the development speed and service standards of international airlines.

- Service quality issues still persist due to production management shortcomings, affecting Masco's reputation and brand.

- The charter capital remains low compared to current capabilities, directly impacting the company's business operations and investment efforts.

PART 2: COMPANY STRATEGY FOR THE PERIOD 2025-2030

I. Mission, Vision, Core Values:

1. Mission and Vision:

- The strategy for the period from 2025 to 2030 of MASCO affirms its commitment to maintaining its leading position and building the company into a specialized unit serving business areas related to the air transport chain in the Central region, with a top priority on providing in-flight meal services.

2. Core Values:

- Safety and quality according to international standards, modern production infrastructure with advanced equipment and a favorable location are the foundation for all activities.

- Always responsive, attentive, and providing services that meet all customer needs.

- A skilled workforce dedicated to their profession, with a reward policy that is harmoniously developed according to each phase, based on fairness and deserved benefits in each business unit and for employees.

- Continuously updating and innovating products and production capacity to timely meet customer needs and benefits.

II. Business Environment:

1. Macroeconomic Environment:

- The aviation industry in Vietnam and worldwide is experiencing strong growth post-pandemic but still faces numerous challenges. The number of passengers in 2024 has increased by 4.3% compared to the peak period in 2019 (before the COVID-19 pandemic), and airlines are quickly recovering and expanding their flight networks. However, global conflicts have led to unpredictable fluctuations in raw material and fuel prices, while the rising USD exchange rate presents additional challenges for the Vietnamese aviation industry.

- U.S. tariff policies exert significant pressure on Vietnam's GDP growth target of 8% for 2025 and subsequent years. This necessitates government measures to restructure the economy and enhance competitiveness. Rising production costs negatively impact consumer purchasing power, leading to a decrease in demand for air travel.

2. Industry Environment:

- As a unit specializing in providing meal, beverage, and transportation services for Vietnam Airlines in the Central region, with an average annual revenue of 66 billion VND from aviation services, MASCO primarily focuses on:

+ Providing meal, beverage, and meal transportation services to aircraft at Da Nang (DAD), Cam Ranh (CXR), and Phu Bai (HUI) airport.

+ Providing crew transportation services on and off the apron for Vietnam Airlines at Cam Ranh airport.

+ Providing blanket laundry services at Cam Ranh (CXR).

+ Providing meals in the Lotus business lounge at the international terminal for VIAGS.

3. Business Analysis (SWOT):

Strengths:

- The company has over 30 years of experience in providing in-flight meals, with all necessary certifications, meeting ISO and HACCP standards.
- A skilled and long-term workforce with extensive experience and commitment to the company.
- In the field of driver training, with increasing demands and strict requirements from authorities, there are fewer licensed driving training facilities. MASCO is a business with all licenses and certifications from the state for driver training.
- MASCO primarily operates in the air transport chain in the Central region, specifically at Da Nang International Airport, Cam Ranh, and Phu Bai.

Weaknesses:

- In Da Nang, the infrastructure is deteriorating, with limited space making it difficult to upgrade and comply with regulations and processes for in-flight meal supply. It does not meet the growth demands of the aviation industry at Da Nang International Airport in the current phase and the development stages leading up to 2030.
- In Da Nang and Phu Bai, the company has been the sole supplier of in-flight meals, resulting in a relatively inexperienced marketing team that lacks proactivity in customer engagement and care.

| | |
|--|--|
| <p>Currently, it is the only provider of meal supply and transportation at Da Nang and Phu Bai airports, which is a significant advantage for MASCO's business operations.</p> <p>- MASCO is a joint-stock entity with over 36% capital contribution from Vietnam Airlines, making it a major customer for the company.</p> | |
| <p>Opportunities:</p> <ul style="list-style-type: none"> - The increasing number of flights at the airports where the company is located. - Major airlines are investing more and raising their in-flight meal standards. - The non-airline market is imposing stricter standards regarding food safety and quality, providing the company with additional opportunities to penetrate this market segment. | <p>Threats:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Competitors are active in all aspects and sectors in which the company operates, such as meal services, driver training, and trade. - Many companies with experience in the catering industry are looking to expand into Central Vietnam's airports, including those where MASCO is based. - The quality of goods and souvenirs available in the city is improving, leading customers to prefer shopping outside the airport due to high prices and inconvenient packaging. |

III. Objectives and Development Directions of the Company for the Period 2025-2030:

- Strengthen marketing efforts and quality management in the provision of in-flight meal services according to the standards required by airlines. Focus on building and applying a low-cost strategy, with particular attention to three main factors: pricing, menu structure, and product quality.

- Ensure a safe and healthy financial situation, with strict management of receivables. Enhance supportive relationships, cooperation, and internal product supply to improve business efficiency.

- Digitize management, operational processes, and information. Prioritize capital investment in machinery and equipment, and develop infrastructure for projects serving the air transport chain to enhance service product quality, meet production demands, and ensure the company's sustainable development.

- Restructure the workforce to align with new conditions, emphasizing recruitment, training, and development of human resources to ensure the workforce meets new requirements.

- Expand transportation services, such as transporting cargo at Da Nang and Phu Bai airports, and laundry services for international flights arriving and departing from Da Nang airport.

1. Production Plan:

- Based on the passenger volume plans of international airlines and IATA forecasts for the global aviation industry.

- Based on the passenger volume plans for the period 2025-2030 of Vietnam Airlines Corporation.

- Based on the business results of 2024 and contracts signed with airlines, the company has developed a meal production plan for the period 2025-2030 that aligns with the actual situation of the unit, specifically as follows:

Unit: Meal

| Indicator | 2025 | 2026 | 2027 | 2028 | 2029 | 2030 |
|------------------------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| 1. Meals output | 1,562,057 | 1,671,401 | 1,788,399 | 1,913,587 | 2,296,304 | 2,411,120 |
| - Domestic | 572,807 | 612,904 | 655,807 | 701,713 | 842,056 | 884,159 |
| - International | 989,250 | 1,058,497 | 1,132,592 | 1,211,873 | 1,454,248 | 1,526,961 |
| 2. Meals supply for VNA | 1,100,836 | 1,177,895 | 1,260,347 | 1,348,571 | 1,618,286 | 1,699,200 |
| - Domestic | 530,984 | 568,153 | 607,924 | 650,478 | 780,574 | 819,603 |
| - International | 569,852 | 609,742 | 652,424 | 698,093 | 837,712 | 879,597 |
| 3. Meals supply for other airlines | 461,221 | 493,506 | 528,052 | 565,015 | 678,019 | 711,920 |
| - Domestic: VJ, Bamboo, PA, VU | 41,823 | 44,751 | 47,883 | 51,235 | 61,482 | 64,556 |
| - International | 419,398 | 448,756 | 480,168 | 513,780 | 616,536 | 647,363 |

2. Financial Plan:

- It is projected that in 2027-2028, the company will issue shares to increase its charter capital from 42.7 billion VND to 92.7 billion VND, raising an additional 50 billion VND to invest in building a new meal processing facility in Da Nang when land is leased at Da Nang Airport.

- Based on the production and business plan and the annual investment plan, the company will establish a financial plan to proactively balance cash flow, specifically as follows:

| No | Indicator | 2025 | 2026 | 2027 | 2028 | 2029 | 2030 |
|----|--------------------------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| I | Meal output | 1,562,057 | 1,671,401 | 1,788,399 | 1,913,587 | 2,296,304 | 2,411,120 |
| 1 | Supply for VNA Group | 1,100,836 | 1,177,895 | 1,260,347 | 1,348,571 | 1,618,286 | 1,699,200 |
| | Supply for VNA | 1,100,836 | 1,177,895 | 1,260,347 | 1,348,571 | 1,618,286 | 1,699,200 |
| 2 | Meals supply for other airlines | 461,221 | 493,506 | 528,052 | 565,015 | 678,019 | 711,920 |
| II | Business result | | | | | | |
| 1 | Investment Capital from Shareholders | 42,677 | 42,677 | 62,677 | 92,677 | 92,677 | 92,677 |

| | | | | | | | |
|----------|--|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
| | + Capital from VNA | 15,413 | 15,413 | 22,636 | 33,471 | 33,471 | 33,471 |
| 2 | Total revenue | 207,101 | 221,589 | 237,037 | 253,566 | 283,886 | 298,036 |
| | - Revenue from Sales and Service Provision | 206,251 | 220,689 | 236,137 | 252,666 | 282,986 | 297,136 |
| | Revenue for supply for VNA | 88,164 | 94,335 | 100,939 | 108,004 | 120,965 | 127,013 |
| | - Revenue from Financial Activities | 350 | 400 | 400 | 400 | 400 | 400 |
| | - Other income | 500 | 500 | 500 | 500 | 500 | 500 |
| 3 | Total costs | 199,583 | 211,782 | 226,899 | 243,273 | 270,625 | 283,857 |
| | - Business cost | 196,525 | 210,282 | 222,899 | 236,273 | 264,625 | 277,857 |
| | - Financial cost | 2,808 | 1,500 | 4,000 | 7,000 | 6,000 | 6,000 |
| | - Other cost | 250 | | | | | |
| 4 | Profit before tax | 7,518 | 9,807 | 10,138 | 10,294 | 13,261 | 14,179 |
| 5 | Profit after tax | 6,670 | 8,701 | 8,995 | 9,133 | 11,766 | 12,581 |
| 6 | Investment plan | 31,902 | 16,050 | 32,000 | 108,000 | 24,500 | 13,500 |

3. Resource Development Plan:

- Build a team of professional staff with comprehensive knowledge and skills, enthusiasm, and high work efficiency; capable of working independently and in teams, ready to adapt to changes in the business environment.

- Accelerate labor productivity growth. Ensure an average income of 10 million VND per person per month, providing benefits for staff.

- Create a friendly working environment with a unique culture to maximize employee potential and foster long-term commitment to the company.

- Develop a plan to increase the social insurance contribution for employees.

4. Investment Plan:

- Focus on investing in machinery and equipment, and building infrastructure for projects serving air transport services, aiming to modernize facilities, enhance production capacity, improve service quality, and increase market competitiveness.

- Emphasize investing in transportation vehicles to enhance service capacity, modernizing the meal transport fleet, and regularly assessing vehicle technical conditions to ensure service quality.

- From 2025 to 2030: Implement new investments in a meal processing facility in Da Nang once the land lease proposal is approved. Upgrade and expand the meal processing facility at Phu Bai Airport as the market grows.

- Lease land for a practical driving training area.

5. Need for Increased Charter Capital:

- Based on the production and business plan and the investment plan for the period 2025-2030 to ensure a balanced capital source, the company will issue an increase in equity of 50 billion VND, raising it from 42.7 billion VND to 92.7 billion VND. The increased

capital will primarily focus on implementing the investment in a new meal processing facility in Da Nang.

- The plan for increasing equity will be divided into two phases:
- + Phase 1: In 2027, an additional 20 billion VND
- + Phase 2: In 2028, an additional 30 billion VND

IV. Action Plan and Solutions for Implementation in Each Area:

1. For the Service Trade Sector: Monitor and reassess the business efficiency of each unit, particularly in Da Nang regarding input and selling prices through daily online reporting in the accounting and sales information system. Analyze and evaluate performance and develop a performance-based plan to avoid losses in this business area.

2. Expand the Market for Meal Supply Services and Strengthen Internal Industry Links:

- Expand the non-airline service market by leveraging excess production capacity and creating additional revenue:

- Provide fast meal products and packaged snacks to customers through direct sales channels of the company and food delivery companies.

- Explore selling at locations with demand for quick meals, such as tourist spots and universities, using modern mobile vending trucks while ensuring food safety (as implemented by major catering companies worldwide, like in France and Brazil).

- Strengthen internal industry collaboration: Given the recent challenges at Cam Ranh and Noi Bai airports, collaboration among companies within the VNA Group is critical to enhance competitiveness and business efficiency.

3. Strengthening the Application of Information Technology in Management:

- **Management Tasks:** Implement digital transformations across all management activities of the company, including human resources, customer relations, work processes, business operations, and communications, into a unified platform. This will create an online working environment, enabling timely supervision and improving overall company efficiency, saving leadership time in operations, and allowing quick responses to new conditions, such as remote work during health crises.

- Applications in Food and Meal Sales:

+ While some airlines have suspended in-flight food and beverage services, others have formed unique partnerships with food delivery and ordering service companies to allow passengers to enjoy meals on board. Passengers can order a meal through a digital platform up to one hour before their flight. Meals are prepared by food suppliers and delivered directly to the aircraft, where flight attendants serve the meals. With in-flight delivery, payments are made in advance, allowing airlines to know which passengers have pre-ordered meals. This also reduces communication and service time between passengers and the crew.

+ Innovative services are expected to minimize food waste by reducing the number of meals prepared and taken on board but not consumed. This is a future trend for airlines aimed at cost reduction and will significantly impact meal service providers.

+ Therefore, in the upcoming period, the company needs to prepare resources to adapt, register sales and delivery channels through digital applications (App, Chatbot, website, etc.).

NG TY
PHAN
UANG
IN BA
A NANG
HAU - T

